TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Date: 2023.04.03 18:28:49 +07'00'

POW

# 15 NĂM
# MẠNH MẼ DẪN ĐẦU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

# MỤC LỤC

## Mở đầu

1. Thông điệp của Ban Lãnh đạo 06
2. Dấu ấn, giải thưởng 2022 08
3. Sự kiện, Lễ ký kết, Hợp tác Kinh doanh năm 2022 10
4. An sinh xã hội năm 2022 12

## I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát 18
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 19
3. Quá trình hình thành và phát triển 21
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 24
5. Định hướng phát triển 52
6. Các rủi ro 56

## II. Tình hình hoạt động năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 60
2. Tổ chức và nhân sự 64
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 66
4. Tình hình tài chính 73
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu 74
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty 76

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 82
2. Tình hình tài chính 86
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 87
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 88
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: không có. 93
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty 93

## IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội 98
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty 104
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 106

## V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị 112
2. Ban Kiểm soát 115
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát 118

## VI. Báo cáo Tài chính

Ông **Hồ Công Kỳ**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông **Lê Như Linh**
Tổng giám đốc

# THÔNG ĐIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi Quý cổ đông, Đối tác, Quý khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên,

Năm 2022 là năm đánh dấu mốc tròn 15 năm xây dựng và phát triển của PV Power. Sau 15 năm bền bỉ "Sinh năng lượng – dưỡng tương lai", tập thể Ban lãnh đạo và người lao động của Tổng công ty đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước. Đây là mốc son đầy ý nghĩa, tiếp thêm động lực cho tập thể PV Power tiếp tục nỗ lực và đạt được những thành tựu mới trong chặng đường tiếp theo.

15 năm qua là chặng đường không quá dài nhưng PV Power đã từng bước khẳng định vị trí quan trọng trên bản đồ năng lượng nước nhà với tư cách là doanh nghiệp sản xuất điện hàng đầu Việt Nam với tổng sản lượng điện cung cấp ra thị trường đạt hơn 250 tỷ kWh, đứng thứ 2 cả nước (chỉ sau Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và là doanh nghiệp sản xuất điện khí lớn nhất Việt Nam. Bằng kinh nghiệm và sự chuẩn bị chu đáo, PV Power sẵn sàng bước vào giai đoạn phát triển mới để dòng điện từ các nhà máy của PV Power tỏa đi khắp muôn nơi của mọi miền tổ quốc, thực hiện chủ trương "Điện đi trước một bước" của Chính phủ.

Năm 2022 ghi nhận tình hình thực tế khác xa dự kiến tích cực ban đầu. Mặc dù dịch bệnh Covid đã lùi lại song nhiều biến cố trong và ngoài nước đã làm cho hoạt động của PV Power gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Dẫu vậy, năm 2022 PV Power đã đạt được những dấu ấn đáng ghi nhận: Cán mốc 50 triệu giờ công an toàn; Là Tổng công ty phát điện đầu tiên tại Việt Nam được Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm ở mức "BB" 2 năm liên tiếp 2021-2022, xếp thứ 71 trong Bảng xếp hạng PROFIT500 – Top 500 Doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công bố, được trao giải Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức; Top 10 Doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm vốn hóa lớn năm 2022.



Kính thưa Quý cổ đông,

Bối cảnh nền kinh tế, xã hội và các kết quả mà PV Power đã đạt được trong năm 2022 sẽ là tiền đề cho kế hoạch tổng thể của Tổng công ty trong những năm tiếp theo. Năm 2023 sẽ tiếp tục là năm đầy thách thức nhưng cũng là cơ hội để PV Power chinh phục những nhiệm vụ mới, quyết tâm thực hiện và đạt được các mục tiêu đã đề ra, cụ thể:

- Phấn đấu tổng sản lượng điện sản xuất năm 2023 đạt 15,6 tỷ kWh.
- Triển khai các công tác đầu tư hiệu quả và hiện đại các Nhà máy điện trong năm 2023 theo kế hoạch;
- Đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Cà Mau 1&2; Bổ sung nguồn khí và đàm phán ký hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo.
- Duy trì cấp nguồn nguyên liệu than ổn định, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1, đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho nhà máy.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4. Hoàn tất về cơ bản việc thu xếp vốn, đàm phán các hợp đồng PPA, GSA và triển khai dự án đúng tiến độ.
- Triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh.
- Tập trung đẩy mạnh hoạt động đầu tư năng lượng tái tạo theo hướng điện tái tạo thay thế điện tự dùng; tiết kiệm điện và lưu trữ điện.
- Tiếp tục thu hút, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý có chuyên môn cao, dần thay thế chuyên gia nước ngoài.
- Làm chủ công nghệ tiến tới áp dụng nội địa hóa vật tư thiết bị, đẩy nhanh hoạt động chuyển đổi số để tối ưu hóa giảm giá thành.

Với kinh nghiệm và nguồn lực tích lũy được, PV Power tự tin sẽ hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra, đáp ứng yêu cầu của cổ đông. Thay mặt Ban Lãnh đạo, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và toàn thể CBCNV đã luôn tin tưởng và hỗ trợ PV Power trong suốt thời gian qua, mong quý vị sẽ tiếp tục ủng hộ và đồng hành PV Power trong thời gian tới.

Kính chúc Quý vị hạnh phúc, sức khỏe và thành công!

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hồ Công Kỳ

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Như Linh

# Dấu ấn 2022

## 24/03/2022

PV Power và liên danh nhà thầu Samsung C&T Corporation - Lilama ký Hợp đồng EPC Dự án điện Nhơn Trạch 3&4 cùng các thỏa thuận liên quan

## 26/05/2022

PV Power được tổ chức Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm quốc tế năm thứ 2 liên tiếp ở mức "BB" với triển vọng tích cực.

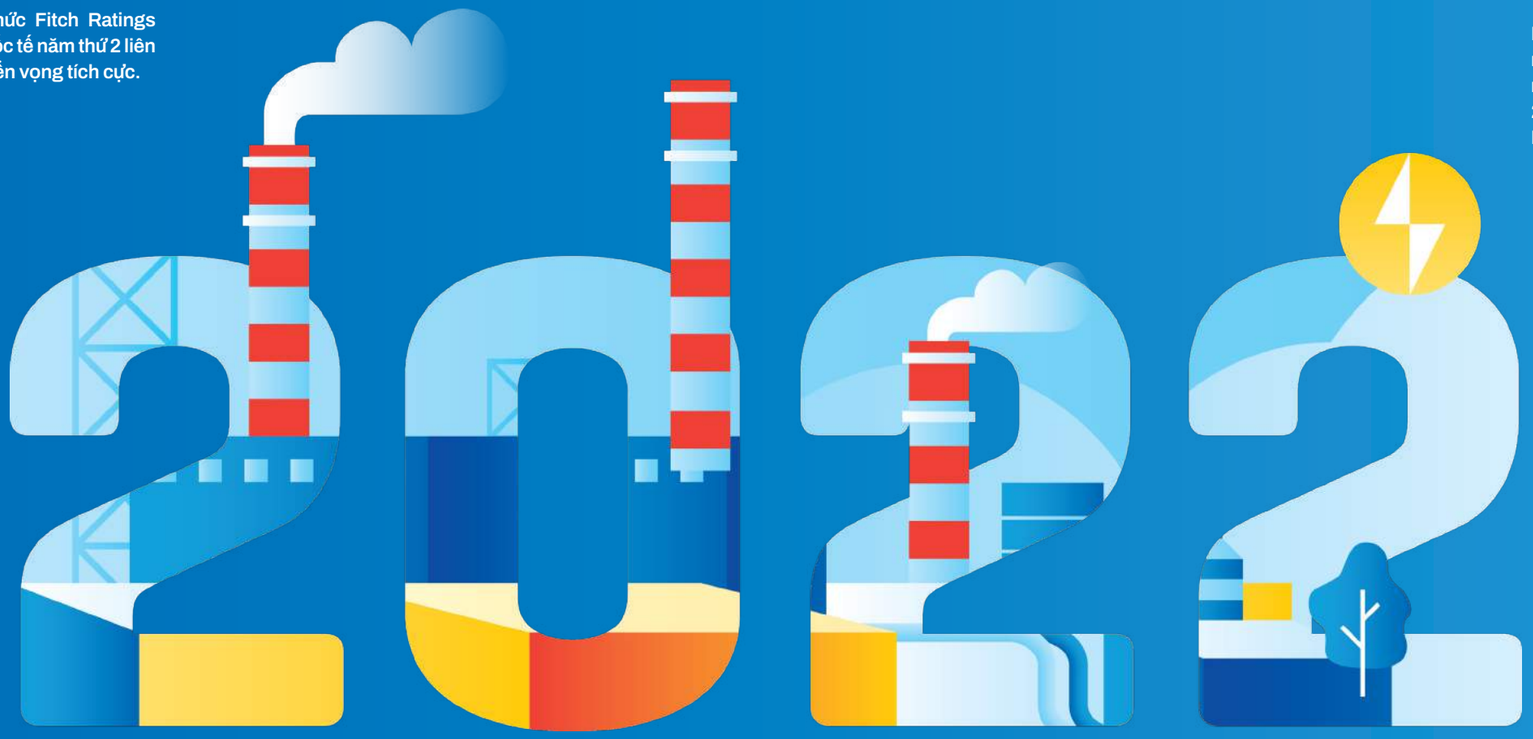

## 23/08/2022

PV Power tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh; Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN vào ngày 02/11/2022.

## 23/12/2022

PV Power kỷ niệm 15 năm ngày thành lập đồng thời đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì của Chủ tịch nước.

## 28/12/2022

PV Power và đối tác đã ký kết hợp đồng mua bán tòa nhà văn phòng của PV Power (DLC)





# Giải thưởng 2022

## 16/11/2022

PV Power nhận Bằng khen của VCCI tại Chương trình "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì.

## 02/12/2022

PV Power nhận giải Top 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm vốn hóa lớn năm 2022 tại Lễ trao giải cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết năm 2022.

## 01/12/2022

PV Power được vinh danh Top 100 doanh nghiệp bền vững tại lễ vinh danh các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2022 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) tổ chức.

## 03/12/2022

PV Power được tôn vinh và trao chứng nhận "Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hóa kinh doanh Việt Nam" năm 2022 tại Diễn đàn quốc gia thường niên "Văn hóa với Doanh nghiệp" lần thứ hai với chủ đề "Chấn hưng Văn hóa - nền tảng phục hồi và phát triển kinh tế bền vững" do Hội đồng Quốc gia xét duyệt.

# Sự kiện, Lễ ký kết, Hợp tác Kinh doanh năm 2022

PV Power cùng IB Global và IDG Capital Việt Nam đã ký biên bản ghi nhớ thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa PV Power và Quỹ Năng lượng sạch Việt Nam sau khi thành lập

**28/01/2022**

Tại Hoa Kỳ, PV Power và Tập đoàn General Electric (GE) đã ký kết thoả thuận hợp tác về Phát triển giải pháp nâng cao hiệu quả Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 và Hợp tác dài hạn về bảo trì Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4

**11/05/2022**

PV Power ký hợp đồng tín dụng vay vốn lưu động trị giá 1.500 tỷ đồng với Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (Vietcombank)

**24/08/2022**

Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa PV Power và hai đơn vị thành viên của Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel là Tổng công ty Sản xuất Thiết bị Viettel (VMC) và Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel (VTS)

**21/09/2022**

Tại Singapore, PV Power và Liên danh nhà thầu GE Global Parts & Products GmbH và GE International Inc. (GE) đã ký kết “Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa định kỳ dài hạn khối thiết bị chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4”

**28/11/2022**

PV Power và đối tác đã ký Hợp đồng mua bán công trình xây dựng - Toà nhà văn phòng làm việc của PV Power (DLC). Dự kiến, tòa nhà DLC sẽ được bàn giao vào năm 2024

**28/12/2022**

# An sinh xã hội năm 2022

## 20/05/2022

Tại tỉnh Hoà Bình, PV Power đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tổ chức lễ khánh thành và đưa vào sử dụng công trình nhà học đa năng tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Do Nhân, xã Nhân Mỹ, huyện Tân Lạc. Công trình được khởi công từ giữa năm 2021 với 2 tầng, 6 phòng học khang trang có tổng diện tích hơn 700m2. PV Power là nhà tài trợ 100% tổng kinh phí xây dựng trị giá gần 5 tỷ đồng.

PV POWER TÀI TRỢ TỔNG KINH PHÍ TRỊ GIÁ GẦN
5.000.000.000 VND

## 21/05/2022

Hưởng ứng tháng Thanh niên 2022 và Kỷ niệm chào mừng 132 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên PV Power đã tổ chức trao các phần quà hỗ trợ tới 86 em nhỏ mồ côi mất đi người thân vì dịch Covid 19 tại Tp. Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai với tổng số tiền ủng hộ là 460.600.000 đồng.

PV POWER ỦNG HỘ 86 EM NHỎ MỒ CÔI
460.600.000 VND

## 22/07/2022

Nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ Việt Nam, PV Power đã tổ chức đến gặp gỡ, thăm hỏi và tặng quà các thương bệnh binh nặng tại Trung tâm điều dưỡng thương binh nặng Duy Tiên - Hà Nam. Đây là một hoạt động thường niên của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Hội CCB Tổng công ty nhằm tri ân với các thương binh, bệnh binh và thân nhân các gia đình liệt sĩ, thể hiện sự biết ơn đối với những người đã chiến đấu, hy sinh quên mình vì Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc.

## 19/05/2022

PV Power cùng chính quyền địa phương xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức khánh thành công trình nhà học 2 tầng, trường Mầm non Thanh Lộc. Công trình là Chương trình trọng điểm của PV Power trong năm 2020 - 2021. Được khởi công xây dựng từ ngày 01/02/2021 và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 19/11/2021 với khối nhà 2 tầng 6 phòng họp với tổng diện tích 1.051,8m2 Tổng kinh phí của công trình là gần 6,5 tỷ đồng, trong đó PV Power tài trợ 5 tỷ đồng.

HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VỚI TỔNG DIỆN TÍCH
1.051,8 M2
PV POWER TÀI TRỢ
5.000.000.000 VND

## 30/07/2022

Tại TP. Huế, Đoàn Thanh niên PV Power đã phối hợp cùng Kênh VTV1 - Đài truyền hình Việt Nam thực hiện Chương trình thiện nguyện "Cặp lá yêu thương". Đại diện cho toàn thể CBCNV PV Power, tại đây, Đoàn Thanh niên Tổng công ty đã trao tặng cho em Nguyễn Hoàng Thiên Long – một học sinh nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại Huế số tiền trị giá: 30.000.000 đồng cùng các món quà bằng hiện vật. "Cặp lá yêu thương" là chương trình truyền hình được đánh giá rất cao về tính nhân văn và ý nghĩa thiết thực đối với người nghèo, có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.

## 06/10/2022

PV Power đã phát động ủng hộ đồng bào miền Trung nhằm khắc phục ảnh hưởng của cơn bão số 4 - Noru với mong muốn chung tay ủng hộ đồng bào miền Trung thân yêu

## 01/10/2022

Đoàn công tác của PV Power đã có một số hoạt động hưởng ứng phong trào trồng cây xanh tại Nhà máy Thuỷ điện Hủa Na, tỉnh Nghệ An. Nằm trong kế hoạch triển khai chương trình trồng 3 triệu cây xanh do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phát động, trong năm qua, các đơn vị của PV Power đã có những chương trình, hình thức hưởng ứng rất sinh động, sáng tạo như vườn cây ăn quả, vườn cây thanh niên... Tại PV Power HHC, số lượng cây đăng ký là 35.500 cây và Công ty đã hoàn thành trồng được 32.897 cây

32.897 CÂY

## 18/11/2022

PV Power cùng chính quyền địa phương huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cắt băng khánh thành Nhà giáo dục cộng đồng thôn Đan Hội, xã Dân Chủ. Công trình được khởi công xây dựng từ ngày 15/9/2021 với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng bao gồm các hạng mục; Nhà văn hoá, khu vực đọc sách; sân tập thể, vui chơi...

TỔNG KINH PHÍ HƠN

2.000.000.000 VND

## 26/11/2022

Tại trụ sở UBND xã Phước Khánh, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện tổ chức trao tặng quà cho 20 đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng tại Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Chương trình là sự phối hợp giữa đại diện chủ đầu tư PV POWER và Nhà thầu FECON với UBND Xã Phước Khánh trao 20 quà cho các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng, mỗi phần quà trị giá 2.000.000 đồng.

# I. THÔNG TIN CHUNG

1 Thông tin khái quát 18
2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 19
3 Quá trình hình thành và phát triển 21
4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 24
5 Định hướng phát triển 52
6 Các rủi ro 56

# 1. Thông tin khái quát

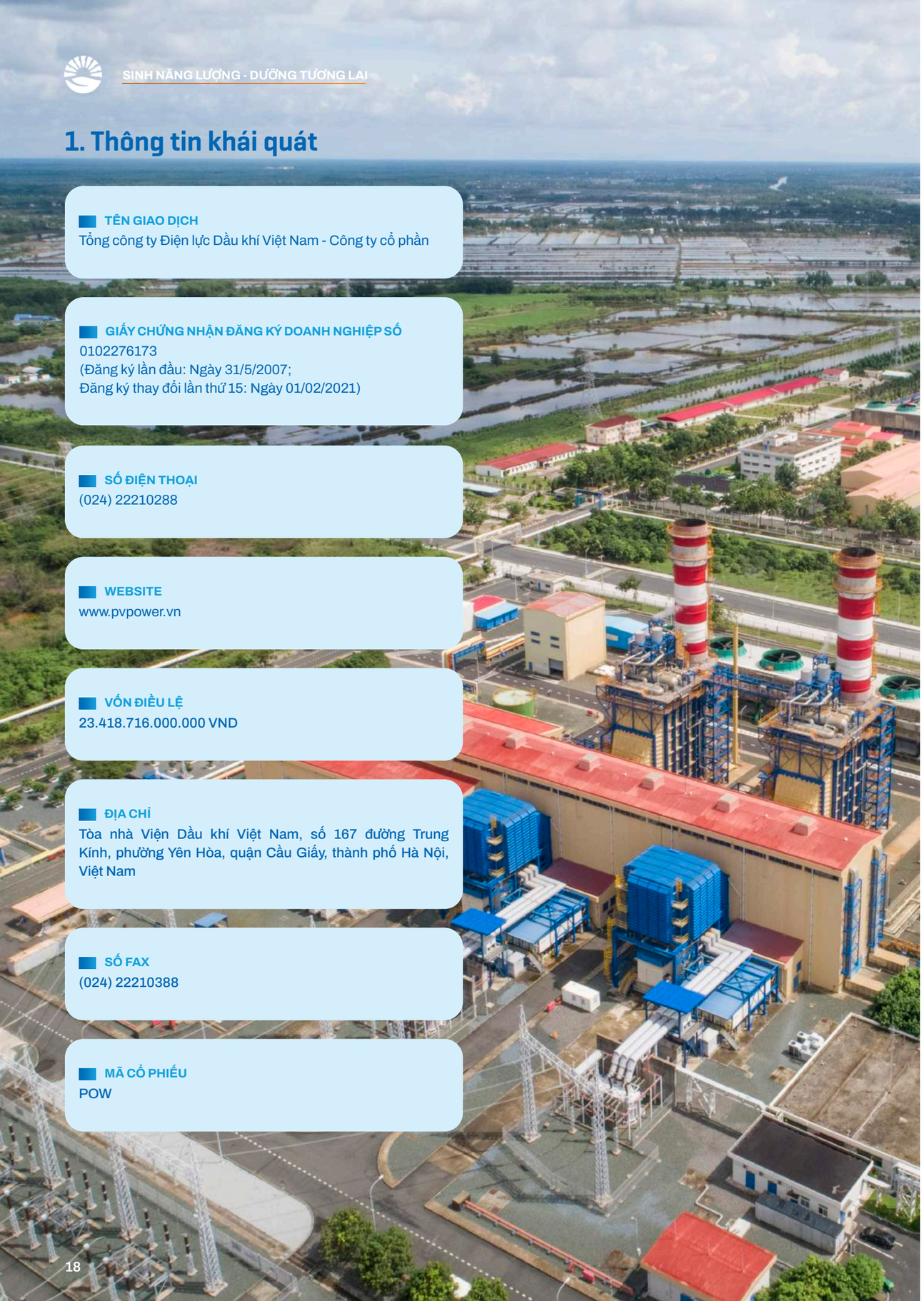

**TÊN GIAO DỊCH**
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ**
0102276173
(Đăng ký lần đầu: Ngày 31/5/2007;
Đăng ký thay đổi lần thứ 15: Ngày 01/02/2021)

**SỐ ĐIỆN THOẠI**
(024) 22210288

**WEBSITE**
www.pvpower.vn

**VỐN ĐIỀU LỆ**
23.418.716.000.000 VND

**ĐỊA CHỈ**
Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**SỐ FAX**
(024) 22210388

**MÃ CỔ PHIẾU**
POW





# 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

## Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. PV Power đã đầu tư, vận hành các nhà máy điện trong tất cả các lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện, điện khí hóa lỏng và điện Năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, PV Power cũng phát triển các dịch vụ như vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện... và trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường điện tại Việt Nam.

**01**
Sản xuất và kinh doanh điện năng

**02**
Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện

**03**
Xuất nhập khẩu năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện

**04**
Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện

**05**
Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP)

**06**
Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện

**07**
Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu

**08**
Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch

**09**
Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình

**10**
Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử

**11**
Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện

**12**
Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng

**13**
Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp

**14**
Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện

**15**
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Chi tiết: Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý dự án; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng

## Địa bàn kinh doanh

01 - Hà Nội | 02 - Quảng Ninh | 03 - Nghệ An | 04 - Hà Tĩnh

05 - Quảng Ngãi | 06 - Đồng Nai | 07 - Cà Mau





## 3. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018).

### Các dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển

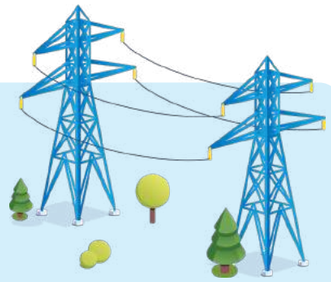

# 2007-2017

**17/05/2007**
Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

**07/12/2008**
Đưa vào vận hành thương mại Nhà máy điện Cà Mau 1&2. PV Power chính thức có tên trên bản đồ năng lượng Việt Nam

**11/2011**
Khánh thành nhà máy điện Nhơn Trạch 2

**09/2013**
Khánh thành nhà máy thủy điện Hủa Na

**2017**
PV Power tròn 10 năm tuổi. Sản lượng điện lũy kế gần 140 tỷ kWh; Doanh thu lũy kế 180.000 tỷ đồng. Lợi nhuận lũy kế đạt gần 10.000 tỷ đồng. Số lượng người lao động 2.294 người

**03/2008**
Khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Hủa Na

**08/2009**
Khánh thành nhà máy điện Nhơn Trạch 1

**01/2011**
Khởi công dự án nhà máy thủy điện ĐakĐrinh

**2012**
PV Power vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba

**12/2015**
Bàn giao nhà máy phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam và nhận bàn giao nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1

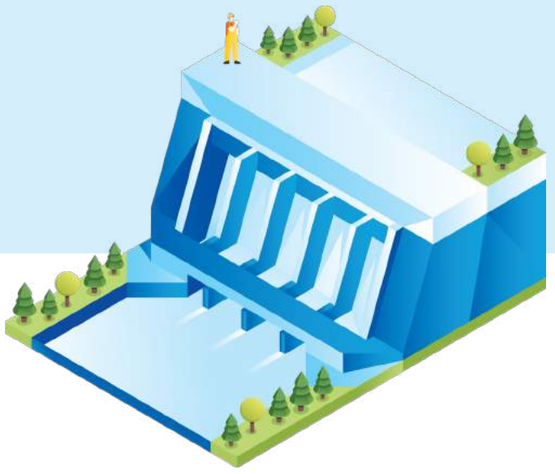

# 2018-2019

**31/01/2018**
Bán đấu giá công khai thành công (IPO) 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ)

**01/07/2018**
Hoạt động theo hình thức công ty cổ phần

**31/08/2018**
Trở thành công ty đại chúng

**14/01/2019**
Mã cổ phiếu POW chính thức giao dịch trên sàn HOSE

**15/05/2019**
Tổ chức cung cấp chỉ số chứng khoán quốc tế MSCI đã quyết định thêm cổ phiếu POW vào rổ MSCI Frontier Markets

**15/08/2019**
PV Power được vinh danh "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" năm 2019 do Tạp chí Forbes bình chọn

# 2020

**03/02/2020**
Cổ phiếu POW chính thức vào danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30

**06/04/2020**
Sau gần 13 năm, PV Power đã sản xuất và đóng góp cho hệ thống điện quốc gia 200 tỷ kWh điện

**22/06/2020**
Thành lập chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

**21/07/2020**
Phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, công suất khoảng 1.300-1.760 MW

**13/08/2020**
Thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí

# 2021

**19/03/2021**
Thoái vốn toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino)

**06/05/2021**
Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings công bố xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu đối với PV Power ở mức "BB" với triển vọng tích cực

**24/10/2021**
UBND tỉnh Quảng Ninh đã trao giấy chấp thuận đầu tư Dự án điện khí LNG Quảng Ninh cho tổ hợp nhà đầu tư PV Power - Colavi - Tokyo Gas - Marubeni với tổng mức đầu tư 47.480 tỷ đồng, công suất 1.500 MW

**23/11/2021**
Khởi công san lấp mặt bằng xây dựng Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

**01/12/2021**
PV Power và Tập đoàn Novatek (nhà sản xuất và xuất khẩu LNG hàng đầu tại LB Nga) đã ký kết thoả thuận hợp tác về việc phát triển điện và năng lượng tại Việt Nam

**09/12/2021**
Tại sự kiện Diễn đàn kinh doanh do Forbes tổ chức, PV Power lần thứ 3 liên tiếp có mặt trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất

# 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần hiện đang hoạt động với mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức như sau:

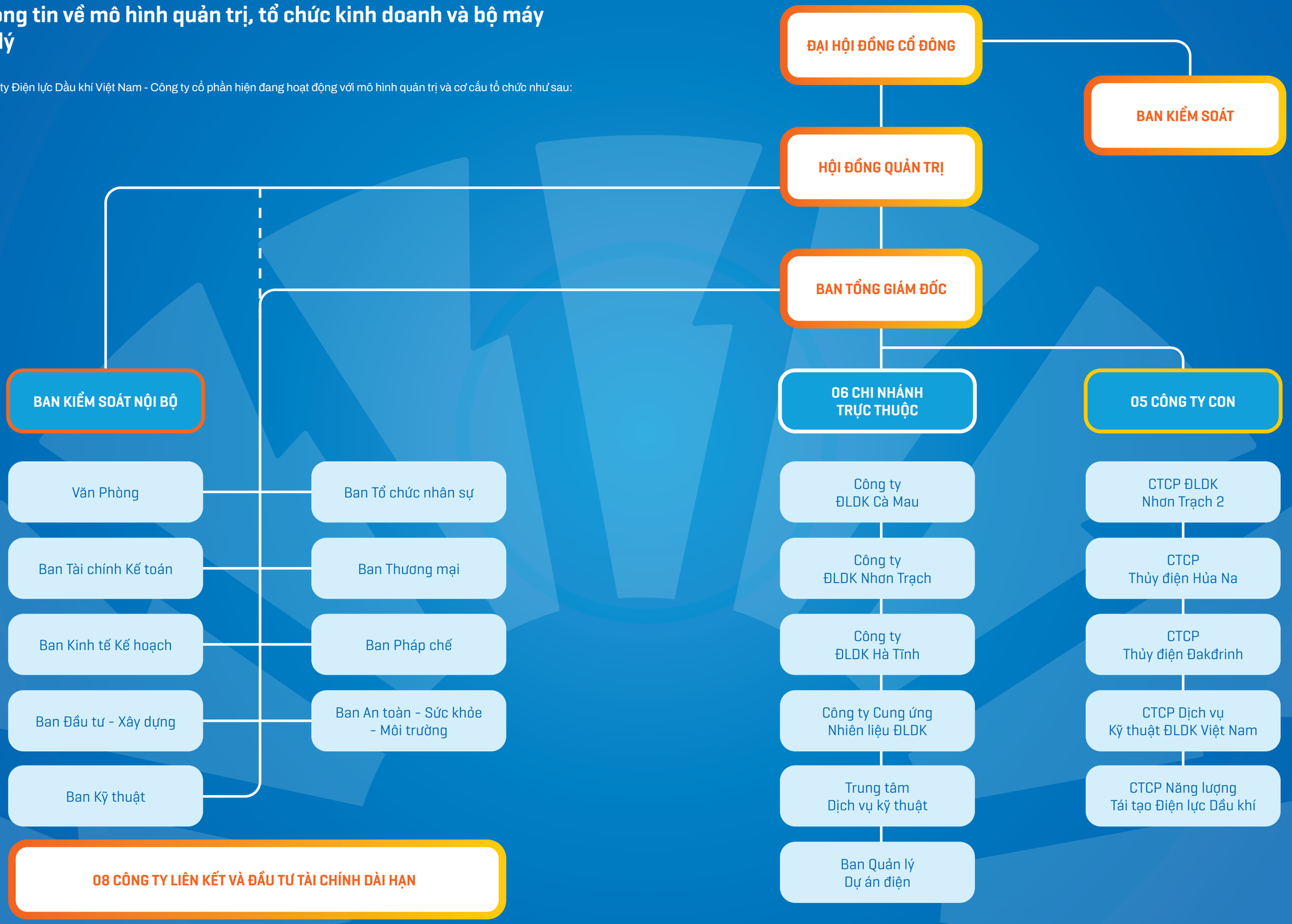

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

# Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH |
| ĐỊA CHỈ | Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102276173-007 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 100% |
| THÔNG TIN CƠ BẢN | Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau:<br>• Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).<br>• Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng<br>• Năm đi vào vận hành thương mại: 2015 |





Đơn vị hạch toán phụ thuộc

# Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch - Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH |
| ĐỊA CHỈ | Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102276173-003 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 100% |
| THÔNG TIN CƠ BẢN | Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau<br>Công suất: 450 MW<br>Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng<br>Năm đi vào vận hành thương mại: 2009 |

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

# Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau - Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU |
| ĐỊA CHỈ | Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102276173-002 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 100% |
| THÔNG TIN CƠ BẢN | Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau:<br>Công suất: 1.500 MW (2x750 MW)<br>Tổng mức đầu tư Nhà máy điện Cà Mau 1: 6.571 tỷ đồng<br>Tổng mức đầu tư Nhà máy điện Cà Mau 2: 6.153 tỷ đồng<br>Năm đi vào vận hành thương mại: 2008 |





Đơn vị hạch toán phụ thuộc

# Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ |
| ĐỊA CHỈ | Tầng 5, tòa nhà Dreamland Bonanza, số 23 đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102276173-006 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan |

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

# Ban Quản lý Dự án Điện

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN |
| ĐỊA CHỈ | Số 57 - 59, đường B4, phường An Lợi Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102276173-008 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện |





Đơn vị hạch toán phụ thuộc

# Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT |
| ĐỊA CHỈ | Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102276173-009 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Quản lý vận hành các nhà máy điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh điện |

Công ty con

# Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2 |
| ĐỊA CHỈ | Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 3600897316 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| VỐN ĐIỀU LỆ | 2.878.760.290.000 đồng |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 59,37% |
| THÔNG TIN CƠ BẢN | Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau:<br>Công suất: 750 MW.<br>Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng<br>Năm đi vào vận hành thương mại: 2011 |





Công ty con

# Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh - Nhà máy Thủy điện Đakđrinh

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN ĐAKĐRINH |
| ĐỊA CHỈ | Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 4300350203 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện |
| VỐN ĐIỀU LỆ | 1.160.010.550.000 đồng |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 95,3% |
| THÔNG TIN CƠ BẢN | Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đakđrinh với những thông tin cơ bản sau:<br>Công suất: 125 MW.<br>Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng<br>Năm đi vào vận hành thương mại: 2014. |

Công ty con

# Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na - Nhà máy Thủy điện Hủa Na

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA |
| ĐỊA CHỈ | Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 2900797430 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng |
| VỐN ĐIỀU LỆ | 2.352.322.100.000 đồng |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 80,72% |
| THÔNG TIN CƠ BẢN | Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Hủa Na với những thông tin cơ bản sau:<br>Địa điểm nhà máy: Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An<br>Công suất: 180MW.<br>Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng<br>Năm đi vào vận hành thương mại: 2013 |





Công ty con

# Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

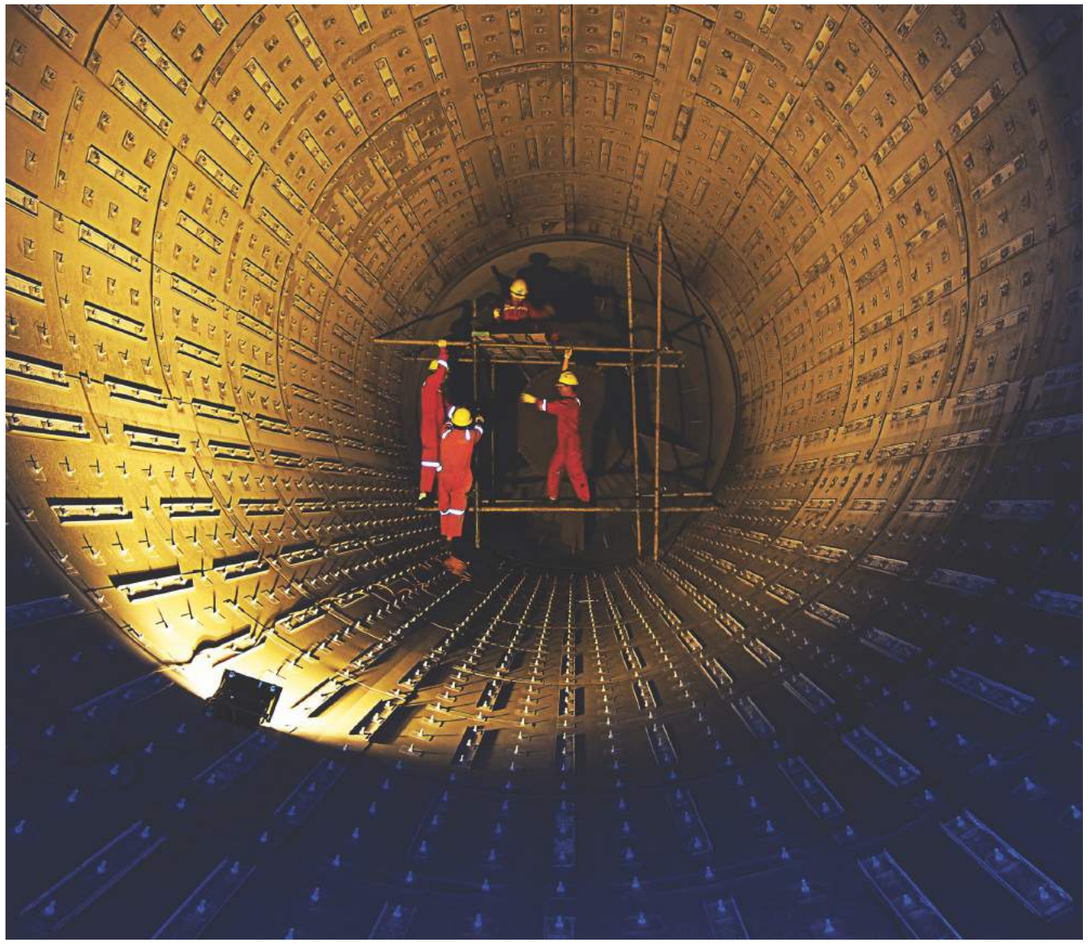

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM |
| ĐỊA CHỈ | Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0102560459 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật |
| VỐN ĐIỀU LỆ | 150.000.000.000 đồng |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 51% |

Công ty con

# Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí

| | |
|---|---|
| TÊN ĐẦY ĐỦ | CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ |
| ĐỊA CHỈ | Tầng 05, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| MÃ SỐ CHI NHÁNH | 0109308963 |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH | Sản xuất, truyền tải và bán điện; Nghiên cứu, đầu tư, phát triển, xây dựng, sở hữu, vận hành, khai thác các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, địa nhiệt và điện rác và các loại hình năng lượng tái tạo khác) |
| VỐN ĐIỀU LỆ | 60.000.000.000 đồng |
| TỶ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER | 51% |





Các công ty liên kết, công ty có phần vốn góp của PV Power

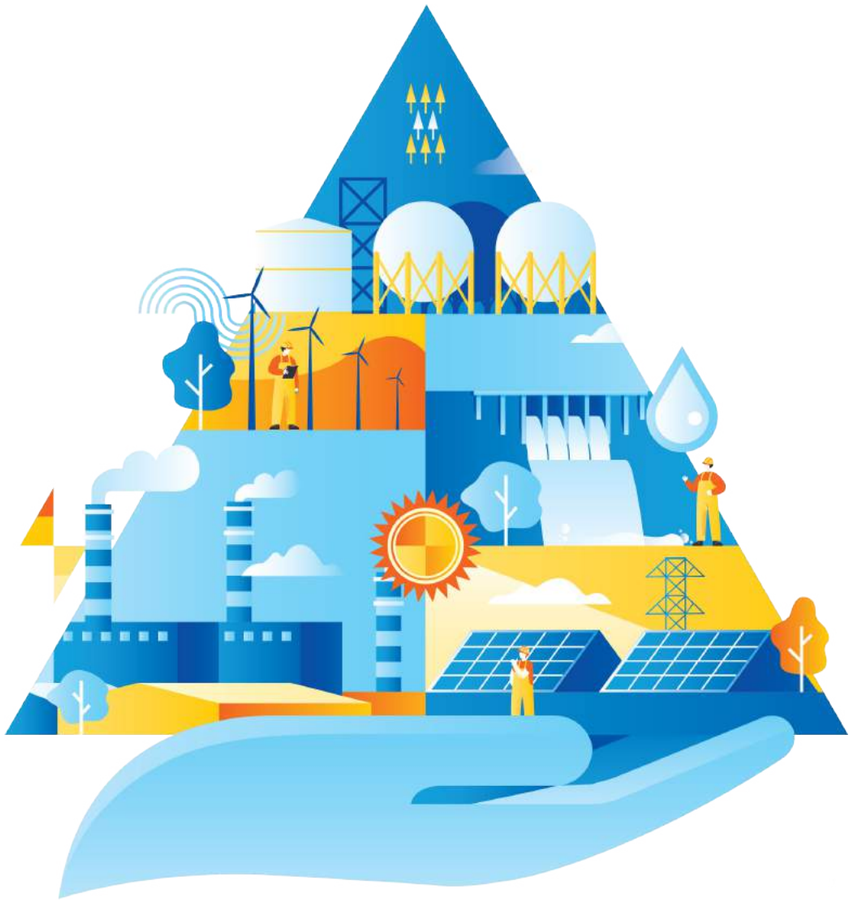

| STT | DANH SÁCH | ĐỊA CHỈ | LĨNH VỰC SXKD CHÍNH | VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG) | TỶ LỆ SỞ HỮU |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | CTCP Thủy điện Nậm Chiến | Sơn La | Sản xuất kinh doanh điện năng | 1.536.999 | 20,16% |
| 2 | CTCP Năng lượng Sông Hồng | Yên Bái | Khai thác, sản xuất kinh doanh điện | 74.625,72 | 44,07% |
| 3 | CTCP Điện Việt Lào | Hà Nội | Sản xuất kinh doanh điện năng | 4.375.734 | 6,98% |
| 4 | CTCP EVN Quốc tế | Đà Nẵng | Sản xuất kinh doanh điện năng | 366.771 | 7,69% |
| 5 | CTCP Thủy điện Sông Tranh 3 | Quảng Nam | Sản xuất kinh doanh điện năng | 602.255 | 4,87% |
| 6 | CTCP Cơ điện Dầu khí | Hà Nội | Cơ điện lạnh | 10.000 | 10% |
| 7 | CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí | Cần Thơ | Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở... | 280.000 | 6,5% |
| 8 | CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh | Quảng Ninh | Khai thác, sản xuất kinh doanh điện | 100.000 | 30% |

# Hội đồng quản trị

## ÔNG HỒ CÔNG KỲ

Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Power;
Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm).

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,0023%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 24,94%

### TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Cử nhân Kinh tế

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| | |
|---|---|
| 02/1986 - 12/1992: | Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán tài vụ - Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An; |
| 01/1993 - 02/1994: | Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Nghệ An; |
| 3/1994 - 8/1994: | Cán bộ Bảo hiểm xã hội - Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An; |
| 9/1994 - 11/2000: | Kế toán trưởng Ban quản lý dự án, Phó giám đốc - Công ty Xi măng Nghệ An; |
| 12/2000 - 5/2006: | Kế toán trưởng Ban quản lý dự án, Phó Giám đốc - Ban quản lý dự án Khu liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội; |
| 6/2006 - 02/2007: | Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính - Ủy ban Thể dục Thể thao; |
| 3/2007 - 8/2007: | Phó Tổng Giám đốc - Ban quản lý các dự án Thủy điện; |
| 5/2007 - 9/2007: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty CP Thủy điện Hủa Na (kiêm nhiệm); |
| 9/2007 - 01/2008: | Tổng Giám đốc - Ban quản lý các Dự án Thủy điện; |
| 02/2008 - 7/2008: | Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí; |
| 8/2008 - 02/2009: | Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam; |
| 3/2009 - 11/2010: | Trưởng Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 11/2010 - 05/2013: | Chánh Văn phòng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 5/2013 - 12/2014: | Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 01/2015 - 6/2018: | Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 6/2018 - nay: | Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP; |
| 05/2021 - nay: | Trưởng Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm). |

## ÔNG LÊ NHƯ LINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 20%

### TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

- Kỹ sư Kinh tế địa chất
- Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí
- Tiến sĩ Kinh tế

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| | |
|---|---|
| 10/1990 - 02/1994: | Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất; |
| 03/1994 - 7/2009: | Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 08/2009 - 03/2010: | Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí; |
| 04/2010 - 12/2013: | Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam; |
| 12/2013 - 12/2018: | Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP; |
| 12/2018 - nay: | Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG PHẠM XUÂN TRƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị PV Power;
Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2.

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,0010%.

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư Hệ thống điện
- Thạc sĩ Kỹ thuật điện

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 6/1985 - 9/1985: | Học viên sĩ quan dự bị Bộ tư lệnh Phòng không; |
| 12/1985 - 12/1987: | Cán bộ Kỹ thuật Chi nhánh điện Kinh Môn - Sở Điện lực Hải Hưng; |
| 01/1988 - 3/1997: | Trưởng ca Điều độ, Phó phòng, Phụ trách phòng Phòng Điều độ - Thông tin, Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin, Bí thư đoàn thanh niên - Sở Điện lực Hải Hưng; |
| 4/1997 - 10/2004: | Trưởng phòng kỹ thuật - An toàn, Phó Giám đốc - Sở Điện lực Hưng Yên; |
| 11/2004 - 3/2008: | Giám đốc - Sở Công nghiệp Hưng Yên; |
| 4/2008 - 6/2018: | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 6/2018 - 04/2022: | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP; (*11/2021:Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2; Có đơn xin miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP và không tham gia biểu quyết các vấn đề, nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.) |

## BÀ VŨ THỊ TỐ NGA

Thành viên Hội đồng quản trị

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 10%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân Thương mại
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 8/1993 - 10/2007: | Chuyên viên Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam; |
| 11/2007 - 6/2008: | Phó phòng/Trưởng phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 8/2008 - 5/2009: | Phó ban - Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 6/2009 - 9/2010: | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 11/2010 – 04/2019: | Trưởng Ban Thương mại Thị trường/ Thương mại Dịch vụ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 4/2019 - nay: | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## BÀ NGUYỄN HOÀNG YẾN

Thành viên Hội đồng quản trị

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 5%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân Hóa học
- Tiến sĩ Hóa chuyên ngành Hữu cơ hóa dầu

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 11/1991 - 7/1997: | Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội; |
| 8/1997 - 8/2001: | Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; |
| 9/2001 - 3/2005: | Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam; |
| 4/2005 - 4/2008: | Chuyên viên chính, Phó phòng Ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 05/2008 - 7/2010: | Phó Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 08/2010 - 01/2014: | Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 02/2014 - 5/2018: | Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 06/2018 - 4/2019: | Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 04/2019 - 05/2021: | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |
| 05/2021 - nay: | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP |

## ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 10%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư xây dựng

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 11/1999 - 10/2002: | Chuyên viên Ban quản lý dự án nhà số 1&5 Lê Duẩn; |
| 10/2002 - 12/2008: | Chuyên viên Văn phòng Thẩm định thầu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 12/2008 - 5/2009: | Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 05/2009 - 3/2016: | Phó Trưởng Ban Quản lý đấu thầu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 3/2016 - 4/2018: | Trưởng Ban Quản lý đấu thầu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 4/2018 - 4/2019: | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP; |
| 4/2019 - 11/2020: | Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 11/2020 - 12/2020: | Trợ lý Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 12/2020 - nay: | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Thành viên Hội đồng quản trị

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,0018%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 10%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư đô thị
- Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 1994 - 2000: | Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông; |
| 2000 - 07/2007: | Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí; |
| 07/2007 - 09/2008: | Thành viên - Ban trù bị thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư; |
| 09/2008 - 05/2009: | Phó chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 05/2009 - 06/2018: | Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 06/2018 - 04/2022: | Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. |
| 04/2022 - nay: | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG VŨ CHÍ CƯỜNG

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp
- Kỹ sư Xây dựng - ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp.

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 02/2004 - 4/2005: | Chỉ huy trưởng Công trình lấn biển Rạch Giá- Kiên Giang - Tổng công ty Xây dựng số 01; |
| 5/2005 - 12/2008: | Đội trưởng đội thi công - Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị Hà Nội - UDIC; |
| 12/2008 - 10/2010: | Chuyên viên - Công ty CP đầu tư Xây lắp Dầu khí PVC-IMICO; |
| 10/2010 - 5/2014: | Chuyên viên Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 6/2014 - 6/2015: | Phó trưởng Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 6/2015 - 12/2016: | Phó giám đốc - Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí; |
| 12/2016 - 11/2019: | Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc - Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí; |
| 11/2019 - 5/2021: | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Giám đốc - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2; |
| 05/2021 - nay: | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |





# Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

## ÔNG LÊ NHƯ LINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 20%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư Kinh tế địa chất
- Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí
- Tiến sĩ Kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 10/1990 - 02/1994: | Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất; |
| 03/1994 - 7/2009: | Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 08/2009 - 03/2010: | Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí; |
| 04/2010 - 12/2013: | Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam; |
| 12/2013 - 12/2018: | Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP; |
| 12/2018 - nay: | Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG NGUYỄN DUY GIANG

Phó Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,0009%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân kế toán tổng hợp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| **09/1996 - 03/2001:** | Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam; |
| **03/2001 - 10/2007:** | Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam; |
| **10/2007 - 03/2009:** | Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **03/2009 - 10/2009:** | Phó Tổng giám đốc - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **10/2009 - 07/2014:** | Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **07/2014 - 01/2015:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **01/2015 - 11/2015:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Phó Trưởng ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1; |
| **11/2015 - 07/2018:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **07/2018 - nay:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG NGUYỄN MẠNH TƯỞNG

Phó Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư cơ khí
- Thạc sĩ kỹ thuật

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| **06/1998 - 10/2000:** | Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban quản lý dự án Khí - Tổng Công ty Khí Việt Nam; |
| **11/2000 - 09/2001:** | Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| **09/2001 - 10/2007:** | Trưởng nhóm Cơ khí Phòng kỹ thuật khí, Phó trưởng phòng, Phó trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng dự án khí Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| **10/2007 - 03/2009:** | Phó giám đốc Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam; |
| **03/2009 - 05/2010:** | Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam; |
| **05/2010 - 04/2012:** | Phó giám đốc - Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn; |
| **10/2012 - 05/2017:** | Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam; |
| **06/2017 - 07/2018:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **07/2018 - 06/2022:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Điện; |
| **06/2022 - nay:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Tổng giám đốc

*(Đã thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc và chuyển sang làm công tác Thành viên Hội đồng Quản trị từ T4/2022)*

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,0018%

**TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER:** 10%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư đô thị
- Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| **1994 - 2000:** | Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông; |
| **2000 - 07/2007:** | Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí; |
| **07/2007 - 09/2008:** | Thành viên - Ban trù bị thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư; |
| **09/2008 - 05/2009:** | Phó chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| **05/2009 - 06/2018:** | Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| **06/2018 - 04/2022:** | Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. |
| **04/2022 - nay:** | Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG NGUYỄN MINH ĐẠO

Phó Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí
- Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| **09/2000 - 06/2003:** | Kỹ sư Ban Quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất; |
| **07/2003 - 12/2003:** | Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ - Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí; |
| **01/2004 - 02/2008:** | Chuyên viên, Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| **03/2008 - 07/2009** | Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc - Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí; |
| **07/2009 - 07/2018:** | Trưởng Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng Hội đồng thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| **07/2018 - nay:** | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG PHAN NGỌC HIỀN

Phó Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Cử nhân Đồ họa
- Thạc sĩ Tài chính và Kiểm soát

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 06/1999 - 06/2007: | Kỹ thuật viên, Trưởng phòng Chế bản - Báo Lao động; |
| 06/2007 - 01/2008: | Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 01/2008 - 09/2015: | Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 09/2015 - 08/2019: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 08/2019 - nay: | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG NGUYỄN KIÊN

Phó Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân Luật
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 07/2002 - 08/2007: | Chuyên viên - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí; |
| 08/2007 - 05/2009: | Phó chánh Văn phòng, Trợ lý Tổng giám đốc - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí; |
| 5/2009 - 12/2014: | Phó Trưởng Ban Luật - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí; |
| 12/2014 - 03/2016: | Trưởng Ban TCNS&ĐT - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí; |
| 03/2016 - 08/2017: | Trưởng phòng, Thư ký Tổng giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và Dự án Dầu khí, Ban Pháp chế - Tập đoàn Dầu khí Việt0 Nam; |
| 08/2017 - 09/2019: | Phó Chánh văn phòng, Trợ lý Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 09/2019 - nay: | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |





## ÔNG NGÔ VĂN CHIẾN

Phó Tổng giám đốc

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,00028%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân Điện khí hóa xí nghiệp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 10/1999 - 07/2001: | Vận hành Gian máy, Bảng điện, Trưởng kíp - Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ; |
| 07/2001 - 02/2003: | Trưởng kíp vận hành - Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ; |
| 03/2003 - 06/2004: | Giám sát kỹ thuật, Đội trưởng thi công Hệ thống điện Động lực, điện Điều khiển, Hệ thống PCCC, Hệ thống camera - Nhà máy Đạm Phú Mỹ; |
| 09/2004 - 04/2007: | Chuyên viên Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau; |
| 04/2007 - 08/2007: | P. Quản đốc phụ trách Phân xưởng Cơ nhiệt, Phân xưởng Điện - C&I - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau; |
| 09/2007 - 10/2008: | Quản đốc Phân xưởng Điện - C&I - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau |
| 11/2008 - 02/2009: | Trưởng phòng An toàn Môi trường, kiêm trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau; |
| 03/2009 - 07/2011: | Trưởng Phòng KHKD - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau; |
| 08/2011 - 12/2014: | Phó Trưởng ban - Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1; |
| 12/2014 - 02/2016: | Phó Giám đốc - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh; |
| 03/2016 - 10/2019: | Giám đốc - Công ty Điện lực Dầu khí cà Mau |
| 11/2019 - 10/2022: | Giám đốc - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh |
| 10/2022 - nay: | Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## ÔNG CHU QUANG TOẢN

Kế toán trưởng

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Thạc sĩ Kế toán

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 09/1991- 08/1997: | Cục thuế tỉnh Nghệ An; |
| 08/1997 - 10/2002: | Phó phòng quản lý thuế - Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An; |
| 10/2002 - 04/2003: | Phụ trách phòng Xử lý thông tin và Tin học - Cục thuế Nghệ An; |
| 10/2003 - 07/2007: | Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu - Cục thuế Nghệ An; |
| 07/2007 - 11/2009: | Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An; |
| 12/2009 - 10/2010: | Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam; |
| 11/2010 - 06/2015: | Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án Đông Hồi - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; |
| 06/2015 - 06/2017: | Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; |
| 06/2017 - 08/2018: | Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; |
| 08/2018 - 04/2019: | Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; |
| 04/2019 - 4/2020: | Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; |
| 04/2020 - nay: | Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

# Ban Kiểm soát

## ÔNG VŨ QUỐC HẢI

Trưởng Ban Kiểm soát

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 10/1987 - 09/1992: | Giáo viên bộ môn Kế toán trường Đại học Thương mại; |
| 02/1994 - 05/2002: | Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ PetroVietnam nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP; |
| 05/2002 - 12/2007: | Chuyên viên (Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ từ 02/2007) - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 01/2008 - 08/2010: | Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 08/2010 - 06/2018: | Kiểm soát viên chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 06/2018 - nay: | Trưởng Ban kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## BÀ LÝ THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0 ,00024%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Thạc sĩ kinh tế

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 03/2001 - 05/2005: | Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí; |
| 06/2005 - 09/2006: | Phó phòng Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí; |
| 10/2006 - 03/2008: | Kế toán trưởng - Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí; |
| 04/2008 - 05/2009: | Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí; |
| 06/2015 - 06/2018: | Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 06/2018 - nay: | Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; |

## BÀ VŨ THỊ NGỌC DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0,00022%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật
- Cử nhân Tiếng Anh
- Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 12/1993 - 10/2000: | Cán bộ Lao động tiền lương - Công ty VPP Cửu Long 1; |
| 11/2000 - 12/2004: | Chuyên viên kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí; |
| 01/2005 - 04/2007: | Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/ Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí; |
| 12/2009 - 09/2013: | Giám đốc Ban/ Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí; |
| 10/2013 - 04/2015: | Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam; |
| 04/2015 - 06/2018: | Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 06/2018 - nay: | Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; |

## BÀ HÀ THỊ MINH NGUYỆT

Thành viên Ban Kiểm soát

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Thạc sĩ kế toán

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 05/1992 - 12/2007: | Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách Kế toán - Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam; |
| 01/2008 - 10/2008: | Kế toán trưởng - Ban trù bị thành lập Ngân hàng Dầu khí; |
| 10/2008 - 09/2010: | Trưởng Ban Tài chính - Công đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 09/2010 - 06/2018: | Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam; |
| 06/2018 - 04/2019: | Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; |
| 04/2019 - nay: | Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

## BÀ ĐOÀN THỊ THU HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH:** 0%

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN**

- Cử nhân kế toán
- Thạc sĩ Kế toán và Kiểm toán, Tiến sĩ kinh tế.

**QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

| | |
|---|---|
| 09/2007 - 06/2012: | Kiểm toán viên - Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí; |
| 06/2016 - 12/2020: | Cán bộ Ban kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; |
| 12/2020 - nay: | Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP. |

# 5. Định hướng phát triển

## 5.1. Mục tiêu

Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:

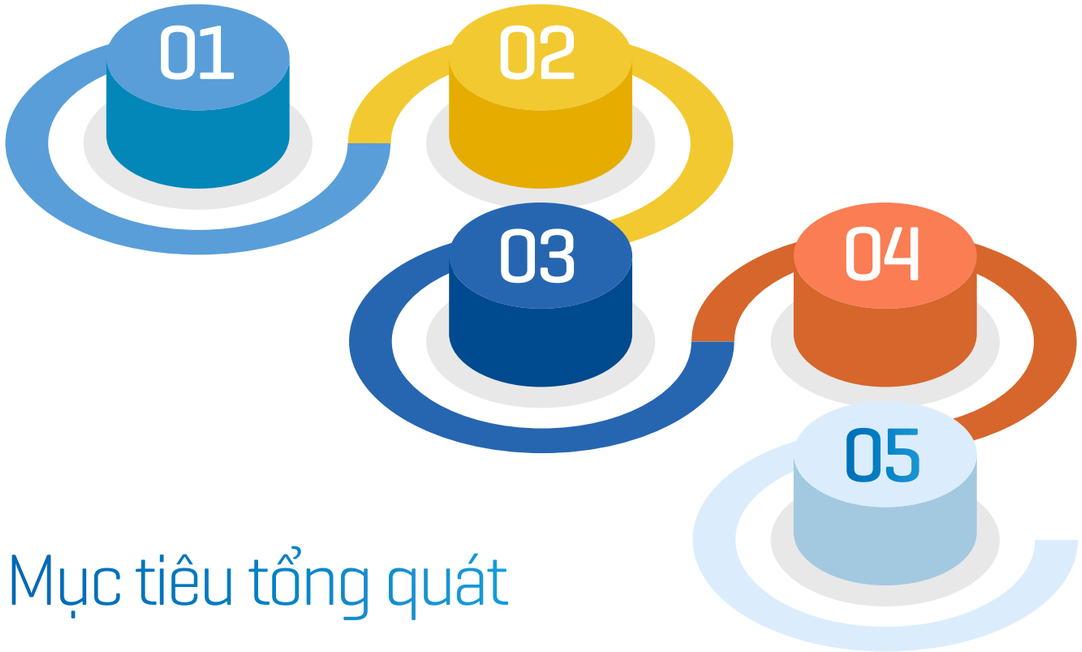


## Mục tiêu tổng quát

**01**
**Hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh**

**02**
**Chuyên nghiệp về quản trị**

**03**
**Mạnh về tài chính**

**04**
Cao về sức cạnh tranh

**05**
Xanh về môi trường





## Mục tiêu cụ thể

**01**

Giữ vững vị thế số một trong lĩnh vực Điện Khí và là một trong những nhà cung cấp điện năng lớn nhất trong toàn hệ thống; chủ động, tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án sử dụng năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện.

**02**

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

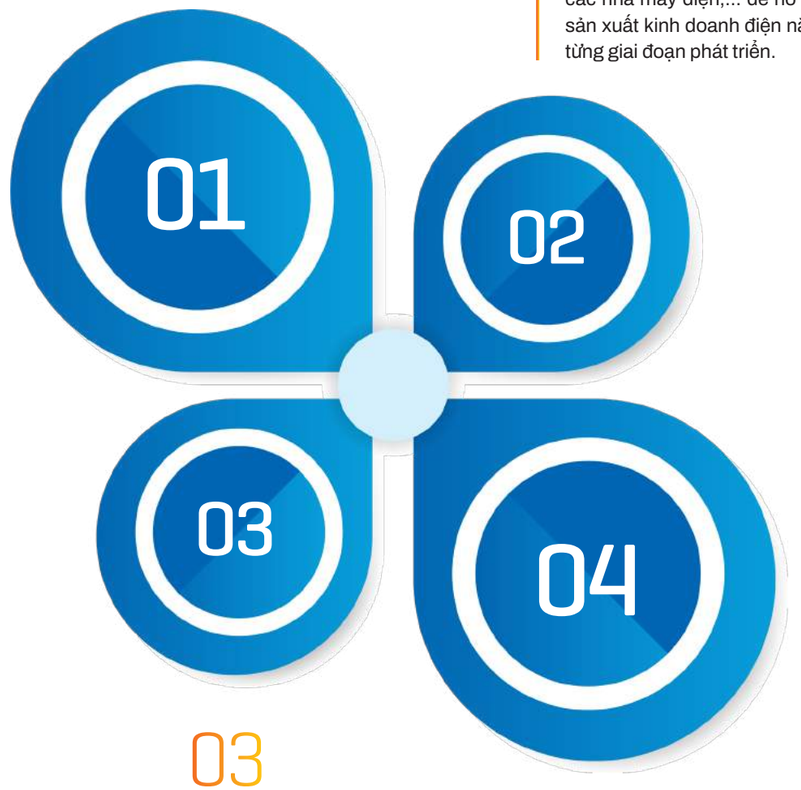


**03**

**GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025**

Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất đặt là 5.760 - 7.260 MW, chiếm 8% công suất đặt toàn hệ thống.

**04**

**GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2035**

Tổng công suất đặt của PV Power là 5.760 - 9.560 MW, chiếm khoảng 5% công suất đặt toàn hệ thống.

## 5.2. Định hướng triển khai

### 5.2.1. Sản xuất và kinh doanh điện năng

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

- Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện theo lộ trình phát triển thị trường điện.
- Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 7.260 MW, chiếm khoảng 8% tổng công suất đặt toàn hệ thống.
- Sản lượng điện sản xuất là 22 - 24 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 7 - 9%/năm.

**GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

- Tiếp tục vận hành ổn định và hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Củng cố hạ tầng, xem xét đầu tư các trạm cấp điện thẳng đến hộ tiêu thụ cuối cùng phù hợp với xu thế tiêu dùng của thị trường phát triển mở rộng kinh doanh bán lẻ điện và tham gia thị trường điện bán buôn phù hợp với quy mô phát triển của thị trường điện.
- Phấn đấu đến năm 2030, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 8.960 MW, chiếm khoảng 7% tổng công suất đặt toàn hệ thống.
- Sản lượng điện sản xuất là 30 - 45 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 4-5%/năm.

**GIAI ĐOẠN 2031 - 2035**

- Phấn đấu đến năm 2035, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 9.960 MW, chiếm khoảng 5% tổng công suất đặt toàn hệ thống.
- Sản lượng điện sản xuất là 30 - 47 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 1-2%/năm.

### 5.2.2. Đầu tư phát triển nguồn điện

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

- Triển khai công tác đầu tư và đưa Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3&4 với tổng công suất 1.500 MW vào vận hành trong giai đoạn 2021 - 2025.
- Tiếp tục triển khai dự án Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW), các dự án năng lượng tái tạo (điện áp mái, điện mặt trời lòng hồ, điện gió ..., khoảng 55 MW),...
- Nghiên cứu xúc tiến đầu tư các dự án điện mới phù hợp với Quy hoạch điện VIII.

**GIAI ĐOẠN 2026 - 2035**

- Tiếp tục góp vốn triển khai dự án Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW) và đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Năng lượng tái tạo: Tìm kiếm, nghiên cứu góp vốn đầu tư các dự án điện khác có hiệu quả, khả thi. Mục tiêu đến năm 2035 thêm gia góp vốn để đầu tư thêm 1.000 MW năng lượng điện tái tạo (trong đó 800 MW đưa vào vận hành trong giai đoạn).
- Nghiên cứu xúc tiến đầu tư các dự án điện mới phù hợp với Quy hoạch điện VIII.





### 5.2.3. Lĩnh vực dịch vụ

*Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện*

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

- Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu bao gồm: thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn, định kỳ các nhà máy điện của Tổng công ty; thu hút và đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao; từng bước mở rộng thị trường để đảm nhận và thực hiện công tác dịch vụ tại các nhà máy điện của Tập đoàn và các nhà máy điện khác; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới.
- Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/PV Power; phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa với các đơn vị ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/PV Power cho các nhà máy Lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa,...
- Nghiên cứu đầu tư xưởng chế tạo, phục hồi các thiết bị phục vụ nhà máy điện than, trước mắt phục vụ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng chế tạo, phục hồi cho các đơn vị ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/PV Power; nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các nhà máy điện như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...

**GIAI ĐOẠN 2026 - 2035**

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính cho tất các các Nhà máy điện thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty.
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

*Dịch vụ cung ứng nhiên liệu*

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

- Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) ổn định, lâu dài cho các nhà máy điện của PV Power.
- Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.
- Nhập khẩu than: xây dựng quy chế/quy trình cho nhập khẩu than, chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác nhập khẩu than như cảng nhập, kho than, hệ thống phối trộn, vận tải nội địa ...
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

**GIAI ĐOẠN 2026 - 2035**

- Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) lâu dài, ổn định cho các nhà máy điện của PV Power.
- Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.
- Cung ứng than nhập khẩu (vận chuyển nội địa và chuyển tải) cho các hộ tiêu thụ trong và ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

### 5.2.4. Mục tiêu phát triển bền vững về môi trường

- Bảo đảm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của mình đáp ứng các quy định pháp luật và tiêu chuẩn môi trường liên quan. Hạn chế tối đa tác động xấu đến môi trường từ các hoạt động sản xuất của Tổng công ty. Bảo đảm tất cả các chỉ số phát thải không vượt quá quy định pháp luật cho phép.
- Ưu tiên và khuyến khích sử dụng các công nghệ mới, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Lựa chọn sử dụng công nghệ mới nhất khi đầu tư nhà máy mới, chú trọng phát triển năng lượng tái tạo.
- Tích cực nghiên cứu tìm hiểu các loại nhiên liệu sạch, nhiên liệu thay thế và các công nghệ giảm thiểu phát thải tiên tiến khác để kịp thời đáp ứng chuyển dịch năng lượng, hướng tới mục tiêu giảm thiểu phát thải ròng của Chính phủ.

# 6. Các rủi ro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power bị tác động lớn của kinh tế thế giới, phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, quy hoạch và định hướng phát triển năng lượng quốc gia và các cơ chế chính sách của nhà nước, các yếu tố nguyên nhiên vật liệu. Ngoài ra, vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, đòi hỏi quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động và phát triển của PV Power, các rủi ro luôn tiềm ẩn trong các chiến lược kinh doanh, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong các hoạt động tài chính và quản lý tính tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng của quản lý rủi ro, PV Power đã xây dựng và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro, trong đó quy định cụ thể công tác kiểm soát và báo cáo các rủi ro từ Ban lãnh đạo đến người lao động. Bên cạnh đó, PV Power quản lý và giám sát các mối nguy có thể tác động đến năng lực đáp ứng nhu cầu năng lượng của quốc gia trong khi vẫn tạo ra các giá trị bền vững lâu dài doanh nghiệp. Hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức, các quá trình, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của PV Power đã tạo nên một hệ thống kiểm soát nội bộ điều chỉnh phương thức hoạt động và kinh doanh nói chung và quản lý các rủi ro liên quan nói riêng. Trong giai đoạn hiện nay, các rủi ro chính của PV Power chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:

### Rủi ro chiến lược

Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, trữ lượng, giá dầu thô thế giới trong xu hướng tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động phức tạp,... đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo PV Power trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.

### Rủi ro tài chính

Hiện nay, PV Power có mô hình hoạt động với nhiều công ty con, công ty liên kết. Việc đầu tư phát triển dự án điện có vốn đầu tư lớn. Điều này tạo ra các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị kế hoạch nguồn vốn và dòng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Về công tác thu hồi công nợ, việc đàm phán các hợp đồng PPA đòi hỏi phải chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro.

### Rủi ro hoạt động

Hoạt động điện lực luôn phải đối mặt với các rủi ro như: cháy nổ, xâm hại, vi phạm an ninh an toàn điện ... dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc và theo đó là thảm họa về cháy nổ. Các nhà máy điện của PV Power đều được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ tự động hiện đại đồng thời mỗi nhà máy đều có đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành và xe chữa cháy với chế độ trực 24/24 luôn đảm bảo phòng tránh và sẵn sàng chữa cháy hiệu quả nhất.

### Rủi ro từ điều kiện môi trường, xã hội

Rủi ro từ tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn,... đều ảnh hưởng đến hoạt động và công suất của các nhà máy điện; Về an toàn môi trường: Các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ hiện đại, có hệ thống xử lý khí thải, nước thải được kiểm soát chặt chẽ, kết nối dữ liệu với Sở Tài nguyên môi trường địa phương nên khả năng phát thải vượt tiêu chuẩn gây sự cố ô nhiễm môi trường là rất nhỏ.

### Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Nguồn nhiên liệu đầu vào ngày càng hạn chế, dự kiến trong tương lai phải nhập khẩu với giá thành cao sẽ ảnh hưởng tính cạnh tranh của PV Power, cơ chế chính sách, hạ tầng cơ sở trong việc nhập khẩu nhiên liệu,... còn một số vướng mắc

### Rủi ro tuân thủ

Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, trữ lượng, giá dầu thô thế giới trong xu hướng tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động phức tạp,... đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo PV Power trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.

### Rủi ro về dịch bệnh

Tuy đã hạn chế được ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng các rủi ro liên quan tới sức khỏe của người lao động luôn hiện hữu trong giai đoạn hiện tại, việc đảm bảo vận hành các nhà máy điện an toàn, liên tục trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch đồng thời kịp thời ứng phó với các rủi ro khác có thể phát sinh luôn là ưu tiên hàng đầu của PV Power, PV Power và các đơn vị đã chủ động xây dựng các phương án, kịch bản, tổ chức diễn tập, thường xuyên bổ sung các trang, thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

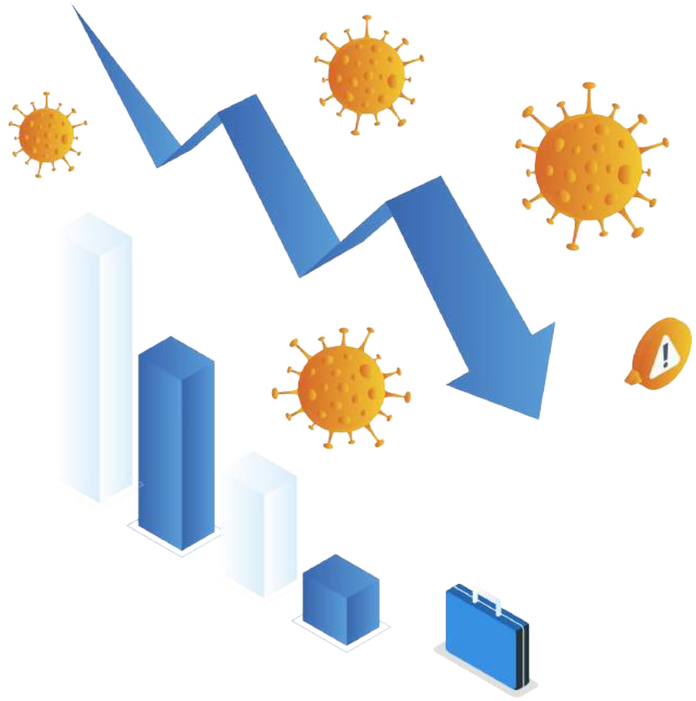

# II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 60
2 Tổ chức và nhân sự 64
3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 66
4 Tình hình tài chính 73
5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu 74
6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty 76

# 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## 1.1. Các khó khăn thách thức năm 2022

Trong năm 2022, PV Power đã phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức làm ảnh hưởng tới hiệu quả vận hành sản xuất của các nhà máy điện nói riêng và hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tổng công ty nói chung, trong đó có thể kể đến như:

### 01 - Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến giảm nhu cầu phụ tải và hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy điện. Ngoài ra, diễn biến phức tạp của đại dịch đã ảnh hưởng đến công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy bị đình trệ, khó khăn trong công tác tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ tại các đơn vị thương mại dịch vụ của Tổng công ty và công tác tìm kiếm đối tác đầu tư cho các dự án của Tổng công ty.

### 02 - Mức tăng phụ tải thấp

Mức tăng phụ tải năm 2022 không cao 5,2% so với dự kiến 8,2%, trong khi đó năng lượng tái tạo (NLTT) đã chiếm 12,9% tổng nhu cầu phụ tải; làm giảm khả năng huy động nguồn của các nhà máy điện.

### 03 - Nhiều nhà máy điện ngừng sửa chữa định kỳ

Năm 2022 là năm nhiều nhà máy điện của PV Power ngừng sửa chữa định kỳ (Nhà máy điện Vũng Áng 1 đại tu tổ máy 1; Nhà máy điện Cà Mau 1 đại tu; Trung tu GT11 & ST18 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1...).

### 04 - Qc thấp

Năm 2022 tiếp tục là năm thứ 4 (sau năm 2019, 2020, 2021) các nhà máy điện của PV Power được giao Qc thấp đã ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành sản xuất của Công ty mẹ Tổng công ty và toàn Tổng công ty. Mặt khác, Qc các nhà máy thủy điện cao về mùa khô; Sang mùa mưa Qc các Nhà máy điện khí lại lệch pha so với khả năng cấp khí.

### 05 - Lệch thời điểm

Nhà máy điện Cà Mau 1&2 là năm đầu tiên tham gia thị trường điện nên còn rủi ro từ việc lệch pha giữa thời điểm nhận khí và thời điểm được huy động phát điện hoặc thời điểm giá điện thị trường (FMP) đạt mức cao.

### 06 - Biến động thị trường

Dầu thô tăng từ 75 USD/thùng (Tháng 12/2021) lên mốc 120 USD/thùng ở thời điểm tháng 6/2022, sau đó giảm còn 90 USD/thùng giai đoạn cuối năm đã ảnh hưởng tăng giá thành của các nhà máy điện của PV Power, dẫn đến khó khăn cạnh tranh tham gia vận hành thị trường điện.

### 07 - Thiếu hụt nguồn nhiên liệu

Việc thiếu nguồn than từ mỏ dẫn đến năng lực cấp than của TKV giai đoạn đầu năm không đáp ứng yêu cầu cho các nhà máy điện than trên khắp cả nước, bao gồm Nhà máy điện Vũng Áng 1 của PV Power trong 6 tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến khả năng khả dụng, vận hành và hiệu quả của Nhà máy điện Vũng Áng 1 và của Tổng công ty. Từ giai đoạn tháng 5 đến cuối năm, Nhà máy điện Vũng Áng 1 phải sử dụng than cám 5a10 (phối trộn) có chất bốc cao, giá cao đã ảnh hưởng đến vận hành sản xuất và tham gia thị trường điện và hiệu quả của nhà máy trong 6 tháng cuối năm.

### 08 - Lạm phát

Lạm phát tăng khiến lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ tăng, giá nguyên, vật liệu sản xuất tăng làm chi phí tài chính, và các chi phí khác tăng cao.

## 1.2. Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2022

Vượt qua các khó khăn nêu trên, với sự chỉ đạo sáng suốt, liên tục và kịp thời của Tập đoàn, PV Power đã tập trung thực hiện tốt và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, cụ thể:

Quản lý vận hành các nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định, liên tục theo điều độ của A0. Chào giá tham gia thị trường điện ngày càng hiệu quả. Trong bối cảnh phụ tải tăng trưởng thấp, chi phí nhiên liệu tăng cao, Qc thấp, sản lượng điện toàn Tổng công ty năm 2022 thực hiện đạt 14,2 tỷ kWh, đạt 102% kế hoạch được giao.

Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, cụ thể: tiểu tu Nhà máy điện Hủa Na; đại tu Tổ máy H1 Nhà máy điện Đakđrinh; trung tu các tổ máy GT11 và ST18 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1; tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2; đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1; Tổ chức đại tu kết hợp khắc phục sự cố Tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 (bắt đầu từ tháng 11/2022, theo đúng KH). Chuẩn bị công tác đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2 năm 2023.

Các chỉ tiêu tài chính như doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất sinh lời...đều đạt vượt kế hoạch năm 2022 được Tập đoàn giao.

Tích cực thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị trong Tổng công ty. Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2022 đạt 3.161 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu tiết giảm được tại Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3,4, giá trị gói thầu EPC so với Quyết định 918/QĐ-ĐLDK ngày 02/10/2020 (tỷ giá quy đổi tại thời điểm ngày 27/4/2022 là 22.978,5 VND/USD) tiết giảm được là 2.928 tỷ đồng.

Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, PVN và tình hình thực tiễn tại PV Power: tính đến ngày 31/12/2022, Tổng công ty đã xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quản lý nội bộ là 107 văn bản, bao gồm: Điều lệ, 47 quy chế, 49 quy định và 10 quy trình;

Tích cực làm việc với các bên liên quan xử lý cơ bản các tồn tại liên quan đến PPA/GSA của Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, đặc biệt đã thu hồi được các khoản hồi tố chênh lệch tỷ giá của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (585 tỷ đồng).

## 1.2. Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2022 (tiếp)

Thực hiện cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và cơ bản triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

**Tích cực triển khai dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4**
PV Power đã hoàn thành ký kết hợp đồng EPC ngày 14/3/2022; đồng thời đã ký 17/18 gói thầu dự án với tổng giá trị là 22.167 tỷ đồng, giá trị thanh toán/tạm ứng là 2.228 tỷ đồng; Trong đó: có 09 gói thầu đã hoàn thành và 08 gói thầu đang thực hiện, còn lại 01 gói thầu chưa thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu. Kịp thời san lấp bàn giao từng phần mặt bằng cho nhà thầu EPC; Cơ bản hoàn thành các thủ tục với các ngân hàng trong và ngoài nước về cấp tín dụng ECA/ thương mại cho dự án.

17 GÓI THẦU

TỔNG TRỊ GIÁ 22.167 TỶ VND

• Hoàn thành thủ tục góp vốn tham gia thành lập Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh. Vốn điều lệ ban đầu 100 tỷ đồng. PV Power góp 30% tương đương 30 tỷ đồng.
• Tiếp tục nghiên cứu triển khai các dự án mới và dự án năng lượng tái tạo có hiệu quả.

VỐN ĐIỀU LỆ 100 TỶ VND

PV POWER GÓP VỐN 30 TỶ VND

Tiếp tục rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy từ Công ty mẹ đến các Đơn vị thành viên/trực thuộc; Đẩy nhanh thực hiện thoái vốn tại các công ty liên kết.

Trong năm 2022, PV Power đã được đón nhận Huân chương lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước. Cổ phiếu POW được đánh giá cao, PV Power được trao giải thưởng Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững tại Chương trình Lễ vinh danh các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2022 do VCCI, VBCSD và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức; Top 10 Báo cáo thường niên do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bình chọn.

TOP 100 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# 2. Tổ chức và nhân sự

## 2.1. Danh sách Ban Điều hành

| STT | BAN ĐIỀU HÀNH | CHỨC VỤ | TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH | TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Lê Như Linh | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc | 0% | 20% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm TV HĐQT từ 19/04/2022) | 0,0018% | 10% |
| 3 | Ông Nguyễn Duy Giang | Phó Tổng giám đốc | 0,0009% | 0% |
| 4 | Ông Nguyễn Mạnh Tường | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 5 | Ông Nguyễn Minh Đạo | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 6 | Ông Phan Ngọc Hiền | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 7 | Ông Nguyễn Kiên | Phó Tổng giám đốc | 0% | 0% |
| 8 | Ông Ngô Văn Chiến | Phó Tổng giám đốc | 0,00028% | 0% |
| 9 | Ông Chu Quang Toản | Kế toán trưởng | 0% | 0% |

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

| STT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC DANH | THAY ĐỔI | HIỆU LỰC |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Phó Tổng giám đốc Tổng công ty | Thôi làm Phó Tổng giám đốc để chuyển sang công tác Thành viên HĐQT PV Power | 21/04/2022 |
| 2 | Ông Ngô Văn Chiến | Phó Tổng giám đốc Tổng công ty | Bổ nhiệm | 26/10/2022 |





## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên Tổng công ty đến thời điểm 31/12/2022: 2.071 người

1.241 NHÂN VIÊN

Trong đó, số lao động tại Công ty Mẹ Tổng công ty là: 1.241 người
(bao gồm Viên chức quản lý là 19 người và Người lao động là 1.222 người), cụ thể:

**Cơ cấu giới tính**
- Nam: 973 người (chiếm 78,40%)
- Nữ: 268 người (chiếm 21,60%)

**Cơ cấu trình độ**
- Đại học trở lên: 979 người (78,89%)
- Cao đẳng, trung cấp, trung học: 98 người (7,90%)
- Công nhân kỹ thuật, lái xe: 155 người (12,49%)
- Sơ cấp, lao động phổ thông: 09 người (0,73%)

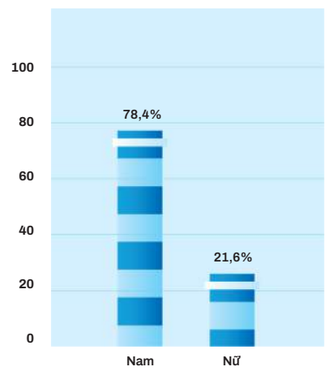


*Cơ cấu giới tính (%)*

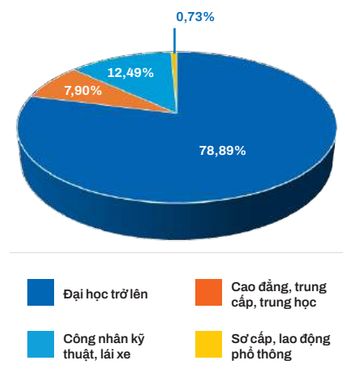


*Cơ cấu trình độ (%)*

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế trả lương của người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty (áp dụng từ 01/01/2021). Quy chế trả lương mới của người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty phê duyệt đã giao quyền chủ động cho các đơn vị được quyết định phê duyệt các quy định xếp lương, quy định đánh giá xếp loại, quy định chi lương khuyến khích năng suất/hiệu quả. Trên cơ sở đó, Tổng công ty đã xây dựng và phê duyệt Quy định đánh giá xếp loại tập thể và cán bộ công nhân viên, Quy định chi lương khuyến khích năng suất và chi lương hiệu quả của Cơ quan Tổng công ty; đây là sự cải cách, đổi mới trong việc phân phối thu nhập cho người lao động, nhằm tạo sự chủ động cho lãnh đạo Ban/Văn phòng Tổng công ty đối với cán bộ công nhân viên do mình phụ trách và đích tới là tạo ra động lực, nỗ lực làm việc tốt hơn của người lao động.
Đồng thời, Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với Bộ Luật lao động mới 2019 nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật của Tổng công ty.

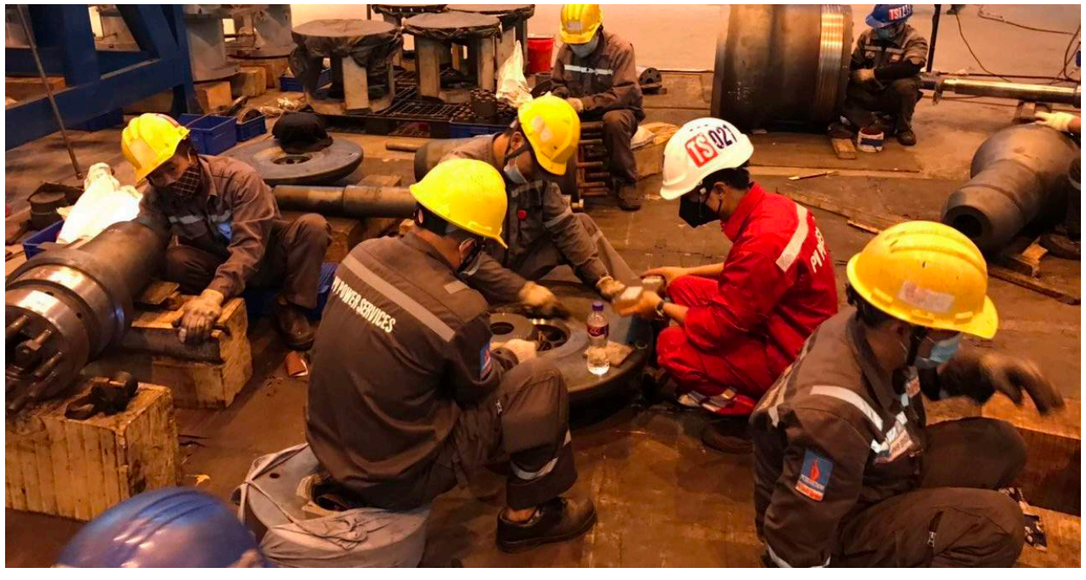

# 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

## 3.1. Các khoản đầu tư lớn

Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch (Dự án Nhơn Trạch 3&4).
Dự án đầu tư trụ sở làm việc của PV Power;
Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh.

### Dự án các Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

*Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 tại Quyết định số 628/QĐ-ĐLDK ngày 21/07/2020*

**THÔNG TIN DỰ ÁN**

- **Quy mô (công suất):** 1.624MW;
- **Chủ đầu tư:** Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;
- **Đại diện Chủ đầu tư:** Ban QLDA Điện
- **Địa điểm đầu tư:** KCN Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai;
- **Tổng mức đầu tư:** 32.486.933.657.876 VND;
- **Nguồn vốn đầu tư:** Vốn chủ sở hữu/Vốn vay - 25%/75%.
- **Kế hoạch:**
  Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vận hành thương mại vào 15/11/2024;
  Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vận hành thương mại vào 15/05/2025.

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

*Công tác lựa chọn nhà thầu*

- **Gói thầu chính của Dự án là gói thầu EPC:** Thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng với Liên danh SamSung C&T – LIMAMA Corp. vào ngày 14/03/2022.
- Đến 31/12/2022, PV Power đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu 17/18 gói thầu trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án. Gói thầu chưa thực hiện lựa chọn nhà thầu là Tư vấn lập đề án khai thác sử dụng nước mặt và xả thải vào nguồn nước.

*Chuẩn bị mặt bằng Dự án*

- Công tác bồi thường, GPMB đã hoàn hành và bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu EPC phục vụ công tác thi công;
- PV Power phối hợp cùng TTPTQĐ/UBND huyện Nhơn Trạch và Tổng công ty Tín Nghĩa (chủ đầu tư KCN Ông Kèo) hoàn thiện các thủ tục để thuê đất thực hiện dự án.

*Công tác thiết kế*

- Hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt Thiết kế kỹ thuật các hạng mục Xử lý nền, Móng cọc;
- Hoàn thành công tác lập và trình hồ sơ Thiết kế kỹ thuật tổng thể của dự án để Bộ Công Thương thẩm định; Hoàn thành công tác lập Thiết kế kỹ thuật PCCC và trình Cục Cảnh sát PCCC&CHCN thẩm duyệt.

*Tình hình thực hiện*

- **San lấp nền:** Đã hoàn thành công tác thi công và bàn giao cho Nhà thầu EPC;
- **Hạng mục xử lý nền:** Nhà thầu EPC đã thi công và nghiệm thu hoàn thành đắp cát gia tải, cát bù lún hạng mục xử lý nền các khu vực nhà máy chính. Hiện Nhà thầu EPC đang tiến hành đóng cọc đại trà.
- **Xây dựng văn phòng công trường:** Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng văn phòng công trường của nhà thầu EPC, Chủ đầu tư, tư vấn.
- **Quản lý chất lượng công trình:** PV Power/Tư vấn kỹ thuật (PTC) và Nhà thầu EPC thực hiện công tác quản lý chất lượng cho Dự án theo quy trình được các bên thống nhất. Đồng thời, Dự án cũng được Hội đồng kiểm tra Nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng kiểm tra định kỳ.
- PV Power phối hợp với Nhà thầu EPC, cơ quan chức năng để thực hiện các thủ tục miễn thuế cho danh mục hàng hóa, thiết bị nhập khẩu của Dự án.

*Các hợp đồng mua bán điện PPA và mua bán khí GSA*

- **Hợp đồng mua bán điện (PPA)**: PV Power và EPTC đã thống nhất các nội dung của Hợp đồng PPA, EPTC đã trình EVN để thông qua nội dung Hợp đồng PPA. Tuy nhiên sản lượng điện Qc dài hạn chưa được thống nhất nên sẽ khó khăn khi xác định khối lượng LNG mua dài hạn, công tác thu xếp vốn;
- **Hợp đồng mua bán khí GSA:** PV Power và PV Gas đang tiếp tục đàm phán các nội dung chính của Hợp đồng GSA. Ngoài ra, do chưa có sản lượng điện Qc dài hạn từ hợp đồng PPA nên chưa thể thống nhất khối lượng LNG mua hàng năm, thời hạn xác nhận kế hoạch giao nhận khí để có cơ sở trao đổi, thống nhất giữa các bên.

*Thỏa thuận đấu nối Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 vào Hệ thống Điện quốc gia*

- Theo Thỏa thuận đấu nối, EVNNPT có trách nhiệm thực hiện xây dựng các đường dây 220kV, 500kV đồng bộ với tiến độ xây dựng Dự án NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Tuy nhiên, do khó khăn trong công tác GPMB, EVNNPT đã đề xuất điều chỉnh quy hoạch đường dây 220kV NMĐ Nhơn Trạch 3 – Thủ Đức thành đường dây 220 KV NMĐ Nhơn Trạch 3 – rẽ Mỹ Xuân – Cát Lái;
- PV Power và EVN/EVNNPT đã phối hợp có nhiều văn bản gửi Bộ Công Thương về điều chỉnh quy hoạch đường dây 220kV Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 – Thủ Đức. Tuy nhiên, Cục ĐL&NLTT - Bộ Công Thương có ý kiến rằng việc đề xuất thay đổi này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và đường dây này đã có trong nội dung dự thảo Quy hoạch điện VIII, đề nghị các bên phối hợp hoàn thiện quy hoạch điện VIII để trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Hiện nay, quy hoạch Điện VIII chưa được phê duyệt nên có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ triển khai xây dựng đường dây đấu nối, gây rủi ro về tiến độ hoàn thành và tăng chi phí Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

## Dự án đầu tư trụ sở làm việc của PV Power

### THÔNG TIN DỰ ÁN

Tháng 6/2021, PV Power tiến hành nghiên cứu lập dự án mua Tòa nhà văn phòng DLC thuộc dự án DLC - Complex Nguyễn Tuân, tại Lô C, ô đất 1.14 - HH tuyến phố Láng Hạ - Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân để làm văn phòng làm việc của PV Power.

Các thông số chính của tòa nhà như sau:

- **Tổng diện tích đất toàn bộ dự án:** 4.629m2.
- **Diện tích đất xây dựng công trình Tòa nhà căn hộ văn phòng DLC:** 773,5m2
  (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích sử dụng riêng là 773,5m2).
- **Mật độ xây dựng:** 45% (theo mật độ dự án).
- **Nguồn gốc sử dụng:** Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- **Tầng cao công trình:** 32 tầng nổi (có 04 tầng hầm sử dụng chung thuộc dự án DLC - Complex Nguyễn Tuân).
- **Tổng diện tích sàn xây dựng:** 24.752m2.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

- Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt Dự án mua tòa nhà DLC làm văn phòng làm việc của PV Power tại Quyết định số 206/QĐ-ĐLDK ngày 05/4/2022;
- Căn cứ kết quả đàm phán với bên chuyển nhượng, ngày 23/12/2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã phê duyệt điều chỉnh Dự án mua tòa nhà DLC (Quyết định số 815/QĐ-ĐLDK) và phê duyệt nội dung chính hợp đồng mua bán tòa nhà DLC (Quyết định số 816/QĐ-ĐLDK).
- Ngày 28/12/2022, PV Power và đối tác đã ký kết hợp đồng mua bán tòa nhà DLC. Dự kiến, tòa nhà DLC sẽ được bàn giao vào năm 2024.
- PV Power hiện đang triển khai thực hiện các thủ tục thanh toán Đợt 1 và lựa chọn tư vấn lập thiết kế, dự toán.

## Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh

### THÔNG TIN DỰ ÁN

- **Quy mô (công suất):**
  Nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp: 1.500 MW;
  Kho chứa LNG, hệ thống tái hóa khí, bến nhập LNG.
- **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh. (PV Power 30%);
- **Địa điểm:** phường Cẩm Thịnh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh;
- **Tổng mức đầu tư dự kiến:** 47.480 tỷ đồng.
  Vốn chủ sở hữu: 15%.
  Vốn vay: 85%.
- **Tiến độ dự kiến:** Hoàn thành Quý III/2027.

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

- Ngày 22/10/2021, UBND Tỉnh Quảng Ninh đã có quyết định số 3690/QĐ-UBND về việc chấp thuận Liên danh (PV Power - COLAVI - Tokyo Gas – Marubeni) là nhà đầu tư thực hiện dự án;
- Ngày 11/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Liên danh nhà đầu tư.
- Ngày 02/11/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh.
- Ngày 15/12/2022, Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất.

Hiện nay Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh đang thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến FS sẽ trình các cấp có thẩm quyền xem xét trong Quý I/2023.

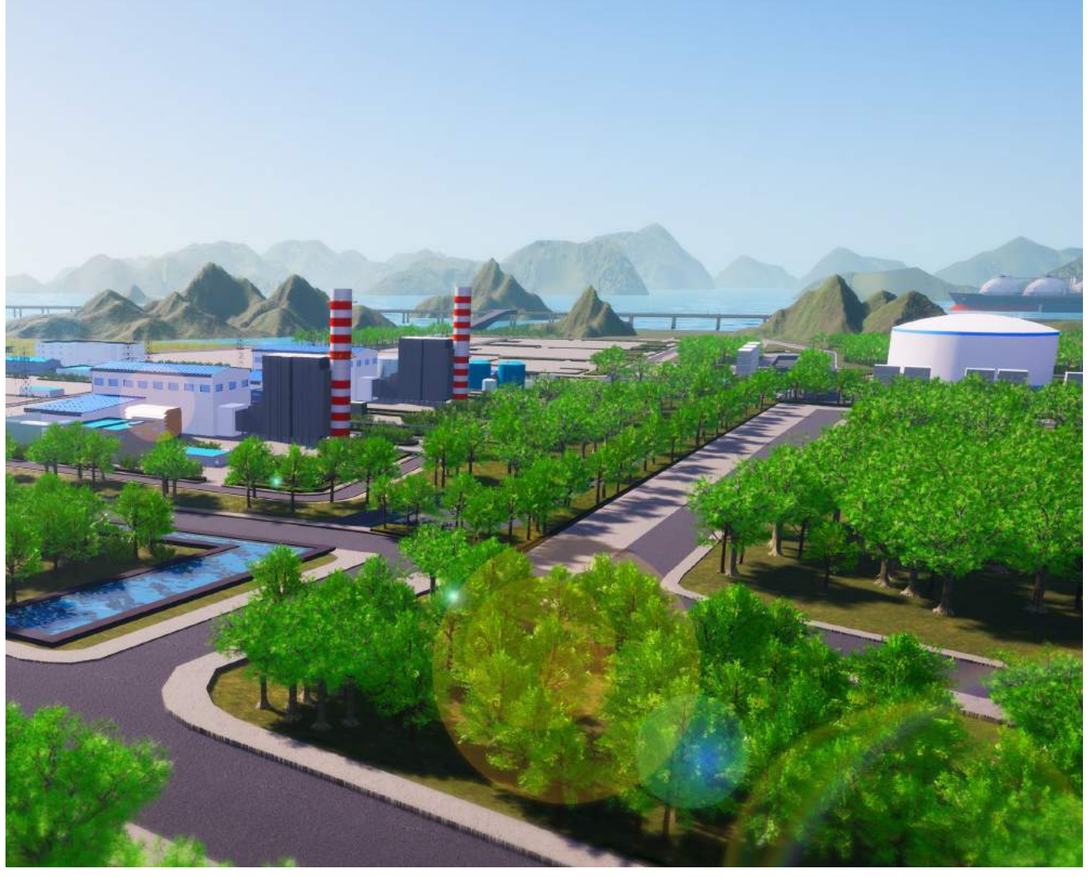

## Các công ty con

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện cả năm 2022 của các đơn vị như sau:

| TT | Đơn vị | ĐVT | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | Tỷ lệ so sánh (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=2/1 |
| **1** | **PV Power NT2** | | | | |
| | Sản lượng điện | Tr.kWh | 4.344 | 4.064 | 93% |
| | Doanh thu | Tỷ đồng | 8.129 | 8.813 | 108% |
| | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 493 | 943 | 191% |
| | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 468 | 883 | 188% |
| **2** | **PV Power HHC** | | | | |
| | Sản lượng điện | Tr.kWh | 631 | 829 | 131% |
| | Doanh thu | Tỷ đồng | 681 | 1.175 | 173% |
| | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 89 | 614 | 693% |
| | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 84 | 583 | 694% |
| **3** | **PV Power DHC** | | | | |
| | Sản lượng điện | Tr.kWh | 517 | 776 | 150% |
| | Doanh thu | Tỷ đồng | 534 | 956 | 179% |
| | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 14 | 359 | 2.591% |
| | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 13 | 341 | 2.590% |
| **4** | **PV Power REC** | | | | |
| | Sản lượng điện | Tr.kWh | 27,52 | 4,6 | 17% |
| | Doanh thu | Tỷ đồng | 53,89 | 10,11 | 19% |
| | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | (7,7) | (9,29) | - |
| | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | (7,7) | (9,29) | - |
| **5** | **PV Power Services** | | | | |
| | Doanh thu | Tr.kWh | 280 | 267 | 95% |
| | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 20 | 23 | 115% |
| | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 16 | 19 | 117% |

### CTCP ĐLDK NHƠN TRẠCH 2 (PV POWER NT2)

Năm 2022, Sản lượng điện đạt 4.064 triệu kWh, hoàn thành 93% kế hoạch; Tổng doanh thu đạt 8.813 tỷ đồng,vượt 8% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 943 tỷ đồng, bằng 191% kế hoạch 2022; Cổ tức năm 2022 chia cho cổ đông là 15%. Mặc dù sản lượng điện không hoàn thành kế hoạch song PV Power NT2 vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận do nhà máy thực hiện chào giá tốt và điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN

4.064 TRIỆU KWH

TỔNG DOANH THU

8.813 TỶ VND

### CTCP THỦY ĐIỆN HỦA NA (PV POWER HHC)

Năm 2022, Điều kiện thủy văn trên lưu vực hồ thủy điện Hủa Na tương đối thuận lợi, cụ thể: Mực nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2022 đạt cao trình 238,8 (chỉ thấp hơn 1,2m so với mực nước dâng bình thường 240m). Lưu lượng bình quân đạt khoảng 112,69 m3/s, bằng 120% so với lưu lượng bình quân nhiều năm (93,6 m3/s).
Với điều kiện thủy văn thuận lợi như trên, sản lượng điện thương mại của nhà máy thủy điện Hủa Na đạt 828,84 triệu kWh. Tổng doanh thu đạt 1.175 tỷ đồng.

TỔNG DOANH THU

1.175 TỶ VND

SẢN LƯỢNG ĐIỆN

828,84 TRIỆU KWH

### CTCP THỦY ĐIỆN ĐAKĐRINH (PV POWER DHC)

- Trong năm 2022, tình hình thủy văn Nhà máy điện Đakđrinh rất khả quan: lượng nước về hồ bình quân cao (khoảng 48,4 m3/s so với trung bình nhiều năm 27,7 m3/s), đồng thời trong năm có nhiều trận mưa lớn bất thường, cung cấp lượng nước đáng kể cho nhà máy trong các thời điểm quan trọng (cuối tháng 3 đầu tháng 4, cuối tháng 5 đầu tháng 6) cùng lượng mưa ổn định vào mùa lũ từ tháng 8 ÷ tháng 12, do vậy nhà máy thường xuyên có đủ lượng nước để vận hành với sản lượng cao trong năm 2022, vượt xa kế hoạch được giao (đạt 150% kế hoạch).
- Năm 2022, sản lượng điện đạt 776,3 triệu kWh, hoàn thành 150% kế hoạch; Doanh thu đạt 956,2 tỷ đồng (bao gồm doanh thu thuế tài nguyên, phí môi trường rừng, phí tài nguyên nước là 106,8 tỷ đồng), hoàn thành 179% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 358,8 tỷ đồng (trong đó bao gồm khoản thu từ chênh lệch tỷ giá hồi tố năm 2015, 2019 là 13,7 tỷ đồng). Năm 2022 là năm PV Power DHC đạt kết quả hoàn thành sản lượng, doanh thu, lợi nhuận cao nhất kể từ thời điểm vận hành năm 2014.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN

776,3 TRIỆU KWH

TỔNG DOANH THU

956,2 TỶ VND

### CTCP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐLDK (PV POWER SERVICES)

- Năm 2022 doanh thu đạt 267 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 23 tỷ đồng, bằng 115% kế hoạch; Đơn vị nộp cổ tức về Tổng công ty năm 2022 là 6,9 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch.
- Doanh thu của PV Power Services không đạt kế hoạch được giao do phạm vi công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Vũng Áng 1 giảm so với kế hoạch; Đồng thời, lịch đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2 dời sang năm 2023. Tuy nhiên đơn vị vẫn đạt vượt mức lợi nhuận kế hoạch đề ra.

TỔNG DOANH THU

267 TỶ VND

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

23 TỶ VND

### CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ (PV POWER REC)

- PV Power REC đang trong giai đoạn vừa sản xuất kinh doanh điện vừa đầu tư các dự án Năng lượng tái tạo mới. Đến nay PV Power REC đã và đang sở hữu 5 dự án/ nhà máy điện mặt trời mái nhà cụ thể như là: Nhà máy ĐMTMN Phú Mỹ 1, 2, 3 và Nhà máy ĐMTMN Dung Quất 1, 2.
- Năm 2022, sản lượng điện ước đạt 4,6 triệu kWh; Doanh thu đạt 10,11 tỷ đồng; Cả năm 2022 lỗ 9,29 tỷ đồng (thấp hơn so với năm 2021 bị âm 14 tỷ đồng).

SẢN LƯỢNG ĐIỆN

4,6 TRIỆU KWH

TỔNG DOANH THU

10,11 TỶ VND

## Các công ty liên kết, công ty có phần vốn góp của PV Power

| TT | Tên doanh nghiệp | Giá trị đầu tư tại 31/12/2022 (Tỷ đồng) | Trích dự phòng tại 31/12/2022 (Tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2022 (%) | Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (Tỷ đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện** | | | | | |
| 1.1 | CTCP Thủy điện Nậm Chiến | 292,25l | - | 20,16% | 285,75 | Theo BCTC năm 2022 |
| 1.2 | CTCP Năng lượng Sông Hồng | 32,89 | - | 44,07% | 20,67 | Theo BCTC năm 2022 |
| 1.3 | CTCP Điện Việt Lào | 317,55 | - | 6,98% | 676,13 | Theo BCTC năm 2022 |
| 1.4 | CTCP EVN Quốc tế | 28,22 | - | 7,69% | 103,48 | Theo BCTC năm 2022 |
| 1.5 | CTCP Thủy điện Sông Tranh 3 | 29,34 | - | 4,87% | 62,3 | Theo BCTC năm 2022 |
| 1.6 | CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh | 30,00 | | 30% | | Thành lập tháng 8/2022 |
| **2** | **Nhóm các đơn vị dịch vụ - kinh doanh** | | | | | |
| 2.1 | CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam | 1,00 | 0,26 | 10% | -0,8 | BC của NĐD quý III/2022 |
| 2.2 | CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí | 18,20 | 18,2 | 6,5% | -0,6 | |

### NHÓM CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT, KINH DOANH ĐIỆN

**CTCP THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN (NCC)**
Năm 2021, PV Power nhận được cổ tức năm 2018 là 14,6 tỷ đồng, phân bổ 1/2 cho công ty cổ phần nên số tiền cổ tức ghi nhận là 7,3 tỷ đồng. Đơn vị đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6% theo như Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 đã thông qua.

**CTCP NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG (SHE)**
Đơn vị hoạt động có lãi và hiện không còn lỗ lũy kế, năm 2022 ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 20,67 tỷ đồng. 9 tháng đầu năm 2022, PV Power đã hạch toán ghi nhận cổ tức 0,44 tỷ đồng (phân phối từ lợi nhuận năm 2018) mà CTCP Năng lượng Sông Hồng đã chuyển cho PV Power trong năm 2020.

**CTCP ĐIỆN VIỆT LÀO (VLP)**
LNST 9 tháng đầu năm 2022 của đơn vị là 676,13 tỷ đồng. Năm 2022, PV Power nhận được cổ tức năm 2017 và 2018 là 54,476 tỷ đồng. Đơn vị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 25/6/2022 và ĐHĐCĐ đã thông qua phương án không chia cổ tức.

**CTCP EVN QUỐC TẾ (EVNI)**
Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 103,48 tỷ đồng (chủ yếu cổ tức từ thủy điện Hạ Sê San 2). Năm 2021 đơn vị đã nộp cổ tức về PV Power với giá trị 13,040 tỷ đồng.

**CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG TRANH 3**
LNTT đạt 62,3tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN KHÍ LNG QUẢNG NINH**
Công ty được thành lập tháng 8/2022 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, bao gồm các cổ đông:
PV Power (30%)
COLAVI (30%)
Marubeni (20%)
Tokyo Gas (20%).

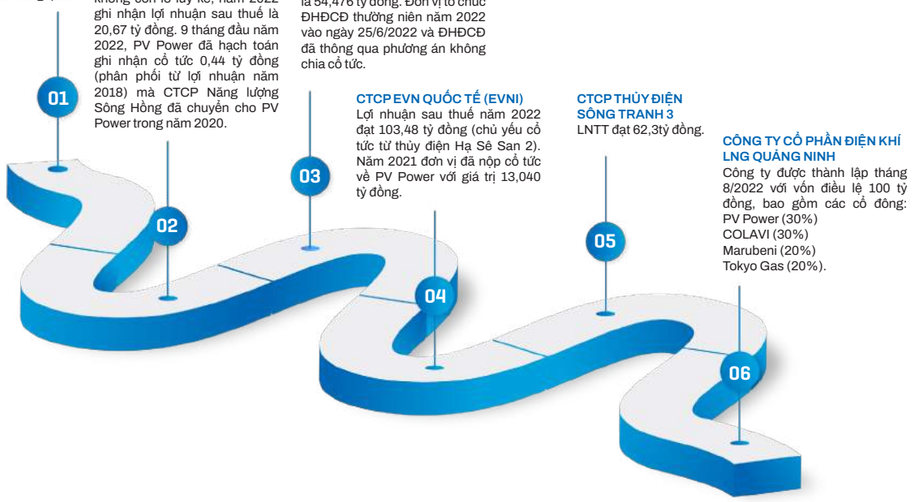


### NHÓM CÁC ĐƠN VỊ DỊCH VỤ - KINH DOANH

- Bao gồm 02 đơn vị: CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện), CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí - PVC Mekong (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản).
- Đến nay, hầu như 02 doanh nghiệp đã dừng hoạt động, lỗ lũy kế ngày càng tăng, cổ phiếu của PVC Mekong (mã CK: PXC) đã bị Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tạm dừng giao dịch. Nợ lãi và lãi phạt của PVC Mekong với Ocean Bank đến ngày 31/12/2020 là 91,136 tỷ đồng. Riêng năm 2020, lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính của PVC Mekong là 10,1 tỷ đồng do điều chỉnh giảm giá vốn công trình GPP CM sau quyết toán và điều chỉnh giảm chi phí lãi vay phải trả Ocean Bank do Công ty đã hạch toán so với thông báo của Ocean Bank. PV Power đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với 02 khoản đầu tư này theo đúng quy định (tại 30/6/2022, dự phòng 18,5 tỷ đồng/giá trị đầu tư 19,2 tỷ đồng).





# 4. Tình hình tài chính

## 4.1. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2021 (Đồng) | Năm 2022 (Đồng) | % Tăng/giảm |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 52.976.917.956.925 | 56.843.244.854.790 | 7,30% |
| Doanh thu thuần | 24.560.949.330.329 | 28.224.118.055.975 | 14,91% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2.459.182.332.685 | 2.765.157.125.191 | 12,44% |
| Lợi nhuận khác | (119.882.053.788) | 44.077.048.149 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.339.300.278.897 | 2.809.234.173.340 | 20,09% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.052.153.151.417 | 2.552.928.570.147 | 24,40% |

## 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | Lần | 1,10 | 1,36 |
| + Hệ số thanh toán nhanh<br>(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,99 | 1,25 |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 41,25 | 41,45 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 70,20 | 70,80 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho bình quân<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | Vòng | 12,35 | 12,49 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Lần | 0,46 | 0,51 |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 8,36 | 9,05 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 6,58 | 7,93 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 3,83 | 4,65 |
| +Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 10,01 | 9,80 |

# 5. Cơ cấu cổ đông

## 5.1. Cổ phần

**TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH**
2.341.871.600 cổ phần

**SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO**
1.146.725.084 cổ phần

**LOẠI CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH**
Cổ phần phổ thông

**SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG**
1.195.146.516 cổ phần

## 5.2. Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 21/03/2022)

| STT | Tiêu chí | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Tỷ lệ sở hữu** | | | |
| | Cổ đông lớn | 1.872.141.477 | 79,9% | 1 |
| | Cổ đông nhỏ | 469.730.123 | 20,1% | 75.304 |
| **2** | **Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân** | | | |
| | Cổ đông tổ chức | 1.950.892.975 | 83,30% | 158 |
| | Cổ đông cá nhân | 390.978.625 | 16,70% | 75.147 |
| **3** | **Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài** | | | |
| | Cổ đông trong nước | 2.293.081.993 | 97,92% | 74.857 |
| | Cổ đông nước ngoài | 48.789.607 | 2,08% | 448 |
| **4** | **Cổ đông nhà nước và cổ đông khác** | | | |
| | Cổ đông nhà nước | 1.872.141.477 | 79,9% | 1 |
| | Cổ đông khác | 469.730.123 | 20,1% | 75.304 |
| **5** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa** | | **49%** | |

## 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi thành lập, Tổng công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

## 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.
Trong năm 2022, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

## 5.5. Các chứng khoán khác

Trong năm 2022, Tổng công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

# 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

## 6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp từ hoạt động sản xuất điện năng tại 4 nhà máy nhiệt điện của PV Power: 7.150.371,07 tấn CO2 quy đổi (theo Báo cáo kiểm kê khí thải năm 2022 số 337/ĐLDK-ATSKMT ngày 07/03/2023 gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Theo kế hoạch đã đăng ký với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và được ban hành theo kế hoạch chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Quyết định số 2128/QĐ-DKVN ngày 19/04/2021 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Ban hành kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí, giai đoạn 2018-2030" PV Power có 13 giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện tại các nhà máy điện, dự kiến theo tính toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ giảm thiểu được 160.884 tấn CO2e trong giai đoạn 2018-2025 và 109.420 tấn CO2e trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó, trừ giải pháp vận hành nhà máy nhiệt điện Nậm Cắt (hiện nay không thuộc sở hữu PV Power), 12 giải pháp còn lại dự kiến giảm thiểu 101.252 tấn CO2e trong giai đoạn 2018-2025 và 72.150 tấn CO2e trong giai đoạn 2026-2030.

Do đặc điểm nhà máy điện là đơn vị sản xuất năng lượng nên sử dụng lượng nhiên liệu rất lớn và lượng phát thải khí nhà kính cũng rất lớn và khó có giải pháp giảm thiểu hiệu quả. Các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ tiên tiến của các nước phát triển nên tiềm năng cải tiến công nghệ để giảm thiểu trực tiếp nhiên liệu sử dụng, nâng hiệu suất là rất thấp. Các giải pháp đã đăng ký đa phần thuộc giải pháp tiết kiệm, giảm thiểu năng lượng sử dụng trong sản xuất và sử dụng năng lượng mặt trời.

**TỔNG PHÁT THẢI NHÀ KÍNH (GHG)**

**7.150.371,07 TẤN CO2**

**12 GIẢI PHÁP**

**GIẢM THIỂU PHÁT KHÍ THẢI**

| | |
|---|---|
| GIAI ĐOẠN 1 2018-2025 | 101.252 TẤN CO2E |
| GIAI ĐOẠN 2 2026-2030 | 72.150 TẤN CO2E |

## 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

| Tên Nhà máy | Tiêu thụ nhiên liệu 2022 | | |
|---|---|---|---|
| | Than (tấn) | Dầu DO (tấn) | Khí tự nhiên (Tr.Sm3) |
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh | 1.530.922 | 2.212 | không áp dụng |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau | không áp dụng | 1.107 | 773.648 |
| Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | không áp dụng | 0 | 773,3 |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | không áp dụng | 20 | 280,6 |
| Công ty CP Thủy điện Hủa Na | không áp dụng | - | không áp dụng |
| Công ty CP Thủy điện Đakđrinh | không áp dụng | - | không áp dụng |

## 6.3. Tiêu thụ năng lượng

| Tên Nhà máy | Điện tự dùng tiêu thụ (kWh) | Tiết kiệm so với định mức được duyệt (kWh) | Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, kết quả các sáng kiến |
|---|---|---|---|
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh | 290.355.287 | 5.436.562 | Đang thực hiện nghiên cứu lắp đặt biến tần cho các động cơ lớn để tiết kiệm năng lượng |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau | 95.983.331 | 9.723,78 | |
| Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | 73.430.271 | 1.828.523 | |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | 28.416.220 | 3.278.189 | |
| Công ty CP Thủy điện Hủa Na | 706.520 | 1.093.867 | |
| Công ty CP Thủy điện Đakđrinh | 1.768.050 | 316.088 | |

## 6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

| Tên Nhà máy | Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng | Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng |
|---|---|---|
| Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh | Nguồn cung cấp là nước thô của nhà máy cấp nước Công ty cổ phần tập đoàn Hoành Sơn Tổng tiêu thụ nước thô năm 2021 là 1.004.874 m3 | Tổng lượng nước xử lý tái sử dụng (lượng nước xử lý theo chu trình khép kín của nhà máy, dùng cho mục đích tống xỉ) năm 2021 là 227.650 m3 chiếm 23 % |
| Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau | Lấy từ Công ty nước và môi trường Khánh An và công ty cấp nước Cà Mau. Lượng nước sử dụng 285.356 m3 | Không |
| Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | Lấy từ nhà máy nước Nhơn Trạch, lượng nước sử dụng trong năm 2022 là 93.360 m3 | Không |
| Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch | Lấy từ nhà máy nước Nhơn Trạch, lượng nước sử dụng trong năm là 173.418 m3 | Không |
| Công ty CP Thủy điện Hủa Na | Nước hồ chứa | Không |
| Công ty CP Thủy điện Đakđrinh | Nước hồ chứa | Không |

## 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND

## 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

### 6.6.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động Công ty mẹ: 1.241 người gồm: 19 Viên chức quản lý và 1.222 Người lao động Công ty Mẹ (gồm cả Người lao động tại PVPP và PV Power TSC), mức lương trung bình đối với người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện năm 2022 là 25,7 triệu đồng/người/tháng.

### 6.6.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm xã hội & Bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn - bảo hộ lao động cho Người lao động.
- Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ công nhân viên...

### 6.6.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc theo yêu cầu pháp luật, được đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ. Năm 2022, Công ty mẹ - Tổng công ty đã đào tạo 1.993 lượt người với tổng kinh phí 54 khóa đào tạo.

## 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2022, công tác An sinh xã hội được PV Power thực hiện triển khai theo nguyên tắc:

- Thực hiện đúng các Nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Triển khai thực hiện tuân thủ đúng các quy định của pháp luật
- Quy trình triển khai thực hiện chặt chẽ
- Tiến độ giải ngân phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh

Các chương trình/ công trình An sinh xã hội do PV Power triển khai đã đem lại những kết quả tích cực, thiết thực thể hiện trách nhiệm của Doanh nghiệp với cộng đồng xã hội; Đóng góp thành công vào việc xây dựng hình ảnh, thương hiệu của PV Power. Cụ thể:

- Theo Nghị quyết số 7324/NQ-DKVN ngày 29/11/2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết 71/NQ-ĐLDK ngày 23/6/2021 của PV Power, thực hiện giải ngân tính đến ngày 31/12/ 2022 là: 999.911.713 VND
- Theo Quyết định 1399/QĐ-DKVN ngày 26/3/2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết 71/NQ-ĐLDK ngày 23/6/2021 của PV Power, thực hiện giải ngân tính đến ngày 31/12/2022 là: 1.000.000.000 VND
- Theo Nghị quyết 1985/QĐ-DKVN ngày 16/4/2021, Nghị quyết số 3270/NQ-DKVN ngày 11/6/2021 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết 71/NQ-ĐLDK ngày 23/6/2021 của PV Power, thực hiện giải ngân tính đến ngày 31/12/2022 là: 15.998.055.200 VND
- Theo Quyết định số 2192/QĐ-DKVN ngày 28/4/2022 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam 2021, Nghị quyết 43/NQ-ĐLDK ngày 03/6/2022 của PV Power, thực hiện giải ngân tính đến ngày 31/12/2022 là 17.100.465.000 VND

Tổng chi phí giải ngân cho công tác an sinh xã hội của PV Power tính đến ngày 31/12/2022 là: 35.098.431.913 VND.





## 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, một trong các nhiệm vụ chính là giảm mức độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Dự án công trình thủy điện Đakđrinh của PV Power là dự án được công nhận trên Website Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) với tên "Dakdrinh Hydropower Project" (6184 ngày 14/11/2011) là dự án phát thải theo cơ chế sạch (CDM).
- Ngày 13/08/2020 PV Power đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC) với chức năng nhiệm vụ phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng tái tạo (nghiên cứu đầu tư các dự án điện mặt trời, điện rác, điện sinh khối và điện gió...). Đến 31/12/2022, PV Power REC có vốn điều lệ 60 tỷ đồng, PV Power đã góp 30,6 tỷ đồng, tương đương 51% vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của PV Power.
- PV Power REC hiện đang khảo sát, nghiên cứu, đánh giá hiệu quả các dự án điện mặt trời tại các nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2, nhà máy điện Cà Mau, nhà máy lọc hóa dầu Bình Sơn; triển khai và nghiên cứu dự án tiết kiệm năng lượng sử dụng biến tần giai đoạn I và II tại nhà máy điện Vũng Áng 1, dự án thủy điện nhỏ tại kênh xả nước làm mát của nhà máy điện; nghiên cứu các dự án điện rác, điện mặt trời nổi lòng hồ thủy điện Đakđrinh cho mục tiêu đầu tư trung và dài hạn.

# III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 82

2 Tình hình tài chính 86

3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 87

4 Kế hoạch phát triển trong tương lai 88

5 Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán 93

6 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty 93

# 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

## 1.1. Về quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện

Đảm bảo an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu huy động của A0, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao.

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 14,2 tỷ kWh, bằng 102% kế hoạch năm 2022.

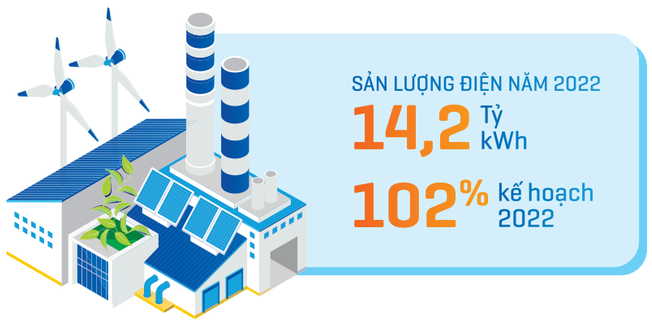

SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM 2022

**14,2** Tỷ kWh

**102%** kế hoạch 2022

Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản lượng điện:

**01** Năm 2022, nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tăng trưởng thấp hơn dự kiến (5,2% so với dự kiến 8,2%) do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 gây ra sự đình trệ trong sản xuất. Trong khi đó, nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể trong thời gian cuối năm 2021 và năm 2022. Tất cả các yếu tố khách quan trên ảnh hưởng đến việc huy động sản lượng điện từ các nhà máy điện của PV Power.

**02** Tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2 sản lượng điện bị ảnh hưởng bởi: (i) Khả năng cấp khí thấp (tháng 3, 4, 5, 9, 10) và chưa phù hợp sản lượng điện hợp đồng Qc; Đồng thời, lượng khí dự báo và cấp theo ngày không ổn định và chưa bám sát Qc nên rất khó khăn trong công tác chào giá; (ii) Các nhà máy điện năng lượng tái tạo được ưu tiên khai thác nên các nhà máy nhiệt điện phải cạnh tranh với nhau rất khó khăn, đặc biệt là trong giai đoạn từ 9 giờ đến 15 giờ hàng ngày.

**03** Sản lượng điện hợp đồng (Qc) năm 2022 được phân bổ cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 rất thấp và chủ yếu phân bổ trong giai đoạn mùa mưa, giá thị trường thấp.

**04** Nguồn khí cung cấp cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1,2 sử dụng nguồn bổ sung với giá cao nên ảnh hưởng đến cạnh tranh trên thị trường điện, A0 hạn chế huy động.

**05** Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 gặp sự cố tuabin máy phát trong quá trình khởi động tổ máy số 01 từ ngày 19/9/2021 dẫn đến sản lượng điện phát thấp. Từ ngày 24/3, lượng than tồn kho ở mức rất thấp nên từ ngày 24/3 tới hết tháng 6/2022 nhà máy chào giá để vận hành tổ máy S2 ở mức công suất tối thiểu nhằm tránh phải ngừng tổ máy do thiếu than.





## 1.2. Chỉ tiêu Doanh thu

Doanh thu Công ty Mẹ năm 2022 đạt 18.237 tỷ đồng/16.921 tỷ đồng bằng 108% kế hoạch được giao và vượt 1% so với thực hiện năm trước; Doanh thu toàn Tổng công ty đạt 28.790 tỷ đồng/24.242 tỷ đồng, bằng 119% kế hoạch được giao và vượt 14% so với doanh thu toàn Tổng công ty năm 2021.

Doanh thu của Tổng công ty tăng chủ yếu do (i) sản lượng điện vượt 2% so với kế hoạch; (ii) Giá nguyên liệu đầu vào (khí, than) tại các nhà máy điện khí tăng khoảng 20%; (iii) Giá thị trường điện toàn phần tăng.

**Doanh thu Công ty Mẹ**

**Doanh thu Tổng công ty**

## 1.3. Chỉ tiêu Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 1.110 tỷ đồng/1.012 tỷ đồng, đạt 110% so với kế hoạch được giao. Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 2.809 tỷ đồng, đạt 325% kế hoạch và vượt 20% so với năm trước.

Các đơn vị đều cơ bản thực hiện tốt các giải pháp tăng cường quản trị chi phí, tiết kiệm và giảm chi phí, ứng phó với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các khó khăn bất thường trong hoạt động sản xuất kinh Doanh điện năng để nâng cao lợi nhuận của từng đơn vị nói riêng và toàn Tổng công ty nói chung.

**Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ**

**Lợi nhuận trước thuế Tổng công ty**

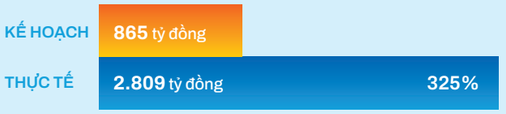


## 1.4. Nộp ngân sách nhà nước

Nộp ngân sách của Công ty Mẹ trong năm 2022 đạt 274 tỷ đồng, đạt 46% kế hoạch được giao. Toàn Tổng công ty nộp ngân sách đạt 985 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch được giao.

Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước của Công ty Mẹ không đạt kế hoạch là do trong năm 2022 một số khoản thuế được bù trừ với số thuế đã ứng, nộp dư của năm 2021.

**Nộp ngân sách Công ty mẹ**

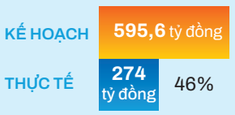


**Nộp ngân sách Tổng công ty**

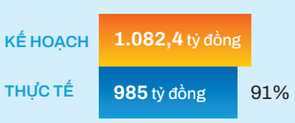


## 1.5. Thực hành tiết giảm chi phí

Trong năm 2022, Tổng công ty tiết kiệm, tiết giảm được 3.161 tỷ đồng.

## 1.6. Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng và cung ứng nhiên liệu

Về lĩnh vực cung ứng nhiên liệu: PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn than sản xuất cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Tổng khối lượng giao nhận than đến hết 31/12/2022 đạt 1.655.298 tấn/KH 3.200.000 tấn, tương đương 52% kế hoạch năm; Trong các tháng đầu năm 2022, công tác cấp than của TKV gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nguồn than nhập khẩu (TKV tổ chức nhiều đợt đấu thầu mua than nhưng không có nhà cung cấp tham gia) và thiếu phương tiện vận chuyển, khối lượng giao nhận các tháng liên tục không đạt được như kế hoạch đăng ký dẫn đến lượng than tồn kho duy trì ở mức thấp trong khi A0 đang huy động công suất phát điện cao, nhà máy gặp phải tình trạng thiếu than cục bộ. Chất lượng than không đồng đều, một số mẫu than cơ sở có chất lượng vượt khung.

Về công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện được thực hiện tốt đảm bảo các nhà máy luôn khả dụng cao. PV Power TSC, PV Power Services đã phối hợp với các nhà máy thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ và đột xuất, xử lý các sự cố thiết bị nhằm đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả.

## 1.7. Công tác đầu tư xây dựng

Tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư/quyết toán các dự án đầu tư bao gồm:

### Đối với các dự án đã và đang thực hiện đầu tư.

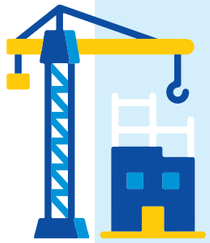

**Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4:** đã tổ chức lựa chọn, đàm phán và ký kết hợp đồng EPC Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 vào ngày 14/3/2022, và tiếp đó ký kết hợp đồng LTMA vào ngày 28/11/2022. Ngay sau khi ký kết hợp đồng EPC, PV Power đã cùng với nhà thầu tích cực triển khai, tháo gỡ vướng mắc để thi công, thực hiện các gói thầu bám sát tiến độ của dự án.

**Dự án Thủy điện Đakđrinh và Thủy điện Hủa Na:** Công tác quyết toán vốn phần còn lại của dự án đầu tư đang được khẩn trương thực hiện. Đối với dự án Thủy điện Hủa Na, tập trung xử lý nốt phần việc còn lại thuộc các nội dung Bồi thường tái định cư, định canh đang thực hiện dở dang. Đối với Thủy điện Đakđrinh, công tác quyết toán còn chậm, Ngày 25/7/2022, Giám đốc PV Power DHC đã trình Hội đồng quản trị PV Power DHC phê duyệt quyết toán hoàn thành Dự án. Giá trị đề nghị quyết toán (trước thuế) là 5.017,85 đồng. Các nội dung công việc dở dang và chưa thực hiện sẽ tiếp tục triển khai như: hoàn thiện Đường tránh ngập nhánh 1; hoàn thiện Hố xói giai đoạn 2 hạ lưu đập; công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định canh phần còn lại...dự kiến khoảng 335,64 tỷ đồng sẽ được quyết toán bổ sung sau khi hoàn thành.

**Trụ sở văn phòng làm việc:** Ngày 28/12/2022, PV Power đã ký hợp đồng chuyển nhượng với chủ đầu tư tòa nhà DLC - Complex Nguyễn Tuân, và thực hiện thủ tục thanh toán theo tiến độ cho đối tác.

### Công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư.

**Đối với dự án LNG Quảng Ninh**, PV Power với vai trò đại diện cho 4 cổ đông đã tích cực làm việc với tỉnh Quảng Ninh, TP Cẩm Phả, các Bộ, Ngành để được cấp giấy chứng nhận đầu tư, hoàn tất các thủ tục cần thiết để thành lập công ty, đôn đốc tư vấn thực hiện FS dự án.

**Đối với các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo:** Đối với hoạt động đầu tư năng lượng tái tạo: vượt qua nhiều khó khăn về thủ tục, kiên định với chiến lược chuyển dịch năng lượng và phát triển bền vững Tổng Công ty đã quyết liệt trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư cho năng lượng tái tạo. Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận chuyển nhượng và quản lý 05 dự án điện mặt trời áp mái Phú Mỹ 1,2,3 và Dung Quất 1,2 (tổng công suất 4,6MWp).

**Dự án Thủy điện Luang Prabang:** Do một số nguyên nhân khách quan như lạm phát, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng tác động giảm hiệu quả kinh tế, PV Power đang đánh giá cẩn trọng về khả năng tham gia tại dự án để báo cáo các cấp có thẩm quyền theo quy định.





## 1.8. Về công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy Văn Phòng Đảng ủy và Văn phòng Công Đoàn Tổng công ty.

Thành lập mới Phòng Dự án thuộc Ban Quản lý Dự án Điện, đồng thời đổi tên Phòng Xây dựng - An toàn và Phát triển Dự án thành Phòng Xây dựng – An toàn và Quản lý chất lượng thuộc thuộc Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý Dự án Điện.

Đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Điện Việt Lào (VLP) và Công ty cổ phần EVN Quốc tế; Trong đó đã chuyển nhượng được 250.000 cổ phần/30.805.200 cổ phần tại VLP và 57.500 cổ phần/2.880.000 cổ phần tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Bám sát công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty theo chỉ đạo của Tập đoàn và Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

## 1.9. Công tác khác

Cổ phiếu POW được nhà đầu tư đánh giá cao, PV Power được trao giải thưởng Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững và giải Top 10 Báo cáo Thường niên do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh bình chọn.

Đẩy nhanh công tác chuyển đổi số và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, các hệ thống phần mềm phục vụ sản xuất kinh doanh của PV Power.

Tổng công ty luôn quan tâm, chú trọng đến công tác tiền lương và chế độ cho người lao động, tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị.

**Chính sách lương, thưởng:** Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Tổng công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm; giao quyền chủ động cho các đơn vị được quyết định phê duyệt các quy định xếp lương, quy định đánh giá xếp loại, quy định chi lương khuyến khích năng suất/hiệu quả. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Tổng công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ công nhân viên của Tổng công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty.

**Công tác an sinh xã hội:** Tính đến ngày 31/12/2022, Tổng công ty đã thực hiện giải ngân cho các công trình/chương trình An sinh xã hội với tổng số tiền là 36 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động, đã quan tâm và tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị. Trong thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Tổng công ty đã thực hiện rà soát, hỗ trợ các cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, đồng thời tuyên truyền cán bộ công nhân viên chung tay quyên góp cho quỹ hỗ trợ đồng bào vùng lũ lụt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

PV Power đang triển khai xây dựng chương trình chuyển đổi số PV Power giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến 2028. Tích cực thúc đẩy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong toàn Tổng công ty: Tổ chức cuộc thi Sáng tạo PV Power; tham dự cuộc thi "01 triệu Sáng kiến" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức; Phấn đấu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong các mặt hoạt động và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

**Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường:** Trong năm 2022, PV Power đảm bảo an toàn tuyệt đối, không có tai nạn lao động, không xảy ra sự cố cháy nổ, không xảy ra sự cố môi trường, sức khỏe của người lao động được đảm bảo, công tác vận hành, sản xuất, kinh doanh tại các đơn vị được duy trì ổn định; Được trao tặng bằng khen về việc đạt được thành tích 50 triệu giờ công an toàn.

# 2. Tình hình tài chính

Tổng tài sản **56.843** Tỷ VND

## 2.1. Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng tài sản đạt 56.843 tỷ tăng 3.866 tỷ đồng tương ứng tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn đạt 24.925 tỷ đồng tăng 6.505 tỷ đồng tương ứng tăng 35% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân tăng chủ yếu: (i) Chi tiêu Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 1.119 tỷ đồng. (ii) Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 6.739 tỷ đồng chủ yếu do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 4.425 tỷ đồng (phải thu Công ty Mua bán điện tăng 4.456 tỷ đồng) và khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 1.892 tỷ đồng (khoản tạm ứng của Tổng công ty cho Tập đoàn Samsung C&T và Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP theo hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) NMĐ Nhơn Trạch 3&4 tăng: 1.911 tỷ đồng). (iii) Hàng tồn kho tăng 248 tỷ đồng. (iv) Tài sản ngắn hạn giảm 1.628 tỷ đồng do giảm chi phí trả trước khoản bao tiêu khí với PV Gas: 1.525 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn giảm 2.639 tỷ đồng giảm 8% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do Tổng công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định trong quá trình sử dụng.

Nợ phải trả **23.562** Tỷ VND

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2022, Nợ phải trả của Tổng công ty đạt 23.562 tỷ đồng tăng 1.710 tỷ đồng tương ứng tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó:

Nợ ngắn hạn đạt 18.326 tỷ đồng tăng 1.515 tỷ đồng tương ứng tăng 9% so với cùng kỳ năm 2021. Nợ ngắn hạn tăng so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân chủ yếu: (i) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 866 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, Tổng công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán. (ii) Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 914 tỷ đồng do chi phí tiền khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho NMĐ Nhơn Trạch 1 và NMĐ Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn .

Nợ dài hạn đạt 5.236 tỷ đồng tăng 196 tỷ đồng tương ứng tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do: (i) Dự phòng phải trả dài hạn tăng 502 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 do Tổng Công ty trích lập chi phí bảo trì, sửa chữa lớn cho NMĐ Cà Mau 1&2, NMĐ Nhơn Trạch 1 và NMNĐ Vũng Áng 1. (ii) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 307 tỷ đồng do trong năm tổng công ty đã thực hiện trả nợ vay cho các tổ chức tín dụng.

# 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

## 3.1. Công tác cổ phần hóa

Hiện nay, Tổng công ty đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ quyết toán cổ phần hóa theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước và Tập đoàn.

## 3.2. Công tác tái cơ cấu quản trị Doanh nghiệp

Hoàn thành báo cáo Tập đoàn về tổng kết công tác đổi mới phát triển doanh nghiệp năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của PV Power.

Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy Văn Phòng Đảng ủy và Văn phòng Công Đoàn. Ngày 01/9/2022, Đảng ủy Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 84-QĐ/ĐU về việc thành lập Văn phòng Đảng – Đoàn Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

Hoàn thành việc thành lập Phòng Dự án thuộc PVPP, đồng thời đổi tên Phòng Xây dựng - An toàn và Phát triển Dự án thành Phòng Xây dựng - An toàn và Quản lý chất lượng thuộc PVPP (Trên cơ sở Nghị quyết số 36/NQ-ĐLDK ngày 05/5/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty).

Hoàn thành việc tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Dự án Nhà máy điện LNG Quảng Ninh: Ngày 23/08/2022, Hội đồng quản trị PV Power đã ban hành Nghị quyết số 60/NQ-SĐLDK về việc thông qua tham gia góp vốn tại Công ty CP Điện khí LNG Quảng Ninh. Ngày 09/9/2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành Nghị quyết số 63/NQ-ĐLDK về việc thông qua nội dung (i) Thỏa thuận cổ đông (SHA) và (ii) Điều lệ Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh. Ngày 02/11/2022, Công ty đã được Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

Hoàn thiện phương án giao nhiệm vụ đầu mối thực hiện nhiệm vụ cung cấp LNG, khí cho các Nhà máy điện của PV Power cho PV Power Fuel. Ngày 12/10/2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 642/QĐ-HĐQT về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho PV Power Fuel.

Tiếp tục phối hợp cùng đơn vị tư vấn để triển khai công tác sắp xếp, tái cơ cấu 02 Chi nhánh Tổng công ty: PV Power Nhơn Trạch và PV Power Hà Tĩnh.

Tiếp tục phối hợp triển khai công tác thoái vốn tại các Công ty con/liên kết: Công ty cổ phần Điện Việt Lào và Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp hành chính sách pháp luật về cổ phần hóa theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, ngày 13/05/2022 Tổng công ty đã có văn bản số 759/BC-ĐLDK báo cáo Tập đoàn về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần. Đồng thời, tiếp tục bám sát công tác quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty theo chỉ đạo của Tập đoàn và UBQLVNN tại doanh nghiệp.

# 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

## Kế hoạch năm 2023 (theo phương án giá dầu 70 USD/thùng, sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét, thông qua).

Căn cứ tình hình tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và các tháng đầu năm 2023 của các đơn vị, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của PV Power sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua gồm các nội dung chính sau:

## Dự báo, phân tích nhân tố tác động đến sản xuất kinh doanh của PV Power năm 2023.

Năm 2023 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với ngành điện nói chung và PV Power nói riêng bởi ảnh hưởng của việc giá nhiên liệu đầu vào (khí/than/dầu) tăng đột biến cùng áp lực tăng chi phí do giá cả thị trường tăng bởi lạm phát, môi trường kinh tế, chính trị thế giới còn nhiều bất ổn,... Cụ thể:

Bất ổn về kinh tế, chính trị thế giới (đặc biệt là ảnh hưởng của chiến tranh Nga - Ucraina) làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả và lạm phát có xu hướng tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, kéo theo giá khí/giá than/chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất tăng cao).

Nguồn cung của hệ thống điện gia tăng đáng kể, đặc biệt là các dự án điện năng lượng tái tạo sẽ ảnh hưởng đến việc tham gia thị trường điện của các nhà máy điện.

Nguồn khí có giá rẻ khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ ngày càng suy giảm, phải sử dụng nguồn khí bổ sung với giá cao ảnh hưởng đến việc giao kế hoạch Qc cho các nhà máy điện, cũng như tính cạnh tranh của PV Power khi chào giá trên thị trường điện.

Năm 2023, nhiều nhà máy điện của PV Power sẽ ngừng máy để thực hiện sửa chữa lớn như Nhà máy điện Cà Mau 2 thực hiện đại tu, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 thực hiện trung tu, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 thực hiện đại tu, Nhà máy điện Hủa Na thực hiện trung tu.... Vì vậy, PV Power sẽ gặp nhiều khó khăn do các nhà máy điện ngừng máy thời gian dài để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa, chi phí sản xuất tăng do chi phí bảo dưỡng sửa chữa tăng.

Lãi suất của các ngân hàng trong và ngoài nước tăng, tỷ giá ngoại tệ biến động tăng làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến dòng tiền trả nợ và hiệu quả các nhà máy điện cũng như việc thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.

Công tác thu xếp vốn ECA cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 gặp nhiều khó khăn do dự án không thuộc đối tượng được Chính phủ bảo lãnh khoản vay. Mặt khác, đây là dự án điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam, vì vậy các ngân hàng đều đặt vấn đề đối với tính hiệu quả của dự án, việc chưa có được sản lượng điện Qc cố định trong suốt thời gian vay vốn của dự án (15 năm) đang là một thách thức đối với quá trình thu xếp vốn của PV Power.

## Nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm năm 2023

01 Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, Vinacomin, PVGas trong công tác quản lý vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện của PV Power, huy động tối đa công suất đảm bảo vận hành an toàn, khả dụng, hiệu quả các nhà máy điện. Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2023 đạt 15,6 tỷ kWh.

02 Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

03 Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2, đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, trung tu GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, trung tu Nhà máy điện Hủa Na, đại tu tổ máy H2 và tiểu tu tổ máy H1 Nhà máy điện Đakđrinh, tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1 trong năm 2023 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn; hoàn thành công tác đại tu kết hợp khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các Nhà máy điện năm 2024.

04 Đàm phán với EVN/EPTC và báo cáo các cấp có thẩm quyền về Qc cho các nhà máy điện: Nhơn Trạch 1 (do không có cam kết cấp khí), Cà Mau 1&2 và TOP khí phù hợp kế hoạch giao khí. Đàm phán để có cam kết hàng năm cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 làm cơ sở đàm phán Qc. Tìm nguồn khí và đàm phán ký hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo.

05 Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch COVID-19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, đặc thù hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

06 Tiếp tục rà soát, sửa đổi/bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp. Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính. Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư theo Hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tích cực triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC.

07 Đảm bảo cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.

08 Tập trung kiểm soát tiến độ, tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4. Hoàn thành ký kết hợp đồng mua bán điện PPA với EPTC và hợp đồng mua bán khí GSA với PV Gas để triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ. Hoàn thành công tác thu xếp vốn cho dự án.

09 Triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh. Thực hiện triển khai các bước chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3, kho cảng LNG sau khi được cấp thẩm quyền bổ sung Quy hoạch điện và Quy hoạch phát triển Công nghiệp Khí Việt Nam. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện LNG, năng lượng tái tạo khi có hiệu quả.

10 Triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh. Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án mới phù hợp với Quy hoạch điện VIII. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện LNG, năng lượng tái tạo khi có hiệu quả.

11 Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức gọn bộ máy từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ. Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án được phê duyệt để tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.

12 Bám sát Ủy quan Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp để sớm hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power. Phối hợp với Tập đoàn hoàn thành quyết toán dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1.

13 Tiếp tục tập trung công tác triển khai chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa sản xuất kinh doanh với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

14 Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi.

15 Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các chỉ tiêu kế hoạch chính.

### 4.1. Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

Căn cứ công suất khả dụng của các nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp nhiên liệu (khí/than)/sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.

Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán,...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN/EPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin,...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật,...

Giá dầu 70 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.500 VND.

### 4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 của PV Power cụ thể như sau

Số liệu theo kế hoạch đã được Tập đoàn chấp thuận tại Nghị quyết số 7784/NQ-DKVN ngày 30/12/2022 về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của PV Power, cụ thể như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2023 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Sản lượng điện** | | |
| 1 | Toàn Tổng công ty | Triệu kWh | 15.590 |
| 2 | Công ty mẹ | Triệu kWh | 11.103 |
| **II** | **Doanh thu** | | |
| 1 | Toàn Tổng công ty | Tỷ đồng | 30.332 |
| 2 | Công ty mẹ | Tỷ đồng | 22.221 |
| **III** | **Lợi nhuận trước thuế** | | |
| 1 | Toàn Tổng công ty | Tỷ đồng | 1.277 |
| 2 | Công ty mẹ | Tỷ đồng | 1.086 |
| **IV** | **Lợi nhuận sau thuế** | | |
| 1 | Toàn Tổng công ty | Tỷ đồng | 1.118 |
| 2 | Công ty mẹ | Tỷ đồng | 890 |
| **V** | **Nộp NSNN** | | |
| 1 | Toàn Tổng công ty | Tỷ đồng | 879 |
| 2 | Công ty mẹ | Tỷ đồng | 360 |
| **VI** | **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu** | **%** | **3,1%** |
| **VII** | **Tỷ lệ chia cổ tức** | **%** | **0%** |
| **VIII** | **Đầu tư xây dựng Công ty mẹ** | | |
| **1** | **Nhu cầu vốn đầu tư** | **Tỷ đồng** | **15.039** |
| | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tỷ đồng | 14.433 |
| | Mua sắm trang thiết bị | Tỷ đồng | 443 |
| | Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên | Tỷ đồng | 163 |
| **2** | **Nguồn vốn đầu tư** | **Tỷ đồng** | **15.039** |
| | Vốn chủ sở hữu | Tỷ đồng | 1.952 |
| | Vốn vay + khác | Tỷ đồng | 13.086 |
| **3** | **Giá trị giải ngân trong năm** | **Tỷ đồng** | **15.039** |
| | Vốn Chủ sở hữu | Tỷ đồng | 1.952 |
| | Vốn vay + khác | Tỷ đồng | 13.086 |

Năm 2023, PV Power - Công ty Mẹ triển khai thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4; thực hiện đầu tư dự án trụ sở làm việc của Tổng công ty; nghiên cứu xúc tiến và tham gia góp vốn các dự án điện khí LNG và năng lượng tái tạo; triển khai mua sắm trang thiết bị cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh,...





## 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

Không có.

## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

### 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

**Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường toàn Tổng công ty**

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Khối lượng |
|---|---|---|
| Nước sạch tiêu thụ: | m3 | 1.498.036 |
| Nước mặt làm mát(1): | m3 | 1.244.007.323 |
| Tiêu thụ năng lượng (tỷ lệ điện tự dùng): | | 3,96% |
| Tổng lượng khí thải: | triệu m3 | 85.953 |
| Tổng lượng nước thải(2): | m3 | 180.972.533 |
| Chất thải rắn thông thường: | tấn | 1.013.712 |
| Tro xỉ nhiệt điện than | tấn | 443.965 |
| Chất thải nguy hại: | tấn | 4.872 |

(1) trong đó 700.458.304 m3 nước biển sử dụng tại Nhà máy điện Vũng Áng 1;
(2) trong đó 180.773.294 m3 nước biển dùng cho hệ thống FGD do Nhà máy điện Vũng Áng 1 sử dụng nước biển để khử lưu huỳnh thay cho hệ thống dùng đá vôi truyền thống.

Tất cả khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh đều được các nhà máy thuê đơn vị đủ năng lực xử lý, nước thải trước khi xả vào môi trường đều được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn.

Năm 2022, PV Power và PV Power Hà Tĩnh đã nỗ lực thúc đẩy xử lý, tiêu thụ tro xỉ, kết quả tiêu thụ được 559.489 tấn trong đó 354.574 tấn tro bay trực tiếp tại silo và 204.915 tấn hỗn hợp tro xỉ từ bãi thải xỉ.

## 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

PV Power luôn quan tâm, triển khai xây dựng tổ chức và bố trí những cán bộ có trách nhiệm và năng lực để quản lý, giám sát và thực hiện công tác, nhằm đáp ứng cho thực tiễn hoạt động của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, các phương tiện, dụng cụ, thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ tại cơ quan và các nhà máy, phương tiện bảo vệ cá nhân cũng được PV Power quan tâm đầu tư trang bị hiện đại, đầy đủ.

Khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát, nhờ có những biện pháp ứng phó nhằm thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch bệnh Covid-19 của đội ngũ cán bộ làm công tác an toàn sức khỏe môi trường, PV Power đã thực hiện phòng chống dịch hiệu quả vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh: Tiếp cận nhanh chóng, chủ động với các nguồn vacxin để tổ chức tiêm vacxin phòng dịch diện rộng cho cán bộ công nhân viên (99,77% CBCNV tiêm 02 mũi vắc xin, 95,41% CBCNV tiêm 03 mũi vắc xin); Mua sắm các trang thiết bị, vật tư y tế để cấp, phát, chi tiền từ quỹ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên tự chủ động phòng chống dịch bệnh.

Công tác tuyên truyền, các hoạt động liên quan đến An toàn sức khỏe môi trường được PV Power tổ chức thường xuyên, định kỳ đã góp phần không nhỏ giúp Tổng công ty vận hành an toàn, liên tục, đảm bảo sức khỏe cho cán bộ công nhân viên trong suốt thời gian vừa qua. Ngày 10/5/2022, Hội nghị An toàn sức khỏe môi trường lần thứ XI và Hội thao An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ lần thứ XII do PV Power tổ chức đã nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động trong toàn Tổng công ty với công tác An toàn vệ sinh lao động-Phòng chống cháy nổ; Đẩy mạnh phong trào thường xuyên tập luyện, nâng cao kỹ năng, chiến thuật và chủ động trong việc sơ cấp cứu và phòng chống cháy nổ, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do tai nạn lao động và sự cố cháy nổ gây ra.

PV Power không ngừng cải thiện môi trường làm việc, quan tâm chăm lo đời sống người lao động, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp, quyền lợi của người lao động và lợi ích xã hội nhằm tiến tới phát triển bền vững trong quá trình hội nhập và phát triển. Người lao động tại PV Power được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của nhà nước (về thời gian làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty... Tổng công ty thường xuyên chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn - bảo hộ lao động cho Người lao động. Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ công nhân viên...

Với hành động tích cực và thành tựu đạt được, PV Power đã được đánh giá cao và được công nhận bởi các tổ chức uy tín như:

**16/11/2022**

PV Power nhận Bằng khen của VCCI tại Chương trình "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động" do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì.

**01/12/2022**

PV Power được vinh danh Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững tại lễ vinh danh các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam năm 2022 do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) tổ chức.

**03/12/2022**

PV Power được tôn vinh và trao chứng nhận "Doanh nghiệp đạt chuẩn Văn hóa kinh doanh Việt Nam" năm 2022 tại Diễn đàn quốc gia thường niên "Văn hóa với Doanh nghiệp" lần thứ hai với chủ đề "Chấn hưng Văn hóa - nền tảng phục hồi và phát triển kinh tế bền vững" do Hội đồng Quốc gia xét duyệt.





## 6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

PV Power luôn nhận thức một cách cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của PV Power đối với cộng đồng đặc biệt trong môi trường cạnh tranh, xã hội ngày càng có cái nhìn khắt khe hơn đối với doanh nghiệp về bổn phận, trách nhiệm trước cộng đồng, xã hội. Hiện nay, trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội ngày càng trở nên quan trọng hơn; Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững không chỉ bảo đảm sản xuất kinh doanh phải có lợi nhuận, mà còn cả những chuẩn mực về bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động, về thực hiện bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động...

Trong năm 2022, đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát, tuy nhiên vẫn gây ra các tổn thất lớn đối với xã hội trên hầu hết các phương diện: sức khỏe của người dân, người lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hàng loạt doanh nghiệp phá sản, kinh tế sản xuất đình trệ, PV Power đã đặt mục tiêu đảm bảo cung cấp điện ổn định, đáp ứng đủ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng trong mọi bối cảnh, đồng thời hưởng ứng lời kêu gọi từ Chính phủ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tài trợ các trang bị, vật tư phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh đồng hành cùng nhà nước phục hồi kinh tế sau đại dịch.

Các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của Tổng công ty được thống nhất triển khai tới toàn bộ các đơn vị thành viên/trực thuộc thông qua việc triển khai các chương trình công tác gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nên ảnh hưởng tốt cho xã hội ở từng địa phương ví dụ:

PV Power và các đơn vị thành viên thường xuyên có các hoạt động tại các địa phương nhằm hỗ trợ cộng đồng cũng như thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp như thực hiện tốt việc quản lý/xử lý tốt chất thải/chất thải độc hại, hưởng ứng các hoạt động thường niên về công tác bảo vệ môi trường, làm sạch bãi biển, trồng cây xanh, khơi thông cống rãnh vào các ngày Môi trường thế giới, ngày Nước thế giới, chiến dịch giờ trái đất ...

Các đơn vị sản xuất của PV Power có khai thác sử dụng nguồn nước đều đã ký hợp đồng với Quỹ môi trường rừng của địa phương để đóng phí dịch vụ môi trường rừng tương ứng với phần nước khai thác.

Các đơn vị vận hành nhà máy thủy điện luôn tuân thủ quy định vận hành liên hồ, thường xuyên phối hợp với địa phương để điều tiết thủy lợi trên lưu vực sông phù hợp với kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đã phối hợp với địa phương trồng rừng, tái định cư các hộ dân tại khu vực lòng hồ đúng quy định.

Đối với đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện đều kiểm soát liên tục nguồn nước thải, khí thải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn về môi trường; số liệu được hiển thị trên bảng thông tin công khai tại từng nhà máy.

Trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh PV Power luôn xem xét phương án hạn chế thấp nhất những tác động bất lợi đến lợi ích của cộng đồng (hạn chế tối đa tác động bất lợi trong sản xuất sinh hoạt tại khu dân cư, khu sản xuất công nghiệp, nông nghiệp..., hạn chế thấp nhất nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, lấn chiếm vỉa hè, nguy cơ thiệt hại đến người dân khi xảy ra sự cố cháy nổ...).

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua hoạt động đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, giảm hao phí xã hội, nâng cao lợi nhuận doanh nghiệp qua sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, chi phí thấp. Phối hợp với các tổ chức công đoàn thực thi đầy đủ hoặc cao hơn luật định trách nhiệm về vật chất, tinh thần đối với người lao động của đơn vị.

PV Power luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội hướng tới cộng đồng: Hoạt động hỗ trợ khắc phục thiên tai, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các hoạt động hỗ trợ về giáo dục, tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo...

# IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY


1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội 98
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty 104
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 106

# 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

## 1.1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của PV Power, với sự lãnh đạo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Tập thể cán bộ công nhân viên PV Power đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao, các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2022 của PV Power như sau:

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty năm 2022 là 14,2 tỷ kWh (đạt 102% so với kế hoạch).

Tổng doanh thu toàn Tổng công ty năm 2022 là 28.790 tỷ đồng/ 24.242 tỷ đồng kế hoạch, bằng 119% kế hoạch; Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2022 là 18.237 tỷ đồng/ 16.921 tỷ đồng kế hoạch, bằng 108% kế hoạch).

Tổng lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty năm 2022 là 2.809 tỷ đồng/ 865 tỷ đồng kế hoạch, bằng 325% kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế toàn Tổng công ty năm 2022 là 2.553 tỷ đồng/ 743 tỷ đồng kế hoạch, bằng 344% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ năm 2022 là 1.110 tỷ đồng/ 1.012 tỷ đồng kế hoạch, bằng 110% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là 968 tỷ đồng/ 900 tỷ đồng kế hoạch, đạt 108% so với kế hoạch cả năm.

Nộp Ngân sách nhà nước toàn Tổng công ty năm 2022 đạt 985 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch; Nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ năm 2022 đạt 274 tỷ đồng, bằng 46% kế hoạch năm.

**14,2** tỷ kWh

Tổng sản lượng điện
đạt **102%** so với kế hoạch

**28.790** tỷ đồng

Tổng doanh thu
đạt 119% so với kế hoạch

**2.809** tỷ đồng

Tổng lợi nhuận trước thuế
đạt **325%** so với kế hoạch

**985** tỷ đồng

Nộp ngân sách nhà nước
đạt **91%** so với kế hoạch

## 1.2. Về các mặt hoạt động của Tổng công ty

### 1.2.1. Công tác quản lý kỹ thuật

Tổng công ty đã xây dựng và phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật, định mức vật tư tồn kho áp dụng cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 nhằm đảm bảo vận hành tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục xây dựng các Định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ, tiến tới áp dụng chung cho toàn Tổng công ty.

Các nhà máy điện của Tổng công ty vận hành an toàn trong năm 2022, công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện được thực hiện theo tiến độ kế hoạch, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy.

Sự cố xảy ra đối với Tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 vào ngày 19/9/2021 có ảnh hưởng lớn tới các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của PV Power. Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và ủy quyền Tổng giám đốc Tổng công ty chủ động xử lý các nội dung liên quan với mục đích đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đáp ứng mục tiêu cao nhất về chất lượng và tiến độ. Hiện tại, Tổng công ty đang tập trung trong công tác lắp đặt thiết bị, khắc phục sự cố, dự kiến hoàn thành đưa tổ máy vào vận hành trong quý II/2023.

### 1.2.2. Công tác thương mại

Hội đồng quản trị đã xử lý kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền trong công tác mua sắm vật tư, hàng hóa, nhiên liệu (than, khí), dịch vụ...phục vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; Thực hiện tăng mạnh phân cấp cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực mua sắm dùng nguồn vốn sản xuất kinh doanh, đảm bảo sự chủ động, kịp thời đáp ứng đủ vật tư, hàng hóa dịch vụ...thay thế trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa, đủ nhiên liệu trong vận hành cho các nhà máy điện.

Công tác bảo hiểm cho các nhà máy điện của PV Power cũng được quan tâm đúng mức, các nhà máy điện của PV Power đều được mua bảo hiểm nhằm giảm thiểu các thiệt hại khi có sự cố/rủi ro xảy ra.

## 1.2.3. Công tác tài chính

Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục bám sát, đôn đốc để thu hồi công nợ tiền điện hàng tháng của các nhà máy điện đầy đủ và đúng hạn.

Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp về các nội dung như phương án thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của Tổng công ty, cơ cấu vay vốn cho dự án Nhơn Trạch 3&4, phương án dòng tiền ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty...

Hội đồng quản trị đã phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mở tài khoản tiền gửi thanh toán và hạn mức đầu tư tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng công ty; Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn - Thông qua việc mở/duy trì hạn mức tín dụng tài trợ vốn lưu động luân chuyển của Công ty mẹ; Thông qua các nội dung liên quan đến công tác thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của Tổng công ty theo đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc. Việc thu xếp vốn cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4 đã được PV Power triển khai trong suốt thời gian qua và đã đạt được những kết quả tích cực. Tổng công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị ký kết hợp đồng vay vốn với ngân hàng SMBC khoản vay 200 triệu USD từ khoản vay tín dụng xuất khẩu không ràng buộc của Ý (SACE); đàm phán hợp đồng tín dụng khoản vay 4.000 tỷ đồng vay thương mại trong nước (Vietcombank); và trong quá trình thẩm định của Tổ hợp ngân hàng Citibank & INGbank cho khoản vay ECAs có ràng buộc xuất xứ thiết bị (khoảng 500 triệu USD) và khoản vay ECA không ràng buộc trực tiếp từ chính phủ Úc – EFA (100 triệu USD).

Tổng công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra, kiểm tra của các cấp có thẩm quyền và các kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

## 1.2.4. Công tác đầu tư phát triển

PV Power đã nỗ lực cho hoạt động đầu tư phát triển và đạt được một số kết quả như sau:

### Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức nhiều phiên họp và giao ban hàng tháng về tình hình thực hiện dự án để có những chỉ đạo kịp thời. Hội đồng quản trị đã Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu EPC Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (các nội dung chính của Hợp đồng EPC) và Tổng công ty đã ký hợp đồng vào ngày 14/3/2022; Điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (lần 5); Phê duyệt bổ sung Nhà thầu phụ/Nhà cung Cấp/Nhà sản xuất của Hợp đồng EPC; Phê duyệt mốc tiến độ chính của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Phê duyệt Dự toán chi phí quản lý dự án;

### Dự án đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-ĐLDK phê duyệt dự án mua tòa nhà DLC - Complex Nguyễn Tuân, tại Lô C, ô đất 1.14 - HH tuyến phố Láng Hạ - Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân làm văn phòng làm việc của PV Power. Ngày 28/12/2022, tại trụ sở PV Power, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Liên doanh Công ty TNHH Đầu tư bất động sản DLC và Công ty cổ phần Đầu tư và tư vấn An Việt đã ký hợp đồng mua bán công trình xây dựng - Tòa nhà văn phòng DLC

### Đối với Dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh

Liên danh nhà đầu tư đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh, PV Power góp vốn 30%.

### Đối với nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết tăng vốn điều lệ cho PV Power REC để tập trung triển khai các dự án điện mặt trời mái nhà tại các nhà máy điện của Tổng công ty, dự án tiết kiệm năng lượng sử dụng biến tần tại Nhà máy điện Vũng Áng, nghiên cứu các dự án điện rác...

### 1.2.5. Công tác tái cơ cấu, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

Hội đồng quản trị PV Power đã Thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của PV Power tại Công ty CP EVN Quốc tế và Công ty CP Điện Việt Lào. Tổng công ty đã thực hiện các thủ tục để thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP EVN Quốc tế, Công ty CP Điện Việt Lào. Tuy nhiên, trong năm 2022 việc thoái toàn bộ vốn tại 2 công ty trên chưa thành công. Kết quả thực hiện: đã thực hiện chuyển nhượng được 250.000 cổ phần với giá 12.930 đồng/CP tại Công ty CP Điện Việt Lào và đã thoái thành công 57.500 cổ phần/2.880.000 cổ phần cần thoái tại Công ty CP EVN Quốc tế. Tổng công ty tiếp tục triển khai các bước để thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết như Công ty CP Điện Việt Lào, Công ty CP EVN Quốc tế và các Công ty liên kết khác.

Về công tác đổi mới doanh nghiệp được Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo, đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy các đơn vị, các Ban chức năng phù hợp với yêu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và toàn Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã thông qua Phương án thành lập mới Phòng Dự án, đổi tên Phòng Xây dựng - An toàn và Phát triển Dự án thành Phòng Xây dựng - An toàn và Quản lý chất lượng thuộc Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý Dự án Điện; Thông qua nội dung Thỏa thuận cổ đông (SHA) và Điều lệ Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh; bổ sung chức năng, nhiệm vụ cho PV Power Fuel để hoàn thiện phương án giao nhiệm vụ đầu mối thực hiện nhiệm vụ cung cấp LNG, khí cho các nhà máy điện của PV Power cho PV Power Fuel;...

### 1.2.6. Công tác quản trị doanh nghiệp

Năm 2022, Hội đồng quản trị PV Power đã tăng cường công tác kiểm tra giám sát tại các đơn vị theo chương trình công tác trọng tâm và đã thực hiện công tác giám sát tại các đơn vị như: PV Power Services, PV Power TSC, PV Power REC, Chi nhánh Ban Quản lý dự án điện (giám sát thường xuyên) và hiện đang triển khai làm việc, giám sát tại PV Power DHC, PV Power Cà Mau.

PV Power đã thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực và thực tế hoạt động của Tổng công ty. Năm 2022, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sửa đổi), Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV Power (sửa đổi), Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sửa đổi).

PV Power đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp của PV Power thực hiện biểu quyết/có ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền, liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quá trình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.





### 1.2.7. Công tác lao động, tiền lương

Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt kế hoạch lao động định biên năm 2022 của Công ty mẹ làm cơ sở để Tổng giám đốc quyết định giao định biên cho các đơn vị trực thuộc, tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí và tuyển dụng lao động; phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2021 của người lao động, người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên; thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Tổng công ty đã thực hiện rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Cơ chế quản lý tiền lương, Quy chế trả lương của Công ty mẹ với mục tiêu gắn tiền lương, thu nhập của Người lao động với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, kết quả/hiệu quả hoạt động của đơn vị, tạo động lực cho đơn vị nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

### 1.2.8. Công tác An toàn, Sức khỏe, Môi trường

Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra an toàn, sức khỏe môi trường được tập trung thực hiện có hiệu quả. Trong năm 2022 toàn Tổng công ty đảm bảo an toàn tuyệt đối, không có tai nạn lao động, không có cháy nổ xảy ra, công tác bảo vệ môi trường đã được quan tâm giải quyết.

Tổng công ty đã tổ chức thành công Hội nghị thường niên về An toàn sức khỏe môi trường lần thứ XI và Hội thao An toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ lần thứ XII hưởng ứng Tháng hành động An toàn vệ sinh lao động năm 2022 vào ngày 10/5/2022 tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; đã tổ chức các đợt kiểm tra, đánh giá công tác An toàn sức khỏe môi trường tại 06 nhà máy điện của Tổng công ty, qua đó tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ cho các nhà máy điện; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên Tổng công ty theo đúng quy định.

### 1.2.9. Công tác An sinh xã hội

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power cũng luôn quan tâm đến đời sống của người lao động và các hoạt động an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện và khả năng của PV Power. Tổng công ty đã tuyên truyền, vận động các cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia đóng góp, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, quỹ vì người nghèo... nhằm góp phần khắc phục các khó khăn cho đồng bào cả nước.

### 1.2.10. Công tác quản lý và quan hệ cổ đông

PV Power đã thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần đại chúng; công tác truyền thông cổ phiếu POW ra công chúng và quản lý thông tin trên website của PV Power đảm bảo đúng quy định của công ty đại chúng; chủ động cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc về các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đến các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, cổ đông...

Đã phát hành Báo cáo thường niên năm 2021, Báo cáo quản trị Công ty năm 2021 và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngày 26/5/2022, PV Power được tổ chức Fich Ratings xếp hạng tín nhiệm quốc tế năm thứ 2 liên tiếp ở mức "BB" với triển vọng tích cực.
- Tại kỳ cơ cấu tháng 07/2022, PV Power tiếp tục được nằm trong danh mục VN30 là nhóm cổ phiếu được xếp hạng cao nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên bộ chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM công bố.
- Tổng công ty đã tổ chức Hội thảo gặp gỡ các chuyên gia phân tích tài chính, kết hợp thăm quan nhà máy điện tại Nhơn Trạch vào tháng 7.
- Ngày 01/12/2022, tại Hà Nội, PV Power đã được vinh danh Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam năm 2022.
- Ngày 02/12/2022, PV Power đã được vinh danh Top 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm vốn hóa lớn năm 2022 được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2022, PV Power đã vinh dự được đón nhận Huân chương lao động hạng nhì của Chủ tịch nước.

# 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty

01

Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa (để tối đa hóa lợi ích hợp pháp) cho Tổng công ty và các cổ đông.

02

Với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tháng với sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị, Trưởng các Ban chức năng Tổng công ty, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

03

Bên cạnh việc tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã chủ động đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp chuyên đề, trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời các vấn đề phát sinh về thẩm quyền, phân cấp trong quá trình điều hành. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất Hội đồng quản trị các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, kỹ thuật, thương mại... nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

04

Thường xuyên làm việc với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị trong Tổng công ty.

05

Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, hoàn thành việc xây dựng và triển khai phương án chi lương hiệu quả cho cán bộ công nhân viên gắn với kết quả đánh giá công việc của cán bộ công nhân viên, (đảm bảo tính công bằng và tương xứng với công sức người lao động đóng góp cho doanh nghiệp) với mục đích tạo động lực, khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

06

Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua sản xuất kinh doanh, uống nước nhớ nguồn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

# 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 3.1. Kế hoạch, định hướng chung

Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết/quyết định/chỉ thị của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.

Tăng cường thực hiện công tác giám sát, quản trị rủi ro đối với hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên.

Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và kịp thời xử lý công việc theo thẩm quyền.

Tăng cường phân cấp cho Tổng giám đốc, nâng cao tính chủ động của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo hướng tinh, gọn, hiệu quả; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác môi trường - xã hội, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

## 3.2. Kế hoạch, định hướng, chỉ đạo cụ thể

### 3.2.1 Công tác sản xuất kinh doanh

Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể: kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 chi tiết của Tổng công ty phù hợp chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của PV Power; phương án phân phối lợi nhuận; tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát...

Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm:

i. Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý vận hành sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện; Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường, đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

ii. Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: Đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2, đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Trung tu GT12 Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Trung tu nhà máy Thủy điện Hủa Na; đại tu tổ máy H2 và Tiểu tu tổ máy H1 Nhà máy điện Đakđrinh, tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1 trong năm 2023 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn; hoàn thành công tác đại tu kết hợp khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai chuẩn bị tốt các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện năm 2024.

iii. Chỉ đạo, giám sát công tác đàm phán bên cấp khí và với EVN/EPTC, báo cáo các cấp có thẩm quyền về sản lượng điện hợp đồng (Qc) cho nhà máy điện, đặc biệt là các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 phù hợp với kế hoạch giao khí. Đàm phán để có cam kết khí hàng năm cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 làm cơ sở đàm phán Qc. Bên cạnh đó tìm kiếm nguồn khí và đàm phán hợp đồng mua bán khí bổ sung cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo.

iv. Chỉ đạo, giám sát công tác đảm bảo cấp than ổn định, liên tục và dài hạn và triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai phương án đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.

v. Chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện các công việc thuộc phạm vi hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV Power với PV Gas và PTSC.

vi. Chỉ đạo, giám sát việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến, chủ động phương án ứng phó hiệu quả với dịch Covid -19 và các dịch bệnh khác có thể xảy ra phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, đặc thù hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

vii. Chỉ đạo, giám sát công tác triển khai chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa sản xuất kinh doanh với Tập đoàn.

### 3.2.2. Công tác đầu tư xây dựng

**(i) Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4:** Tập trung kiểm soát tiến độ, tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4. Hoàn thành việc ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) với EPTC và hợp đồng mua bán khí (GSA) với PV Gas để triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ; hoàn thành công tác thu xếp vốn cho dự án.

**(ii) Chỉ đạo, giám sát Dự án Thủy điện Luang Prabang:** Tiếp tục bám sát, cập nhật và báo cáo tình hình các vướng mắc của Dự án Thủy điện Luang Prabang để triển khai các công việc tiếp theo theo chỉ đạo của Chính phủ/Tập đoàn.

**(iii) Chỉ đạo, giám sát việc triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh.** Tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu xúc tiến tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án điện mới phù hợp với Quy hoạch Điện VIII. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện LNG, năng lượng tái tạo khi có hiệu quả.

### 3.2.3. Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

(i) Chỉ đạo, giám sát để hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power. Phối hợp với Tập đoàn hoàn thành quyết toán dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1.

(ii) Tiếp tục chỉ đạo, giám sát công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh gọn.

(iii) Chỉ đạo, giám sát công tác thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án tái cơ cấu PV Power đã được phê duyệt để tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.

### 3.2.4. Công tác quản trị

Chỉ đạo, giám sát công tác chỉ đạo, rà soát, sửa đổi/bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp. Nâng cao công tác quản trị, kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí, nâng cao năng suất lao động; Có kế hoạch quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả; Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư cho hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tích cực triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát/kiểm toán nội bộ của Tổng công ty.

Chỉ đạo công tác tổ chức quản lý, giám sát, đánh giá công tác phối hợp giữa đơn vị với các các Ban chức năng của Tổng công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; việc tuân thủ của Người đại diện đối với các chỉ đạo của Tổng công ty; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của Người đại diện tại đơn vị; việc thực hiện các quy chế quy định nội bộ của đơn vị và các chỉ đạo của Tổng công ty.

### 3.2.5. Công tác khác

Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện và khả năng của Tổng công ty.

Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động; tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể.

Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao

# V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Hội đồng Quản trị 112

2 Ban Kiểm soát 115

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát 118

# 1. Hội đồng Quản trị

## 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

| STT | THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | CHỨC VỤ | TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH | TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Hồ Công Kỳ | Chủ tịch Hội đồng Quản trị PV Power; Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm). | 0,0023% | 24,94% |
| 2 | Ông Lê Như Linh | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc | 0% | 20% |
| 3 | Bà Nguyễn Hoàng Yến | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0% | 5% |
| 4 | Bà Vũ Thị Tố Nga | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0% | 10% |
| 5 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0% | 10% |
| 6 | Ông Vũ Chí Cường | Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị | 0% | 0% |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Bich | Thành viên Hội đồng Quản trị | 0,0018% | 10% |

*Ông Phạm Xuân Trường:

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị PV Power; Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2

(*11/2021:Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2; Có đơn xin miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP và không tham gia biểu quyết các vấn đề, nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.)

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0010%.
- Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam tại PV Power: 0%.

## 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng Quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

## 1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị: Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã ban hành 23 Nghị quyết/Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty vào ngày 19/04/2022 theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Định kỳ hàng quý, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giữa các phiên họp định kỳ, Hội đồng Quản trị đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức họp chuyên đề/xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022.

## 1.4. Các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH | NGÀY | NỘI DUNG |
|---|---|---|---|
| 1 | 27/NQ-ĐHĐCĐ | 19/04/2022 | Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của PV Power. |

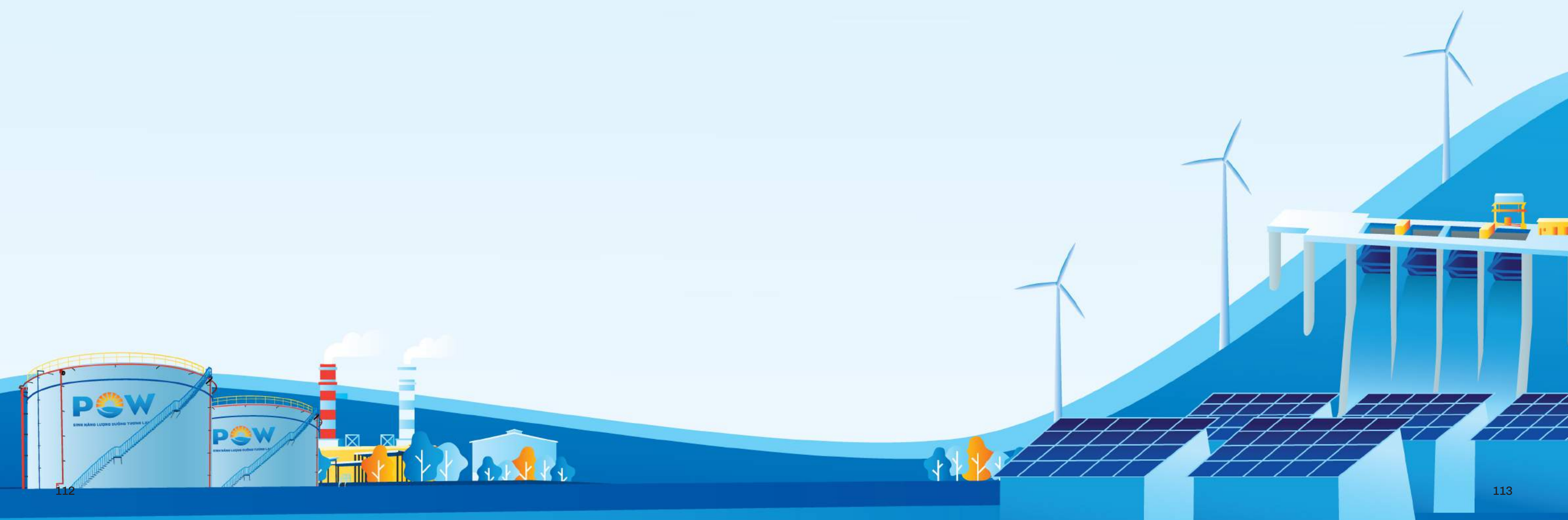

### 1.5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH | NGÀY | NỘI DUNG | TỶ LỆ THÔNG QUA |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 03/NQ-ĐLDK | 11/01/2022 | Chi Trợ cấp cho CBCNV đã qua đời từ nguồn quỹ phúc lợi của Công ty mẹ TCT | 100% |
| 2 | 08/NQ-ĐLDK | 28/1/2022 | Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần | 100% |
| 3 | 09/NQ-ĐLDK | 28/1/2022 | Công bố thông tin báo cáo quản trị công ty năm 2021 | 100% |
| 4 | 10/NQ-ĐLDK | 28/01/2022 | Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 4/2021 | 100% |
| 5 | 76/QĐ-ĐLDK | 08/2/2022 | Đánh giá xếp loại cán bộ năm 2021 thuộc HĐQT TCT | 100% |
| 6 | 14/NQ-ĐLDK | 28/2/2022 | Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của TCT | 100% |
| 7 | 146/QĐ-ĐLDK | 22/3/2022 | Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý công tác Văn thư của cơ quan TCT | 100% |
| 8 | 19/NQ-ĐLDK | 23/3/2022 | Thông qua danh sách nhân sự và quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên của TCT năm 2022 | 100% |
| 9 | 21/NQ-ĐLDK | 25/3/2022 | Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2021 của TCT | 100% |
| 10 | 218/QĐ-ĐLDK | 12/4/2022 | Phê duyệt và ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty mẹ TCT | 100% |
| 11 | 25/NQ-ĐLDK | 18/4/2022 | Thông qua chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 của TCT | 100% |
| 12 | 33/NQ-ĐLDK | 28/4/2022 | Kế hoạch xây dựng sửa đổi bổ sung văn bản quản lý nội bộ của Tổng công ty năm 2022 | 100% |
| 13 | 52/NQ-HĐQT | 28/7/2022 | NQ cuộc họp định kỳ Quý II năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 14 | 53/NQ-HĐQT | 29/7/2022 | Thông qua nội dung công bố thông tin của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần | 100% |
| 15 | 59/NQ-ĐLDK | 22/8/2022 | Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power | 100% |
| 16 | 60/NQ-ĐLDK | 23/8/2022 | Tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh | 100% |
| 17 | 65/NQ-ĐLDK | 30/9/2022 | Thông qua tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí | 100% |
| 18 | 665/QĐ-ĐLDK | 26/10/2022 | Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | 100% |
| 19 | 68/NQ-HĐQT | 27/10/2022 | NQ cuộc họp định kỳ Quý III năm 2022 của HĐQT PV Power | 100% |
| 20 | 69/NQ-ĐLDK | 28/10/2022 | Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power | 100% |
| 21 | 759/QĐ-ĐLDK | 05/12/2022 | Phê duyệt Quy chế quản lý công tác kế hoạch của PV Power | 100% |
| 22 | 79/NQ-HĐQT | 30/12/2022 | NQ cuộc họp định kỳ quý IV năm 2022 của HĐQT PV Power | 100% |
| 23 | 79/NQ-HĐQT | 30/12/2022 | Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 100% |

### 1.6. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Trong năm 2022, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Hội đồng Quản trị độc lập trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Tổng công ty.

### 1.7. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

| STT | THÀNH VIÊN HĐQT | CHỨC VỤ | SỐ CHỨNG CHỈ HOÀN THÀNH KHÓA HỌC | ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Hồ Công Kỳ | Chủ tịch HĐQT | Số 01QTCT 119QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019 | Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán |
| 2 | Lê Như Linh | Thành viên HĐQT kiêm TGĐ | Số 19QTCT 48/QĐ-TTNC, ngày cấp: 10/4/2017; Số 05QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019 | Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán |
| 3 | Vũ Thị Tố Nga | Thành viên HĐQT | Số 03QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019 | Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán |
| 4 | Nguyễn Hoàng Yến | Thành viên HĐQT | Số 04QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019 | Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán |

Năm 2022, thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo "Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị - DCP" do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phối hợp với Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD) tổ chức.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

| STT | THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT | CHỨC VỤ | TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH | TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Vũ Quốc Hải | Trưởng Ban Kiểm soát | 0% | 0% |
| 2 | Bà Lý Thị Thu Hương | Thành viên Ban Kiểm soát | 0,00024% | 0% |
| 3 | Bà Vũ Thị Ngọc Dung | Thành viên Ban Kiểm soát | 0,00022% | 0% |
| 4 | Bà Hà Thị Minh Nguyệt | Thành viên Ban Kiểm soát | 0% | 0% |
| 5 | Bà Đoàn Thị Thu Hà | Thành viên Ban Kiểm soát | 0% | 0% |

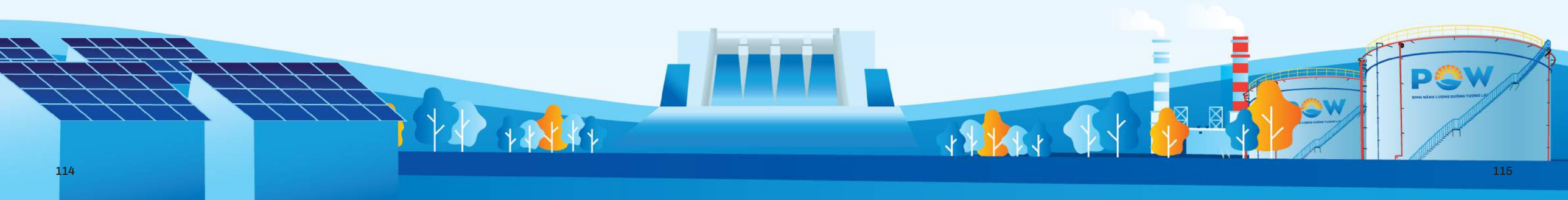

## 2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

### Cuộc họp của Ban Kiểm soát

| STT | THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT | SỐ BUỔI HỌP BAN KIỂM SOÁT THAM DỰ | TỶ LỆ THAM DỰ HỌP | TỶ LỆ BIỂU QUYẾT | LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông Vũ Quốc Hải | 10 | 10/10 | 100% | |
| 2 | Bà Lý Thị Thu Hương | 10 | 10/10 | 100% | |
| 3 | Bà Vũ Thị Ngọc Dung | 10 | 10/10 | 100% | |
| 4 | Bà Hà Thị Minh Nguyệt | 10 | 10/10 | 100% | |
| 5 | Bà Đoàn Thị Thu Hà | 10 | 10/10 | 100% | |

### Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

**SẮP XẾP VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP**

Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp vốn, công tác đấu thầu, công tác tái cấu trúc, cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.

**HỌP ĐỂ XỬ LÝ NHỮNG ĐỀ XUẤT HOẶC VƯỚNG MẮC**

Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

**HỌP GIAO BAN**

Tổng giám đốc Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.

**NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH PHÙ HỢP**

Công tác ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

**HOÀN THÀNH CHỈ TIÊU**

Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng Quản trị, ban Tổng giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất nhằm xử lý các tồn tại bất cập, đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**PHỐI HỢP KIỂM TRA GIÁM SÁT**

Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc biết và phối hợp với Ban Kiểm soát.

**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHUNG**

Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc để cùng phối hợp xử lý nhằm vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.

**LUÔN TÔN TRỌNG QUYỀN VÀ TRÁCH NGHIỆM MỖI BAN**

Ban Kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.

**TỔ CHỨC TIẾP NHẬN THÔNG TIN, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo đầy đủ các điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban Kiểm soát đã nêu ra.

### Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

**NÂNG CAO NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN**

Ngoài việc hoạt động theo quy định của pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty tổ chức. Tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn, của Tổng công ty tổ chức.

# 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

## 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kểm soát ước thực hiện năm 2022:

| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | NĂM NAY VND | NĂM TRƯỚC VND |
|---|---|---|
| Ông Hồ Công Kỳ | 1.119.037.939 | 1.289.129.572 |
| Ông Lê Như Linh | 1.114.042.692 | 1.290.164.198 |
| Bà Vũ Thị Tố Nga | 930.493.886 | 1.218.107.487 |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | 1.031.494.054 | 1.171.111.948 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | 966.298.494 | 811.853.017 |
| Ông Vũ Chí Cường | 1.091.758.399 | 488.665.090 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | 967.843.188 | 1.216.150.446 |
| | **5.139.082.772** | **4.978.867.114** |

| BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ KẾ TOÁN TRƯỞNG | NĂM NAY VND | NĂM TRƯỚC VND |
|---|---|---|
| Ông Lê Như Linh | 1.114.042.692 | 1.290.164.198 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | 967.843.188 | 1.216.150.446 |
| Ông Nguyễn Duy Giang | 1.007.302.359 | 1.188.344.317 |
| Ông Nguyễn Mạnh Tường | 927.064.410 | 1.215.943.441 |
| Ông Nguyễn Minh Đạo | 957.850.613 | 1.197.937.641 |
| Ông Nguyễn Kiên | 955.615.287 | 1.184.594.965 |
| Ông Phan Ngọc Hiền | 953.729.219 | 1.185.243.207 |
| Ông Ngô Văn Chiến | 901.634.301 | - |
| Ông Chu Quang Toản | 949.581.389 | 1.126.252.259 |
| | **8.734.663.458** | **9.604.630.474** |

| BAN KIỂM SOÁT | NĂM NAY VND | NĂM TRƯỚC VND |
|---|---|---|
| Ông Vũ Quốc Hải | 1.006.548.332 | 1.187.175.154 |
| Bà Vũ Thị Ngọc Dung | 915.625.076 | 1.087.960.480 |
| Bà Hà Thị Minh Nguyệt | 952.147.394 | 1.070.848.846 |
| Bà Lý Thị Thu Hương | 884.555.076 | 1.106.708.932 |
| Bà Đoàn Thị Thu Hà | 846.985.076 | 766.656.492 |
| | **4.605.860.954** | **5.219.349.904** |

## 3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có.

## 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có.

## 3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Về cơ bản, PV Power luôn tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tính đến 31/12/2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổng công ty thì số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải là 2 người. PV Power đã có văn bản giải trình Ủy ban chứng khoán nhà nước/Hose về nội dung này và trong kế hoạch sắp tới sẽ xin ý kiến cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị độc lập để đáp ứng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo quy định của pháp luật.

# VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 122

Báo cáo kiểm toán độc lập 124

Bảng cân đối kế toán hợp nhất 125

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 128

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 129

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 131

# Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## 1.1. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này gồm:

| HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ |
|---|---|
| **Hội đồng Quản trị** | |
| Ông Hồ Công Kỳ | Chủ tịch |
| Ông Lê Như Linh | Thành viên |
| Bà Vũ Thị Tố Nga | Thành viên |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | Thành viên |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Vũ Chí Cường | Thành viên độc lập |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022) |
| **Ban Tổng Giám đốc** | |
| Ông Lê Như Ninh | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Duy Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| OOg Nguyễn Mạnh Tường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Minh Đạo | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Kiên | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phan Ngọc Hiền | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Ngô Văn Chiến | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2022) |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2022) |





## 1.2. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc

**Lê Như Linh**
**Tổng giám đốc**

*Hà Nội, Ngày 06 tháng 3 năm 2023*

Số: 0550/VN1A-HN-BC

# Báo cáo kiểm toán độc lập

**Kính gửi:** **Các cổ đông**
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc**
**Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2023, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## *Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc*

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

**Phạm Nam Phong**
**Phó Tổng Giám đốc**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1

**Đỗ Trung Kiên**
**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam





# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | 100 | | 24.925.080.975.647 | 18.420.179.698.256 |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **4** | **8.251.731.998.519** | **8.223.693.034.528** |
| 1. Tiền | 111 | | 509.653.505.974 | 263.693.034.528 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 7.742.078.492.545 | 7.960.000.000.000 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **5** | **1.649.811.786.170** | **531.217.428.970** |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 1.649.811.786.170 | 531.217.428.970 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **12.537.524.330.624** | **5.799.389.305.021** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 9.767.631.705.491 | 5.343.081.983.110 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 2.074.496.619.929 | 182.098.259.326 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 794.087.282.634 | 355.455.711.956 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (98.691.277.430) | (81.246.649.371) |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | **10** | **2.085.774.441.788** | **1.837.762.461.182** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.085.774.441.788 | 1.837.762.461.182 |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **400.238.418.546** | **2.028.117.468.555** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 75.219.631.891 | 1.608.342.332.820 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 325.018.786.655 | 283.285.031.001 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 18 | - | 136.490.104.734 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | 200 | | 31.918.163.879.143 | 34.556.738.258.669 |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **402.027.000** | **298.163.000** |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 402.027.000 | 298.163.000 |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **29.155.161.436.660** | **31.868.871.223.944** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 29.123.272.689.045 | 31.834.870.010.707 |
| - Nguyên giá | 222 | | 69.759.416.566.918 | 69.669.576.957.275 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (40.636.143.877.873) | (37.834.706.946.568) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 31.888.747.615 | 34.001.213.237 |
| - Nguyên giá | 228 | | 94.746.108.727 | 92.706.318.727 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (62.857.361.112) | (58.705.105.490) |

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **III. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | **935.634.370.310** | **405.420.688.181** |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 14 | 935.634.370.310 | 405.420.688.181 |
| **IV. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | **877.631.146.763** | **827.903.601.323** |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 5 | 503.051.846.890 | 449.829.926.176 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 5 | 399.355.456.500 | 413.573.456.500 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | 5 | (24.776.156.627) | (35.499.781.353) |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **949.334.898.410** | **1.454.244.582.221** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 262.053.646.682 | 649.881.386.297 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 15 | - | 14.592.198.454 |
| 3. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | 16 | 687.281.251.728 | 789.770.997.470 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)** | 270 | | 56.843.244.854.790 | 52.976.917.956.925 |

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **C. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **23.561.794.352.453** | **21.851.540.246.332** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **18.325.681.327.490** | **16.811.277.946.288** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 17 | 7.346.398.731.673 | 7.239.989.131.772 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 3.785.333.991 | 5.605.664.403 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 18 | 250.217.043.700 | 227.349.134.645 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 221.869.370.563 | 231.720.643.808 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 19 | 1.931.211.006.270 | 1.017.229.628.854 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 36.818.183 | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 20 | 2.653.067.850.408 | 2.352.555.482.888 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 21 | 5.635.216.330.148 | 4.768.503.650.670 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 23 | 205.455.087.777 | 918.113.948.095 |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 78.423.754.777 | 50.210.661.153 |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **5.236.113.024.963** | **5.040.262.300.044** |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 20 | 477.101.718 | 405.403.444 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 21 | 3.381.845.397.268 | 3.689.315.873.178 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 15 | 2.607.681.114 | 1.660.129.075 |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 23 | 1.733.363.603.060 | 1.231.061.652.544 |
| 5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | 24 | 117.819.241.803 | 117.819.241.803 |





Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **33.281.450.502.337** | **31.125.377.710.593** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | **25** | **33.281.450.502.337** | **31.125.377.710.593** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 23.418.716.000.000 | 23.418.716.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 23.418.716.000.000 | 23.418.716.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (274.807.025) | (274.807.025) |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 225.720.372.645 | 225.720.372.645 |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | (191.305.728.000) | (191.305.728.000) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 3.643.183.139.192 | 2.174.558.130.932 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.420.458.998.695 | 3.010.430.220.648 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 1.359.600.700.363 | 1.211.876.178.592 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 2.060.858.298.332 | 1.798.554.042.056 |
| 7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | | 2.764.952.526.830 | 2.487.533.521.393 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)** | **440** | | **56.843.244.854.790** | **52.976.917.956.925** |

**Quách Thị Hồng Liên**
**Người lập**

**Chu Quang Toản**
**Kế toán trưởng**

**Lê Như Linh**
**Tổng giám đốc**

*Ngày 06 tháng 3 năm 2023*

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | **28** | **28.224.118.055.975** | **24.560.949.330.329** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)** | **10** | | **28.224.118.055.975** | **24.560.949.330.329** |
| 4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 11 | 29 | 24.498.013.951.665 | 22.020.951.407.015 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)** | **20** | | **3.726.104.104.310** | **2.539.997.923.314** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 31 | 445.221.020.562 | 689.859.994.612 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 32 | 591.786.538.077 | 652.802.199.566 |
| - trong đó: Chi phí lãi vay | | | 437.526.336.797 | 509.644.391.365 |
| 8. Phần lãi trong công ty liên kết | 23 | | 53.221.920.714 | 22.487.408.373 |
| 9. Chi phí bán hàng | 24 | | - | 9.426.420.660 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 33 | 867.603.382.318 | 130.934.373.388 |
| **11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))** | **30** | | **2.765.157.125.191** | **2.459.182.332.685** |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 67.138.158.695 | 19.838.218.070 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 23.061.110.546 | 139.720.271.858 |
| **14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32** | **40** | **34** | **44.077.048.149** | **(119.882.053.788)** |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)** | **50** | | **2.809.234.173.340** | **2.339.300.278.897** |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 35 | 240.765.852.700 | 164.456.564.043 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 35 | 15.539.750.493 | 122.690.563.437 |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)** | **60** | | **2.552.928.570.147** | **2.052.153.151.417** |
| Trong đó: | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 2.060.858.298.332 | 1.798.554.042.056 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 492.070.271.815 | 253.599.109.361 |
| **19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **70** | **36** | **871** | **690** |

**Quách Thị Hồng Liên**
**Người lập**

**Chu Quang Toản**
**Kế toán trưởng**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

**Lê Như Linh**
**Tổng giám đốc**

*Ngày 06 tháng 3 năm 2023*





# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|
| **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **1. Lợi nhuận trước thuế** | **01** | **2.809.234.173.340** | **2.339.300.278.897** |
| **2. Điều chỉnh cho các khoản:** | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 2.809.393.991.244 | 2.817.966.830.053 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (192.495.906.469) | (522.141.322.998) |
| Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 36.370.258.283 | (40.636.879.981) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (443.826.593.401) | (618.716.824.288) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 437.526.336.797 | 509.644.391.365 |
| **3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | 08 | **5.456.202.259.794** | **4.485.416.473.048** |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | (4.779.132.258.875) | 1.741.937.232.933 |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | (145.522.234.864) | (391.235.453.586) |
| Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | 1.399.054.910.828 | 2.056.908.109.776 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 1.920.950.440.544 | (1.692.655.832.110) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (441.185.336.920) | (531.842.668.922) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (85.856.641.570) | (340.177.154.167) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 913.862.926 | 25.380.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (169.036.498.659) | (181.642.665.895) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | **20** | **3.156.388.503.204** | **5.146.733.421.077** |
| **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | **21** | **(2.601.389.455.204)** | **(285.746.698.682)** |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | **22** | **1.872.213.682** | **1.945.727.273** |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | **23** | **(1.661.161.357.200)** | **(499.599.227.215)** |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | **24** | **542.567.000.000** | **568.977.000.000** |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | **25** | **(21.850.000.000)** | **(53.369.864.147)** |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác | **26** | **4.718.680.000** | **525.636.630.123** |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | **27** | **361.408.783.641** | **304.771.147.002** |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** | **(3.373.834.135.081)** | **562.614.714.354** |

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|
| **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 8.027.461.182.658 | 14.980.777.529.361 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (7.583.104.003.982) | (18.825.925.747.278) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (198.870.914.499) | (710.198.848.892) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | **245.486.264.177** | **(4.555.347.066.809)** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)** | **50** | **28.040.632.300** | **1.154.001.068.622** |
| | | | |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **8.223.693.034.528** | **7.069.700.305.112** |
| | | | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.668.309) | (8.339.206) |
| | | | |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)** | **70** | **8.251.731.998.519** | **8.223.693.034.528** |

**Quách Thị Hồng Liên**
**Người lập**

**Chu Quang Toàn**
**Kế toán trưởng**

**Lê Như Linh**
**Tổng giám đốc**

*Ngày 06 tháng 3 năm 2023*





# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

### Thành lập công ty

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty). Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.

### Chuyển hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 15) ngày 01 tháng 2 năm 2021.

### Chính thức giao dịch với mã chứng khoán là POW

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW.

### Công ty mẹ

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

### Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.071 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.135).

## Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

### Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cẩu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.

### Dự án đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hủa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakđrinh tỉnh Quảng Ngãi. Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đang trong quá trình xây dựng cơ bản.

Nhà máy điện Cà Mau 1 (Cà Mau)

Nhà máy điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh)

Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 (Đồng Nai)

Nhà máy điện Cà Mau 2 (Cà Mau)

Nhà máy Thủy điện Đakđrinh (Quảng Ngãi)

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Đồng Nai)

Nhà máy Thủy điện Hủa Na (Nghệ An)





## Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau

Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch

Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh

**Tổng Công ty**

Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Công ty cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí

Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí

Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

| TÊN CÔNG TY | NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG | TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU % | TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NẮM GIỮ % | HOẠT ĐỘNG CHÍNH |
|---|---|---|---|---|
| **Công ty con** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na | Nghệ An | 80,72% | 80,72% | Sản xuất điện |
| Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 | Đồng Nai | 59,37% | 59,37% | Sản xuất điện |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh | Quảng Ngãi | 95,27% | 95,27% | Sản xuất điện |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện |
| Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Sản xuất điện |
| **Công ty liên kết** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | Sơn La | 20,16% | 20,16% | Sản xuất điện |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | Yên Bái | 44,07% | 44,07% | Sản xuất điện |

### T huyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.





## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

## Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

## Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.





## Các khoản đầu tư tài chính

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

### Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

## Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, hoặc các khoản nợ phải thu được Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi.

## Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---|---|
| Nhà xưởng và vật kiến trúc | 5 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 5 – 20 |
| Phương tiện vận tải | 5 – 15 |
| Thiết bị văn phòng | 3 – 7 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 3 – 12 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

## Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm đến 8 năm.

## Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.





## Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản và vận hành nhà máy; chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2; phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất; chi phí sửa chữa tài sản, chi phí khoản vay trả trước và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí bảo hiểm tài sản và vận hành nhà máy và chi phí khoản vay trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng vay.

Khoản chi phí trung tu và đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với số giờ vận hành EOH và thời gian của hợp đồng dài hạn đã ký kết.

Khoản chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước của nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 là phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

## Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa lớn các nhà máy điện của Tổng Công ty được ghi nhận trong năm dựa theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền của Tổng Công ty phê duyệt hoặc hợp đồng sửa chữa lớn dài hạn đã ký với nhà thầu, phù hợp với thực tế hoạt động và chu kỳ sửa chữa lớn của từng nhà máy điện.

## Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

## Ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy Thủy điện Đakđrink và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy thủy điện Đakđrink được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.





## Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## Trái phiếu phát hành

Tổng Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn. Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể: chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu; phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

## Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với dự án Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1, theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy Chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2022 là năm thứ hai Nhà máy điện Vũng Áng 1 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp trên mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2022 là năm thứ tám NT2 áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

## Thuế

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên HHC có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakđrinh, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000029 ngày 25 tháng 6 năm 2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Các công ty con và các nhà máy khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.





# 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 2.289.590.443 | 1.712.595.167 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i) | 507.363.915.531 | 261.980.439.361 |
| Các khoản tương đương tiền (ii) | 7.742.078.492.545 | 7.960.000.000.000 |
| | **8.251.731.998.519** | **8.223.693.034.528** |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm: 32.817.571.517 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 32.592.581.390 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,3%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,1%/năm đến 4%/năm).

# 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*) | 1.649.811.786.170 | 1.649.811.786.170 | 531.217.428.970 | 531.217.428.970 |
| | **1.649.811.786.170** | **1.649.811.786.170** | **531.217.428.970** | **531.217.428.970** |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 3,5%/năm đến 8,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,5%/năm đến 6,6%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 239.904.066.512 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 386.162.227.215VND) đang được dùng để bảo lãnh cho các khoản trái phiếu và vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (Công ty con của Tổng Công ty).

## b. Đầu tư tài chính dài hạn

### b1. Đầu tư vào công ty liên kết

**Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:**

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | Sơn La | 20,16% | 20,16% | Sản xuất điện |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | Yên Bái | 44.07% | 44.07% | Sản xuất điện |

**Giá trị đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:**

| Tên công ty liên kết | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 446.717.604.886 | 401.619.327.938 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 56.334.242.004 | 48.210.598.238 |
| | **503.051.846.890** | **449.829.926.176** |

**Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:**

| | Giá gốc | Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến | 302.295.301.000 | 144.422.303.886 | 446.717.604.886 |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 32.887.500.000 | 23.446.742.004 | 56.334.242.004 |
| | **335.182.801.000** | **167.869.045.890** | 503.051.846.890 |

### b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | |
|---|---|---|---|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (iii) | 317.549.656.500 | | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (iii) | 29.341.800.000 | | 6.313.919.564 |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii) | 28.222.000.000 | 56.444.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (iii) | 18.202.000.000 | | 18.202.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (iii) | 5.040.000.000 | | - |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (iii) | 1.000.000.000 | | 260.237.063 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (i) (iii) | - | | - |
| | **399.355.456.500** | | **24.776.156.627** |

| | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (iii) | 320.049.656.500 | | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (iii) | 29.341.800.000 | | 5.897.544.290 |
| Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii) | 28.800.000.000 | 50.659.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (iii) | 18.202.000.000 | | 18.202.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (iii) | 5.040.000.000 | | - |
| Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (iii) | 1.000.000.000 | | 260.237.063 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (i) (iii) | 11.140.000.000 | | 11.140.000.000 |
| | **413.573.456.500** | | **35.499.781.353** |

(i) Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Tòa án Nhân Dân huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố phá sản doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và thực hiện ghi giảm toàn bộ giá trị khoản đầu tư nói trên bằng nguồn dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đã được trích lập từ các năm trước dựa trên Thông báo về việc giải thể/chấm dứt tồn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai ban hành ngày 14 tháng 7 năm 2022.





(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(iii) Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | **9.708.646.603.430** | **5.282.664.009.580** |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 9.689.592.055.168 | 5.263.860.555.879 |
| Các khách hàng khác | 19.054.548.262 | 18.803.453.701 |
| | | |
| **b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan** | **58.985.102.061** | **60.417.973.530** |
| (Chi tiết tại Thuyết minh số 39) | 58.985.102.061 | 60.417.973.530 |
| | **9.767.631.705.491** | **5.343.081.983.110** |

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Trả trước cho người bán ngắn hạn** | **2.073.536.619.929** | **181.618.259.326** |
| Tập đoàn Samsung C&T (i) | 1.170.950.866.389 | - |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (i) | 740.002.642.850 | - |
| Công ty Siemens AG | 33.098.751.848 | - |
| Fichtner GmbH & CoKG | 24.897.071.975 | 26.967.260.750 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sài Gòn | 14.289.005.244 | 30.885.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 7.045.317.471 | 7.045.317.471 |
| Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung | - | 19.594.450.286 |
| Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng | - | 9.825.643.169 |
| Các đối tượng khác | 83.252.964.152 | 87.300.587.650 |
| | | |
| **b. Trả trước cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 39)** | **960.000.000** | **480.000.000** |
| | **2.074.496.619.929** | **182.098.259.326** |

(i) Phản ánh khoản tạm ứng của Tổng Công ty cho Tập đoàn Samsung C&T và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP theo Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 ký ngày 14 tháng 3 năm 2022 (Thuyết minh số 38).

# 8. PHẢI THU KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Phải thu liên quan đến các chi phí sửa chữa Tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i) | 396.548.218.292 | - |
| Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii) | 218.489.976.676 | 218.489.976.676 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu | 68.578.748.183 | 42.367.096.096 |
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 30.569.854.340 | - |
| Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (iii) | 20.217.829.253 | 20.217.829.253 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 59.682.655.890 | 74.380.809.931 |
| | 794.087.282.634 | 355.455.711.956 |
| Trong đó: | | |
| **Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan** (Chi tiết tại Thuyết minh số 39) | **244.500.702.972** | **244.092.693.815** |
| **b. Dài hạn** | | |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn | 402.027.000 | 298.163.000 |
| | **402.027.000** | **298.163.000** |

(i) Tháng 9 năm 2021, Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 của Tổng Công ty gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để phục vụ sửa chữa. Số dư phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến sửa chữa Tổ máy số 1 thuộc nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam và các bên liên quan để xác định số tiền bồi thường liên quan đến các chi phí sửa chữa này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là "Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần") tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(iii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20.217.829.253 VND chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.





# 9. NỢ XẤU

| | Số cuối năm | | |
|---|---|---|---|
| Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi được VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC-EVN") | 114.098.198.496 | 62.688.630.684 | 51.409.567.812 |
| Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch | 20.217.829.253 | 19.494.009.530 | 723.819.723 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí | 7.860.374.881 | 7.860.374.881 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 7.045.317.471 | 7.045.317.471 | - |
| Các đối tượng khác | 1.602.944.864 | 1.602.944.864 | - |
| | **150.824.664.965** | **98.691.277.430** | **52.133.387.535** |

| | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|
| Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị có thể thu hồi được VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC-EVN") | 115.850.778.145 | 64.738.012.155 | 51.112.765.990 |
| Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí | 7.860.374.881 | 7.860.374.881 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung | 7.045.317.471 | 7.045.317.471 | - |
| Các đối tượng khác | 2.714.279.949 | 1.602.944.864 | 1.111.335.085 |
| | **133.470.750.446** | **81.246.649.371** | **52.224.101.075** |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

# 10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.020.559.068.016 | - | 1.824.164.361.041 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 63.780.019.532 | - | 11.914.698.877 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.435.354.240 | - | 1.683.401.264 | - |
| | **2.085.774.441.788** | **-** | **1.837.762.461.182** | **-** |

# 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 | 36.013.427.212 | 45.683.417.595 |
| Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và 2 | 13.710.673.802 | 13.757.046.824 |
| Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 | 12.800.081.719 | 12.796.725.394 |
| Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu (v) | - | 1.525.208.230.131 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 12.695.449.158 | 10.896.912.876 |
| | **75.219.631.891** | **1.608.342.332.820** |
| **b. Dài hạn** | | |
| Chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ (i) | 47.136.041.221 | 125.878.822.858 |
| Chi phí sửa chữa tài sản khác | 63.198.753.313 | 53.400.542.599 |
| Chi phí khoản vay trả trước (ii) | 52.026.425.643 | - |
| Tiền thuê đất (iii) | 36.598.794.651 | 38.978.108.689 |
| Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 (iv) | 26.667.583.901 | 57.980.561.151 |
| Chi phí thuê văn phòng | 22.236.153.693 | 22.863.998.037 |
| Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 | 4.058.588.556 | 18.463.004.046 |
| Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu (v) | - | 328.147.528.756 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 10.131.305.704 | 4.168.820.161 |
| | **262.053.646.682** | **649.881.386.297** |

(i) Chi phí trung tu mở rộng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 75.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 75.000 giờ vận hành EOH và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) phải thực hiện việc trung tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí trung tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 03 năm, tương ứng cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

(ii) Chi phí các khoản vay trả trước phản ánh chi phí trả trước cho khoản vay với Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink - Công ty con của Tổng Công ty.

(iii) Chi phí thuê đất đã được Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m2 cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 9 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,8 m2 cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê đất.





(iv) Chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và thuế nhập khẩu thiết bị hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 giờ vận hành ("EOH") cho mỗi tổ máy. Chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và thuế nhập khẩu thiết bị hợp đồng bảo trì thiết bị được thanh toán trước khi Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

(v) Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 phản ánh phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần. Theo các Phụ lục hợp đồng bổ sung của Hợp đồng mua bán khí và các Công văn có liên quan trong năm 2022, các bên thống nhất không áp dụng điều khoản về khí bao tiêu trong Hợp đồng mua bán khí từ năm 2022 và giảm trừ phần khí bao tiêu của giai đoạn từ năm 2021 trở về trước. Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng điều chỉnh phần chi phí nhiên liệu khí bao tiêu được giảm trừ đã xuất hóa đơn trước đó trong năm 2022. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi giảm phần chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước được giảm trừ và công nợ phải trả tương ứng với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần trong năm 2022.

# 12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.812.814.353.110 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 15.755.940.864.297 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các tài sản cố định hữu hình của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với giá trị còn lại là 18.181.366.920.439 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 19.671.076.198.452 VND) đã được thế chấp cho Bộ Tài chính để nhận được bảo lãnh của Chính phủ liên quan đến việc đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại là là 6.680.202.377.311 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.541.210.591.888 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **18.219.115.482.378** | **48.787.287.890.966** | **311.083.979.281** | **215.906.054.360** | **2.136.183.550.290** | **69.669.576.957.275** |
| Tăng trong năm | 8.301.386.695 | 9.051.948.472 | 12.432.015.469 | 18.732.120.938 | 581.144.544 | 49.098.616.118 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 16.108.652.027 | 15.557.272.727 | 4.054.205.704 | 345.938.299 | - | 36.066.068.757 |
| Cải tạo, nâng cấp | - | 15.898.855.591 | - | - | - | 15.898.855.591 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (731.676.088) | (6.844.917.275) | (889.075.234) | - | (8.465.668.597) |
| Tăng/(Giảm) khác | (30.905.124.044) | 28.146.861.818 | - | - | - | (2.758.262.226) |
| **Số dư cuối năm** | **18.212.620.397.056** | **48.855.211.153.486** | **320.725.283.179** | **234.095.038.363** | **2.136.764.694.834** | **69.759.416.566.918** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **6.968.903.369.011** | **29.927.241.601.719** | **255.004.024.800** | **149.549.641.931** | **534.008.309.107** | **37.834.706.946.568** |
| Trích khấu hao vào chi phí trong năm | 796.374.993.182 | 1.885.462.781.085 | 14.840.192.747 | 19.221.123.489 | 89.581.513.505 | 2.805.480.604.008 |
| Trích khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang trong năm | - | - | 264.335.600 | 416.362.147 | - | 680.697.747 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (731.676.088) | (6.844.917.275) | (889.075.234) | - | (8.465.668.597) |
| Tăng khác | 322.005.043 | 3.414.767.296 | - | 4.525.808 | - | 3.741.298.147 |
| **Số dư cuối năm** | **7.765.600.367.236** | **31.815.387.474.012** | **263.263.635.872** | **168.302.578.141** | **623.589.822.612** | **40.636.143.877.873** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **11.250.212.113.367** | **18.860.046.289.247** | **56.079.954.481** | **66.356.412.429** | **1.602.175.241.183** | **31.834.870.010.707** |
| **Tại ngày cuối năm** | **10.447.020.029.820** | **17.039.823.679.474** | **57.461.647.307** | **65.792.460.222** | **1.513.174.872.222** | **29.123.272.689.045** |





# 13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Khác | Tổng |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **31.410.888.593** | **59.995.933.770** | **1.299.496.364** | **92.706.318.727** |
| Tăng trong năm | - | 71.790.000 | - | 71.790.000 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | 1.968.000.000 | - | 1.968.000.000 |
| **Số dư cuối năm** | **31.410.888.593** | **62.035.723.770** | **1.299.496.364** | **94.746.108.727** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | |
| **Số dư đầu năm** | **1.662.143.535** | **56.797.387.135** | **245.574.820** | **58.705.105.490** |
| Khấu hao trong năm | 276.017.710 | 3.585.119.526 | 52.250.000 | 3.913.387.236 |
| Trích khấu hao vào Xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 238.868.386 | 238.868.386 |
| **Số dư cuối năm** | **1.938.161.245** | **60.382.506.661** | **536.693.206** | **62.857.361.112** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | |
| **Tại ngày đầu năm** | **29.748.745.058** | **3.198.546.635** | **1.053.921.544** | **34.001.213.237** |
| Tại ngày cuối năm | **29.472.727.348** | **1.653.217.109** | **762.803.158** | **31.888.747.615** |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 57.562.088.237 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 44.710.532.475 VND).

# 14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **405.420.688.181** | **250.987.647.245** |
| Phát sinh trong năm | 889.337.153.839 | 455.890.632.640 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định | (7.128.944.713) | (38.899.762.774) |
| Ghi nhận vào chi phí trả trước hoặc chi phí | (320.770.489.430) | (262.108.112.567) |
| Giảm do thoái vốn công ty con | - | (449.716.363) |
| Giảm khác | (31.224.037.567) | - |
| **Số cuối năm** | **935.634.370.310** | **405.420.688.181** |

**Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Dự án Nhà máy Điện khí Nhơn Trạch 3, 4 (i) | 729.548.399.153 | 116.128.777.162 |
| Dự án Thủy điện Luang Prabang (ii) | 131.564.171.361 | 131.564.171.361 |
| Dự án Tiểu khu 2 Nhơn Trạch | 25.703.457.197 | 25.703.457.197 |
| Nhà máy Thủy điện Hủa Na | 23.830.644.867 | 21.813.103.273 |
| Các dự án khác | 24.987.697.732 | 110.211.179.188 |
| | **935.634.370.310** | **405.420.688.181** |

(i) Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 như trình bày tại Thuyết minh số 38. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đang ở giai đoạn xử lý nền để chuẩn bị xây dựng.

(ii) Phản ánh chi phí đầu tư vào Dự án Nhà máy Thủy điện Luang Prabang. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty có kế hoạch thu hồi vốn đầu tư tại Dự án và đang làm việc với Công ty TNHH PT Sole (đối tác tại Lào) về vấn đề này.

# 15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | 14.592.198.454 |
| **Tài sản thuế thu nhập hoãn lại** | **-** | **14.592.198.454** |

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả** | | |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế | 2.607.681.114 | 1.660.129.075 |
| **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả** | **2.607.681.114** | **1.660.129.075** |

# 16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

# 17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| **a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn** | **1.445.002.312.899** | **1.445.002.312.899** | **996.408.560.141** | **996.408.560.141** |
| Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP | 303.435.720.000 | 303.435.720.000 | 3.980.051.210 | 3.980.051.210 |
| Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 207.651.863.834 | 207.651.863.834 | 50.608.197.817 | 50.608.197.817 |
| Công ty General Electric Global Parts and Product GMBH | 173.331.020.846 | 173.331.020.846 | 172.390.738.621 | 172.390.738.621 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka | 85.301.097.331 | 85.301.097.331 | - | - |
| Tập đoàn Điện lực Việt Nam | 60.727.069.373 | 60.727.069.373 | 83.828.022.089 | 83.828.022.089 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam PVI | 15.437.206.988 | 15.437.206.988 | 65.018.207.643 | 65.018.207.643 |
| Các nhà cung cấp khác | 599.118.334.527 | 599.118.334.527 | 620.583.342.761 | 620.583.342.761 |
| **b. Phải trả người bán là các bên liên quan (i) (chi tiết tại Thuyết minh số 39)** | **5.901.396.418.774** | **5.901.396.418.774** | **6.243.580.571.631** | **6.243.580.571.631** |
| | **7.346.398.731.673** | **7.346.398.731.673** | **7.239.989.131.772** | **7.239.989.131.772** |

(i) Phải trả người bán là các bên liên quan bao gồm số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.373.551.218.808 VND (tại 31 tháng 12 năm 2021 là 3.246.105.466.237 VND). Theo Nghị quyết số 2833/NQ-DKVN ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn"), Tập đoàn sẽ thay đổi nguyên tắc phân bổ nguồn khí theo tỷ trọng tiêu thụ thực tế của các hộ tiêu thụ tại tỉnh Cà Mau và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và Tập đoàn đang trong quá trình điều chỉnh, thống nhất lại Phụ lục hợp đồng mua bán khí sửa đổi, bao gồm các sửa đổi liên quan đến nội dung nói trên. Theo đó, chi phí tiền khí sẽ được điều chỉnh (nếu có) khi có quyết toán chính thức giữa Tổng Công ty và Tập đoàn.





# 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số đầu năm | Số phải nộp /bù trừ trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND |
| **a. Các khoản phải thu** | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 30.033.095.271 | 30.033.095.271 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 104.986.260.843 | 104.986.260.843 | - | - |
| Các khoản thuế khác | 1.470.748.620 | 1.470.748.620 | - | - |
| | 136.490.104.734 | 136.490.104.734 | - | - |
| **b. Các khoản phải trả** | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 167.363.564.823 | 442.800.830.164 | 472.784.341.907 | 137.380.053.080 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 33.064.499.290 | 135.779.591.857 | 85.856.641.570 | 82.987.449.577 |
| Thuế tài nguyên | 11.706.874.294 | 215.654.396.837 | 211.821.534.789 | 15.539.736.342 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 6.739.649.383 | 63.015.920.118 | 63.042.009.395 | 6.713.560.106 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 6.291.740.381 | 6.291.740.381 | - |
| Thuế, phí bảo vệ môi trường | - | 27.563.500.224 | 27.563.500.224 | - |
| Các khoản thuế, phí khác | 8.474.546.855 | 117.086.697.509 | 117.964.999.769 | 7.596.244.595 |
| | **227.349.134.645** | **1.008.192.677.090** | **985.324.768.035** | **250.217.043.700** |

# 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Chi phí tiền khí (i) | 1.694.401.336.516 | 817.886.725.680 |
| Chi phí bảo trì (ii) | 77.606.759.832 | 75.472.888.439 |
| Chi phí lãi vay | 70.948.547.128 | 74.619.632.789 |
| Chi phí điện, nước, sửa chữa | 61.393.308.509 | 1.919.587.065 |
| Chi phí bảo hiểm vận hành nhà máy | 6.867.549.398 | 9.181.344.517 |
| Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp và phí dịch vụ môi trường rừng | 4.095.037.212 | 1.083.185.053 |
| Thuế, phí cho các khoản vay | 786.483.808 | 1.219.664.167 |
| Chi phí phải trả khác | 15.111.983.867 | 35.846.601.144 |
| | **1.931.211.006.270** | **1.017.229.628.854** |

(i) Chi phí tiền khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn.

(ii) Chi phí bảo trì nhà máy được trích theo Hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam về công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy; Thoả thuận chuyển giao "Novation Agrement" ký ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty), Siemens AG, Siemens Limited và Siemens Energy Ltd về công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

# 20. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| **a. Ngắn hạn** | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i) | 2.242.590.619.141 | 2.242.590.619.141 |
| Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (ii) | 279.976.956.066 | - |
| Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế và lệ phí bảo vệ môi trường rừng | 17.740.098.787 | 15.755.799.330 |
| Phải trả cổ tức cho cổ đông | 9.405.757.186 | 8.694.255.835 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 7.354.964.525 | 7.354.964.525 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 95.999.454.703 | 78.159.844.057 |
| | **2.653.067.850.408** | **2.352.555.482.888** |
| **Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 39)** | **2.242.590.619.141** | **2.242.590.619.141** |
| **b. Dài hạn** | | |
| Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn | 477.101.718 | 405.403.444 |
| | **477.101.718** | **405.403.444** |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm:
- Lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018 phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 1.214.416.466.738 VND.
- Lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ khoản chênh lệch tỷ giá của hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2016 và 2017 trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị 1.028.174.152.403 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.028.174.152.403 VND), theo hướng dẫn của Công văn số 13683/BTC-TCDN ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

(ii) Theo Thư chấp nhận tạm ứng bồi thường và chuyển quyền khiếu nại số 1492/ĐLDK-TM-PC ngày 12 tháng 9 năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam ("PVI") đồng ý tạm ứng cho Tổng Công ty số tiền là 15 triệu USD (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho các tổn thất về gián đoạn kinh doanh và tổn thất vật chất cho sự cố Tổ máy số 1 thuộc nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, PVI đã thanh toán cho Tổng Công ty số tiền là khoảng 11,7 triệu USD, tương ứng với 279.976.956.066 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVI đang làm việc với Tổng Công ty, các Công ty tái bảo hiểm, Công ty giám định độc lập và các bên liên quan để xác định phạm vi và số tiền bảo hiểm (nếu có) và số tiền bảo hiểm cuối cùng sẽ tùy thuộc vào kết quả thống nhất giữa các bên. Theo đó, Tổng Công ty ghi nhận khoản tiền PVI đã thanh toán là một khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính hợp nhất này.





# 21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

## a. Ngắn hạn

| | Số đầu năm | | Trong năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND |
| Vay ngắn hạn | 2.896.024.128.071 | 2.896.024.128.071 | 12.210.492.230.987 | 10.455.603.907.718 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 1.673.590.633.713 | 1.673.590.633.713 | 2.162.000.209.085 | 3.000.786.963.990 |
| Trái phiếu phát hành đến hạn trả | 198.888.888.886 | 198.888.888.886 | 430.611.111.114 | 480.000.000.000 |
| | **4.768.503.650.670** | **4.768.503.650.670** | **14.803.103.551.186** | **13.936.390.871.708** |

| | Số cuối năm | |
|---|---|---|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay ngắn hạn | 4.650.912.451.340 | 4.650.912.451.340 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 834.803.878.808 | 834.803.878.808 |
| Trái phiếu phát hành đến hạn trả | 149.500.000.000 | 149.500.000.000 |
| | **5.635.216.330.148** | **5.635.216.330.148** |

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 2.276.701.591.838 | - |
| Ngân hàng Citibank | 900.000.000.000 | 648.500.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh | 643.399.548.036 | 44.898.000.000 |
| Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam | 400.000.000.000 | 164.255.602.023 |
| Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited | 186.031.767.989 | 231.028.389.551 |
| Ngân hàng TNHH bank of China (Hong Kong) | 180.806.644.170 | 568.000.000.000 |
| Ngân hàng Malayan Banking Berhad | 63.972.899.307 | 99.822.644.550 |
| Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH | - | 662.053.803.635 |
| Ngân hàng Công thương Việt Nam | - | 249.954.757.040 |
| Ngân hàng DBS Bank | - | 128.728.497.639 |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | - | 39.999.797.235 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | - | 36.282.636.398 |
| Ngân hàng Mizuho | - | 22.500.000.000 |
| | **4.650.912.451.340** | **2.896.024.128.071** |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.

## b. Dài hạn

| | Số đầu năm | | Trong năm | | Số cuối năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Giảm VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Vay dài hạn (i) | 4.937.862.062.473 | 4.937.862.062.473 | 2.277.374.177.593 | 2.998.586.963.990 | 4.216.649.276.076 | 4.216.649.276.076 |
| Trái phiếu phát hành (trình bày tại Thuyết minh số 22) | 623.933.333.304 | 623.933.333.304 | 5.566.666.696 | 480.000.000.000 | 149.500.000.000 | 149.500.000.000 |
| | **5.561.795.395.777** | **5.561.795.395.777** | **2.282.940.844.289** | **3.478.586.963.990** | **4.366.149.276.076** | **4.366.149.276.076** |
| **Trong đó:** | | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 1.673.590.633.713 | 1.673.590.633.713 | | | 834.803.878.808 | 834.803.878.808 |
| Vay dài hạn | 3.264.271.428.760 | 3.264.271.428.760 | | | 3.381.845.397.268 | 3.381.845.397.268 |
| Trái phiếu phát hành đến hạn trả | 198.888.888.886 | 198.888.888.886 | | | 149.500.000.000 | 149.500.000.000 |
| Trái phiếu phát hành | 425.044.444.418 | 425.044.444.418 | | | - | - |

**Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (i) | 1.837.709.192.596 | - |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | 1.019.149.226.086 | 1.189.007.426.086 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội | 448.223.605.127 | 490.922.175.697 |
| Ngân hàng HSBC | 424.722.402.077 | 703.910.045.385 |
| Ngân hàng TMCP An Bình (i) | 184.984.560.000 | 529.608.644.075 |
| Tổ hợp Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Ngân hàng Sumitomo Mitsui | 92.048.412.625 | 267.062.628.600 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam | 64.394.257.939 | 45.569.418.642 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội | 60.938.214.936 | 145.991.893.496 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 53.943.118.976 | 89.895.118.976 |
| Ngân hàng TMCP Đại Dương | 30.536.285.714 | 15.386.285.714 |
| Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment (i) | - | 1.119.422.196.991 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam | - | 341.086.228.811 |
| | **4.216.649.276.076** | **4.937.862.062.473** |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) | 834.803.878.808 | 1.673.590.633.713 |
| **Số phải trả sau 12 tháng** | **3.381.845.397.268** | **3.264.271.428.760** |

(i) Ngày 14 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrink (DHC - Công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng tín dụng về khoản vay tái cơ cấu tài chính với Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á với giá trị là 95.000.000 USD. Khoản vay có thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay dùng để thanh toán trước hạn các khoản vay dài hạn và phục vụ nhu cầu vốn chung trong hoạt động sản xuất kinh doanh của DHC. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ khoản vay với Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á đã được giải ngân để thanh toán trước hạn khoản vay với Ngân Hàng Credit Agricole Corporate and Investments, Ngân hàng TMCP An Bình và một số khoản trái phiếu như trình bày ở Thuyết minh số 22.

**Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đô la Mỹ, Euro và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện của Tổng Công ty.**

**Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Vay bằng Đô la Mỹ | 2.354.480.007.298 | 2.090.394.870.976 |
| Vay bằng Việt Nam Đồng | 1.862.169.268.778 | 2.847.467.191.497 |
| | **4.216.649.276.076** | **4.937.862.062.473** |

**Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Bảo lãnh của bên thứ ba | 2.418.874.265.237 | 2.090.394.870.976 |
| Tín chấp | 1.467.372.831.213 | 1.679.929.601.783 |
| Bảo đảm bằng tài sản | 330.402.179.626 | 1.167.537.589.714 |
| | **4.216.649.276.076** | **4.937.862.062.473** |

**Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Vay theo lãi suất thả nổi | 4.124.600.863.451 | 4.329.713.205.062 |
| Vay theo lãi suất cố định | 92.048.412.625 | 608.148.857.411 |
| | **4.216.649.276.076** | **4.937.862.062.473** |

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|---|---|
| Trong vòng một năm | 834.803.878.808 | 1.673.590.633.713 |
| Trong năm thứ hai | 576.062.585.852 | 1.218.313.192.423 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 1.007.457.849.032 | 1.557.824.979.848 |
| Sau năm năm | 1.798.324.962.384 | 488.133.256.489 |
| | **4.216.649.276.076** | **4.937.862.062.473** |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn) (i) | 834.803.878.808 | 1.673.590.633.713 |
| **Số phải trả sau 12 tháng** | **3.381.845.397.268** | **3.264.271.428.760** |

(i) Đối với khoản vay Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á ("AIIB"), Tổng Công ty được phép thanh toán trước hạn cho AIIB với số tiền tối thiểu 1 triệu USD/lần với điều kiện phải thông báo trước thời điểm thanh toán ít nhất 10 ngày làm việc. Số tiền trả trước sẽ được chia đều vào số tiền phải trả ở các kỳ trả nợ còn lại theo lịch trả nợ gốc.

# 22. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị VND | Lãi xuất %/năm | Kỳ hạn | Giá trị VND | Lãi xuất %/năm | Kỳ hạn |
| Trái phiếu phát hành | | | | | | |
| Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt (i) | 149.500.000.000 | 9,90 | 2 năm | 148.000.000.000 | 9,90 | 2 năm |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương | - | - | | 198.888.888.886 | 9,06-9,96 | 3 năm |
| Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii) | - | - | | 79.288.888.880 | 10,00 | 3 năm |
| Ông Lê Xuân Học (ii) | - | - | | 84.244.444.440 | 10,00 | 3 năm |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii) | - | - | | 14.866.666.660 | 10,00 | 3 năm |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (ii) | - | - | | 59.266.666.662 | 10,00 | 3 năm |
| Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt - chi nhánh Hà Nội (ii) | - | - | | 39.377.777.776 | 10,00 | 3 năm |
| | **149.500.000.000** | | | **623.933.333.304** | | |

(i) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng mệnh giá 150.000.000.000 VND, phát hành ngày 28 tháng 4 năm 2021 và đáo hạn vào ngày 28 tháng 4 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu và được phân bổ dần trong 02 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND. Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 28 tháng 4 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên là 9,9%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo là tổng của 2,9% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm. Mục đích phát hành là để cơ cấu lại nguồn vốn vay của công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

(ii) Các khoản trái phiếu được thanh toán trước hạn từ nguồn vay với Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á (Chi tiết tại Thuyết minh số 21).

# 23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa lớn được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, cụ thể như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **2.149.175.600.639** | **1.966.034.084.263** |
| **Trích lập dự phòng bổ sung trong năm** | **557.124.739.662** | **1.029.366.143.397** |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng, hoàn nhập dự phòng | (767.481.649.464) | (846.224.627.021) |
| **Số cuối năm** | **1.938.818.690.837** | **2.149.175.600.639** |

**Chi tiết:**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---|---|
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 205.455.087.777 | 918.113.948.095 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 1.733.363.603.060 | 1.231.061.652.544 |
| | **1.938.818.690.837** | **2.149.175.600.639** |

# 24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ phản ánh số dư của Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

# 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

## Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Chênh lệch đánh giá lại | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **Tại ngày 01 tháng 01 năm 2021** | **23.418.716.000.000** | **(274.807.025)** | **225.662.145.738** | **(191.305.728.000)** | **782.216.585.311** | **4.302.230.689.261** | **2.729.348.494.189** | **31.266.593.379.474** |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 1.798.554.042.056 | 253.599.109.361 | 2.052.153.151.417 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | 1.393.913.110.901 | (1.393.913.110.901) | - | - |
| Kết chuyển lợi nhuận trước cổ phần hóa phải nộp về Tập đoàn | - | - | - | - | - | (1.028.174.152.403) | - | (1.028.174.152.403) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý | - | - | - | - | - | (190.837.131.483) | (11.969.365.569) | (202.806.497.052) |
| Thay đổi do thoái vốn/ giảm tỷ lệ sở hữu Công ty con | - | - | 58.226.907 | - | (1.537.095.978) | (9.061.168.520) | (241.425.096.505) | (251.965.134.096) |
| Chia tổ tức | - | - | - | - | - | (468.374.320.000) | (241.984.898.000) | (710.359.218.000) |
| (Giảm) khác | - | - | - | - | (34.469.302) | 5.372.638 | (34.722.083) | (63.818.747) |
| | | | | | | | | |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021** | **23.418.716.000.000** | **(274.807.025)** | **225.720.372.645** | **(191.305.728.000)** | **2.174.558.130.932** | **3.010.430.220.648** | **2.487.533.521.393** | **31.125.377.710.593** |
| | - | | | | | | | |
| Lợi nhuận trong năm (i) | - | - | - | - | - | 2.060.858.298.332 | 492.070.271.815 | 2.552.928.570.147 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (ii) | - | - | - | - | 1.468.716.088.814 | (1.468.716.088.814) | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý (ii) | - | - | - | - | - | (182.154.978.177) | (15.004.238.223) | (197.159.216.400) |
| Chia tổ chức | - | - | - | - | - | - | (199.582.415.850) | (199.582.415.850) |
| (Giảm) khác | - | - | - | - | (91.080.554) | 41.546.706 | (64.612.305) | (114.146.153) |
| | | | | | | | | |
| **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022** | **23.418.716.000.000** | **(274.807.025)** | **225.720.372.645** | **(191.305.728.000)** | **3.643.183.139.192** | **3.420.458.998.695** | **2.764.952.526.830** | **33.281.450.502.337** |

(i) Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 262.458.010.972 VND là khoản lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ doanh thu bán điện trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) do đó, khoản lợi nhuận sau thuế tương ứng sẽ do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định phê duyệt phân phối (không phân phối cho cổ đông ngoài Công ty mẹ) theo hướng dẫn của Công văn số 13683/BTC-TCDN ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính (Chi tiết tại Thuyết minh số 28).

(ii) Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ viên chức quản lý theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con.

### Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 2 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi | | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Cổ đông** | **VND** | **%** | **VND** | **%** | **VND** | **%** |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 18.721.414.770.000 | 79,94% | 18.721.414.770.000 | 79,94% | 18.721.414.770.000 | 79,94% |
| Các cổ đông khác | 4.697.301.230.000 | 20,06% | 4.697.301.230.000 | 20,06% | 4.697.301.230.000 | 20,06% |
| | **23.418.716.000.000** | **100%** | **23.418.716.000.000** | **100%** | **23.418.716.000.000** | **100%** |

### Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | | |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 2.341.871.600 | 2.341.871.600 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.341.871.600 | 2.341.871.600 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.341.871.600 | 2.341.871.600 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.341.871.600 | 2.341.871.600 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

### Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, Đại hội cổ đông đã thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2021. Lợi nhuận năm 2021 được phân phối cho Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi.

## 26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Ngoại tệ các loại | | |
| Đô la Mỹ (USD) | 5.630 | 4.898 |
| Đồng Euro (EUR) | 1.696 | 1.762 |





## 27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

### Bộ phận theo khu vực địa lý

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cần phải trình bày.

## 28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | **VND** | **VND** |
| Doanh thu bán điện | 27.968.663.508.222 | 24.399.375.144.215 |
| ***Trong đó: Doanh thu liên quan đến chênh lệch tỷ giá (i)*** | ***1.130.915.228.796*** | **-** |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu và phế phẩm | 205.493.435.975 | 9.231.449.661 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 49.961.111.778 | 32.463.166.771 |
| Doanh thu bán hàng hóa | - | 118.750.485.884 |
| Doanh thu hợp đồng xây lắp | - | 1.129.083.798 |
| | **28.224.118.055.975** | **24.560.949.330.329** |
| **Doanh thu với các bên liên quan** (trình bày ở Thuyết minh số 39) | **261.452.215.296** | **233.028.098.977** |

(i) Doanh thu liên quan đến chênh lệch tỷ giá ghi nhận trong năm 2022 bao gồm các khoản sau:

- Doanh thu phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 trong năm 2018 với số tiền 585.460.184.221 VND, trong đó 276.271.590.497 VND là doanh thu phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 (giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần). Tổng Công ty đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho EPTC-EVN trong năm 2022. Theo Công văn số 13683/BTC-TCDN ngày 6 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính, khoản doanh thu phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 nói trên có nguồn gốc từ doanh thu bán điện trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ), do đó khoản lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 262.458.010.972 VND sẽ do Công ty mẹ- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định phê duyệt phân phối (không được phân phối cho cổ đông ngoài Công ty mẹ). Tổng Công ty đã ghi nhận toàn bộ số tiền doanh thu từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 nói trên vào kết quả kinh doanh năm nay.

- Doanh thu phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018 với số tiền là 310.681.079.372 VND, theo phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản làm việc liên quan trong năm 2022. Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Công ty con của Tổng Công ty đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho EPTC-EVN trong năm 2022 và ghi nhận doanh thu từ chênh lệch tỷ giá nói trên vào kết quả kinh doanh năm nay.

- Doanh thu phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Đakdrink cho năm 2015 với số tiền là 2.078.122.737 VND, theo phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản làm việc liên quan trong năm 2022. Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrink - Công ty con của Tổng Công ty đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho EPTC-EVN trong năm 2022 và ghi nhận doanh thu từ chênh lệch tỷ giá nói trên vào kết quả kinh doanh năm nay.

- Doanh thu phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Nhà máy Thủy điện Đakdrink lần 1 trong năm 2019 với số tiền 223.172.984.605 VND, theo phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản làm việc liên quan trong năm 2022. Tổng Công ty đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho EPTC-EVN trong năm 2022 và ghi nhận doanh thu tương ứng vào kết quả kinh doanh năm nay.

## 29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán điện | 24.341.513.432.317 | 21.882.060.151.180 |
| Giá vốn bán nguyên vật liệu và phế phẩm | 122.929.847.476 | 5.989.262.161 |
| Giá vốn dịch vụ | 33.570.671.872 | 22.898.907.199 |
| Giá vốn bán hàng hóa | - | 114.717.879.948 |
| Giá vốn của hợp đồng xây lắp | - | 1.095.211.125 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (5.810.004.598) |
| | **24.498.013.951.665** | **22.020.951.407.015** |

## 30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 19.592.542.363.169 | 16.425.457.729.312 |
| Chi phí nhân công | 816.057.233.541 | 832.676.001.439 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.809.393.991.244 | 2.817.966.830.053 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.736.783.820.331 | 1.521.147.872.853 |
| Chi phí khác | 462.705.246.353 | 437.659.644.643 |
| | **25.417.482.654.638** | **22.034.908.078.300** |





## 31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 319.109.165.043 | 319.078.203.926 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia (i) | 68.357.900.000 | 7.346.546.544 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 30.111.041.213 | 40.641.120.133 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 26.000.910.386 | 16.770.427.667 |
| Lãi chuyển nhượng vốn | 1.640.680.000 | 306.023.696.342 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 1.323.920 | - |
| | **445.221.020.562** | **689.859.994.612** |

(i) Cổ tức lợi nhuận trong năm nay bao gồm 54.476.280.000 VND cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty nhận được toàn bộ số tiền cổ tức nêu trên.

## 32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 437.526.336.797 | 509.644.391.365 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 66.481.299.496 | 4.240.152 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 53.102.635.130 | 44.374.907.393 |
| Chi phí cho các khoản vay | 11.413.843.358 | 40.676.137.738 |
| Chi phí tư vấn tái cấu trúc | 1.424.395.243 | 24.939.361.733 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 5.566.666.696 | 4.311.111.092 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 416.375.274 | 5.897.544.290 |
| Chi phí tài chính khác | 15.854.986.083 | 22.954.505.803 |
| | **591.786.538.077** | **652.802.199.566** |

## 33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân công | 381.360.289.271 | 377.661.066.030 |
| Chi phí khấu hao | 34.745.872.682 | 35.789.447.304 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 22.468.170.293 | 25.522.100.875 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 128.205.359.571 | 116.740.813.407 |
| Các khoản dự phòng | 17.444.628.059 | (705.192.539.066) |
| Chi phí quản lý khác | 283.379.062.442 | 280.413.484.838 |
| | **867.603.382.318** | **130.934.373.388** |

## 34. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **a. Thu nhập khác** | | |
| Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm | 19.646.893.214 | - |
| Thu nhập phạt vi phạm hợp đồng | 3.178.227.499 | 2.467.199.717 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản | 1.874.559.978 | 1.555.727.273 |
| Thu nhập khác | 42.438.478.004 | 15.815.291.080 |
| | **67.138.158.695** | **19.838.218.070** |
| **b. Chi phí khác** | | |
| Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng | 14.083.100.111 | - |
| Chi phí khắc phục sự cố rotor máy phát | - | 131.726.690.312 |
| Chi phí khác | 8.978.010.435 | 7.993.581.546 |
| | **23.061.110.546** | **139.720.271.858** |
| **Lợi nhuận/(lỗ) khác** | **44.077.048.149** | **(119.882.053.788)** |





## 35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện | 235.995.913.176 | 160.259.647.790 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác | 4.769.939.524 | 4.196.916.253 |
| | **240.765.852.700** | **164.456.564.043** |

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 15.539.750.493 | 133.388.276.511 |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | - | (10.697.713.074) |
| **Tổng chi phí doanh nghiệp hoãn lại** | **15.539.750.493** | **122.690.563.437** |

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## 36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chi tiết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | | Trình bày lại |
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 2.060.858.298.332 | 1.798.554.042.056 |
| Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i) | (22.000.000.000) | (182.154.978.177) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 2.038.858.298.332 | 1.616.399.063.879 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 2.341.871.600 | 2.341.871.600 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)** | **871** | **690** |

(i) Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2022 được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty con của Tổng Công ty thông qua. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và một số công ty con chưa xác định số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2022 có thể sẽ thay đổi khi Tổng Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 được Tổng Công ty điều chỉnh lại theo các Nghị quyết và Quyết định của Tổng Công ty và các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận năm 2021. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại như sau:

| | Năm trước | |
|---|---|---|
| | Số trình bày lại | Số đã báo cáo |
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 1.798.554.042.056 | 1.798.554.042.056 |
| Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | (182.154.978.177) | (25.365.589.012) |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 1.616.399.063.879 | 1.773.188.453.044 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | **2.341.871.600** | **2.341.871.600** |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)** | **690** | **757** |

# 37. CÁC KHOẢN TIỀM TÀNG

Tháng 9 năm 2021, Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 của Tổng Công ty gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để phục vụ sửa chữa. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổ máy số 1 đã hoàn thành việc sửa chữa. Tổng Công ty và các bên liên quan đang trong quá trình thống nhất phạm vi và số tiền bảo hiểm được đền bù.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Nhà máy Thủy điện Đakdrink và tỷ giá trong phương án giá điện của các nhà máy này cho giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2022 và phần còn lại doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của các nhà máy điện này cho năm 2019 sẽ được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

Theo Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn"), giá khí Tổng Công ty phải trả Tập đoàn để vận hành các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 từ ngày 12 tháng 10 năm 2019 được xác định và áp dụng trên cơ sở tạm tính. Mức giá khí này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và Tập đoàn ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán khí và các cơ quan có thẩm quyền có ý kiến chính thức.

Theo Hợp đồng Mua bán điện Nhà máy điện Cà Mau 1&2 ngày 15 tháng 12 năm 2021 và các Phụ lục hợp đồng, thỏa thuận có liên quan giữa Tổng Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC-EVN"), chi phí nhiên liệu khí cấu thành giá bán điện của các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 được xác định trên cơ sở tạm tính và áp dụng từ ngày 12 tháng 10 năm 2019. Chi phí nhiên liệu khí cấu thành giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán khí và các cơ quan có thẩm quyền có ý kiến chính thức.

Theo các Thỏa thuận và Biên bản họp về việc tạm thanh toán phí vận hành và bảo dưỡng cấu thành giá bán điện cho các Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 giữa Tổng Công ty và EPTC-EVN, chi phí vận hành và bảo dưỡng cấu thành giá bán điện của các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 được xác định trên cơ sở tạm tính. Chi phí vận hành và bảo dưỡng cấu thành giá bán điện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và EPTC-EVN ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện.

Theo Hợp đồng mua bán điện ngày 17 tháng 8 năm 2016 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thông số tổng mức đầu tư cấu thành giá bán điện cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định trên tổng mức đầu tư kế hoạch của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Thông số tổng mức đầu tư cấu thành trong giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được quyết toán giá trị vốn đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty), đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề, hiện tại, NT2 và Tổng Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan có thẩm quyền để có kết luận cuối cùng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, Uỷ ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116.482 m2 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 tại khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Theo đó, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan và cơ quan hữu quan để hoàn thiện thủ tục chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến diện tích đất thu hồi.





# 38. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLDK ngày 21 tháng 07 năm 2020, Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 do Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 MW đến 880 MW với công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sau thuế của Dự án là 32.486.933.657.876 VND, cơ cấu nguồn vốn là 25% vốn chủ sở hữu và 75% vốn vay. Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiêu liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ký kết "Hợp đồng khung cung cấp và tiêu thụ LNG cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4". Theo đó, lượng khí/năm hợp đồng dự kiến cho mỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là khoảng 850 triệu m3 khí/năm tương đương với 0,58 triệu tấn LPG. Khối lượng khí chính thức sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn sau và sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng Mua bán Khí.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty và Liên danh nhà thầu Tập đoàn Samsung C&T và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã ký "Hợp đồng Thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4". Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 481.645.000 USD và 10.478.727.901.878 VND.

Theo Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã chấp thuận Liên danh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Việt Nam, Tokyo Gas Co., Ltd và Marubeni Corporation là nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy Điện khí LNG Quảng Ninh. Ngày 11 tháng 7 năm 2022, Dự án này đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu với tổng số vốn đầu tư là 47.480 tỷ VND, trong đó vốn góp của các nhà đầu tư là 7.122 tỷ VND (gồm vốn góp của Tổng Công ty là 2.137 tỷ VND) và v ốn huy động là 40.358 tỷ VND. Ngày 23 tháng 8 năm 2022, theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐLDK, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã phê duyệt việc Tổng Công ty tham gia góp vốn với tỷ lệ 30% vốn điều lệ để thành lập Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh. Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu với vốn điều lệ là 100 tỷ VND, trong đó tỷ lệ vốn góp cổ phần của Tổng Công ty là 30%, tương ứng với 30 tỷ VND. Ngày 19 tháng 01 năm 2023, Tổng Công ty đã hoàn thành việc góp vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản DLC và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn An Việt đã ký hợp đồng số 92/2022/HĐ/PVP-DLC-AN về mua bán Công trình Xây dựng - Tòa nhà văn phòng DLC tại Lô C, ô đất 1.14 - HH, tuyến phố Láng Hạ - Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 726 tỷ VND. Thời gian bàn giao tòa nhà không muộn hơn ngày 17 tháng 5 năm 2024. Ngày 8 tháng 02 năm 2023, Tổng Công ty đã thanh toán 30% giá trị hợp đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản DLC, tương ứng với 217,8 tỷ VND.

# 39. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:***

| **Bên liên quan** | **Mối liên hệ** |
|---|---|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Công ty mẹ |
| Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Cùng chủ sở hữu |

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Bán hàng** | **261.452.215.296** | **233.028.098.977** |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 260.058.351.606 | 233.028.098.977 |
| Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) | 1.393.863.690 | - |
| | | |
| **Mua hàng hóa và dịch vụ** | **14.151.796.580.358** | **12.976.800.387.807** |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 6.027.122.358.441 | 6.274.209.427.101 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 5.715.261.713.716 | 4.315.040.346.486 |
| Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ | 2.310.980.737.767 | 2.293.424.396.046 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần | 62.714.544.896 | 49.473.018.859 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 17.090.641.166 | 18.587.573.464 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 13.809.304.464 | 13.818.622.627 |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | 3.695.293.908 | 2.028.229.524 |
| Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí | 824.230.000 | - |
| Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam | 169.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí | 128.156.000 | 135.000.000 |
| Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty CP | - | 10.083.773.700 |
| | | |
| **Thu nhập khác** | **3.057.540.924** | **4.338.235.652** |
| Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí | 1.138.400.000 | 3.507.721.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | 1.115.414.812 | - |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 665.453.388 | 692.241.928 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 138.272.724 | 138.272.724 |
| | | |
| **Chi phí lãi vay** | **88.248.567.345** | **100.579.464.365** |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 88.248.567.345 | 100.579.464.365 |
| | | |
| **Lãi tiền gửi** | **43.762.641.398** | **59.126.197.286** |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 43.762.641.398 | 59.126.197.286 |
| | | |
| **Phân phối lợi nhuận giai đoạn trước cổ phần hóa** | **-** | **1.028.174.152.403** |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | - | 1.028.174.152.403 |

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng tại Công ty mẹ trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Hội đồng Quản trị** | | |
| Ông Hồ Công Kỳ | 1.119.037.939 | 1.289.129.572 |
| Ông Lê Như Linh | (*) | (*) |
| Bà Vũ Thị Tố Nga | 930.493.886 | 1.218.107.487 |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến | 1.031.494.054 | 1.171.111.948 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | 966.298.494 | 811.853.017 |
| Ông Vũ Chí Cường | 1.091.758.399 | 488.665.090 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | (*) | (*) |
| | **5.139.082.772** | **4.978.867.114** |

(*) Đã được trình bày ở phần Thu nhập của Ban Tổng giám đốc như chi tiết bên dưới.

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Ban Tổng giám đốc/ Kế toán trưởng** | | |
| Ông Lê Như Linh | 1.114.042.692 | 1.290.164.198 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích | 967.843.188 | 1.216.150.446 |
| Ông Nguyễn Duy Giang | 1.007.302.359 | 1.188.344.317 |
| Ông Nguyễn Mạnh Tường | 927.064.410 | 1.215.943.441 |
| Ông Nguyễn Minh Đạo | 957.850.613 | 1.197.937.641 |
| Ông Nguyễn Kiên | 955.615.287 | 1.184.594.965 |
| Ông Phan Ngọc Hiền | 953.729.219 | 1.185.243.207 |
| Ông Ngô Văn Chiến | 901.634.301 | - |
| Ông Chu Quang Toản | 949.581.389 | 1.126.252.259 |
| | **8.734.663.458** | **9.604.630.474** |

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Ban Kiểm soát** | | |
| Ông Vũ Quốc Hải | 1.006.548.332 | 1.187.175.154 |
| Bà Vũ Thị Ngọc Dung | 915.625.076 | 1.087.960.480 |
| Bà Hà Thị Minh Nguyệt | 952.147.394 | 1.070.848.846 |
| Bà Lý Thị Thu Hương | 884.555.076 | 1.106.708.932 |
| Bà Đoàn Thị Thu Hà | 846.985.076 | 766.656.492 |
| | **4.605.860.954** | **5.219.349.904** |

***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:***

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **1.092.697.898.962** | **1.298.885.603.963** |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 1.092.697.898.962 | 1.298.885.603.963 |
| **Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn** | **5.000.000.000** | **5.000.000.000** |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| **Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | **58.985.102.061** | **60.417.973.530** |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau | 57.797.129.699 | 55.780.800.186 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 1.111.335.085 | 1.111.335.085 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 63.962.277 | 5.442.259 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 12.675.000 | 12.675.000 |
| Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí | - | 3.507.721.000 |
| **Trả trước cho người bán ngắn hạn** | **960.000.000** | **480.000.000** |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần | 960.000.000 | - |
| Viện Dầu khí Việt Nam | - | 480.000.000 |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Phải thu ngắn hạn khác** | **244.500.702.972** | **244.092.693.815** |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 218.489.976.676 | 218.489.976.676 |
| Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch | 20.217.829.253 | 20.217.829.253 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 4.755.616.437 | 4.358.287.672 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí | 845.101.105 | 845.101.105 |
| Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 | 192.179.501 | 181.499.109 |
| **Phải trả người bán ngắn hạn** | **5.901.396.418.774** | **6.243.580.571.631** |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 4.373.551.218.808 | 3.246.105.466.237 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 1.508.569.093.119 | 2.960.942.561.950 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 13.890.984.976 | 26.105.681.542 |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | 3.323.081.356 | 482.994.050 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | 1.242.837.402 | 1.654.279.721 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 329.105.565 | 6.832.822.909 |
| Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí | 283.000.000 | 175.000.000 |
| Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần | 207.097.548 | 663.100.160 |
| Công ty TNHH Một thành viên Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam | - | 618.665.062 |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Người mua trả tiền trước** | **1.962.903.000** | **1.962.903.000** |
| Trường Cao đẳng nghề Dầu khí | 1.962.903.000 | 1.962.903.000 |
| **Chi phí phải trả** | **1.694.401.336.516** | **818.241.386.047** |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 1.694.401.336.516 | 817.886.725.680 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | - | 354.660.367 |
| **Phải trả khác** | **2.242.590.619.141** | **2.242.590.619.141** |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.242.590.619.141 | 2.242.590.619.141 |
| **Vay** | **1.019.149.226.086** | **1.189.007.426.086** |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam | 1.019.149.226.086 | 1.189.007.426.086 |

**Quách Thị Hồng Liên**
**Người lập**

**Chu Quang Toản**
**Kế toán trưởng**

**Lê Như Linh**
**Tổng giám đốc**

*Ngày 06 tháng 3 năm 2023*

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**

Address Toà nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội Telephone (024)2210288 Fax (024)22210 388